

CHÂN DUNG BÁC HỒ

KIỀU PHONG

Khối 8406 Tự Do Dân Chủ cho Việt Nam 07.2009

LỜI GIỚI THIỆU

Kính thưa Quý Vị, Các Bạn trẻ thân mến,

Khi xuất hiện trên thế giới kể từ năm 1917, các chế độ cộng sản (vì tự coi mình là đỉnh cao trí tuệ của loài người, có một chủ nghĩa mang tính khoa học bậc nhất) nên một mặt đã hoàn toàn phủ nhận mọi thần linh và tôn giáo cũng như hạ thấp mọi triều đại và nhân vật lịch sử đi trước mình, mặt khác đã đề cao các lãnh tụ cộng sản như là những con người ưu việt, có đủ mọi đức tính cao quý, tài năng trời vượt, đáng gọi là những vị thần thánh mới, những đấng cứu thế mới. Điều này đã xảy ra từ Đông sang Tây với Lênin, Stalin ở Liên Xô, Titô ở Nam Tư, Kim nhật Thành ở Bắc Hàn, Mao Trạch Đông ở Trung Quốc, Fidel Castro ở Cuba, Hồ chí Minh ở Việt Nam...Lịch sử đã cho thấy đó thực ra là những con người nham hiểm, tàn ác, có vô số sai lầm khuyết điểm và đã đẩy đưa dân tộc của họ đến những thảm cảnh, tai họa khôn lường.

Riêng tại Việt Nam, Hồ chí Minh không những đã được các đồng chí, đồng đảng thần thánh hóa, mà còn tự bốc thơm mình qua hai tác phẩm “Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch” dưới bút hiệu Trần dân Tiên (1948), và “Vừa đi đường vừa kể chuyện” dưới bút hiệu T. Lan (1950). Ban đầu được che giấu, dần dần các tác giả bị phanh phui rồi được đảng tiết lộ (năm 1976) như là chính nhân vật của câu chuyện. Đây là điều chưa từng thấy trong văn chương chính trị của nhân loại. Và việc đảng cộng sản Việt Nam công bố sự việc với niềm hãnh diện cũng là chuyện vô tiền khoáng hậu trong lịch sử loài người.

Với ngòi bút phân tích cặn kẽ và châm biếm sâu sắc, nhà văn Kiều Phong (Lê Tất Điều) cho thấy cuốn “Những mẩu chuyện...” đã hé lộ một con người vừa điều ngoa, đều cáng, tô vẽ bản thân và chế độ cộng sản một cách không ngưng ngớt, vừa kiêu căng ngạo mạn, dám khinh chê hết thảy mọi nhà cách mạng đích thực của dân tộc như Hoàng Hoa Thám, Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu...Như lời tác giả Minh Võ (xem phần phụ lục), cuốn sách đã “cho thấy Hồ chí Minh không bao giờ là một người bộc trực, thẳng thắn, chân thành, đồng thời càng khó thể tin ông ta là một người yêu nước, thương dân như những lời tự diễn tả. Hồ chí Minh chỉ cho thấy quyết tâm bảo tồn quyền lực để tiếp tục theo đuổi tham vọng của mình bằng mọi thủ đoạn xảo trá, giảo hoạt, mặc tình đổi trắng thay đen, nói không thành có, lường gạt tất cả những người ngay thẳng trên khắp thế giới và nhẫn tâm khai thác xương máu đồng bào bằng những điều nguy tạo về bản thân”.

Ước mong Quý Độc Giả, qua tập sách này, sẽ nhận ra Hồ chí Minh chính là cội nguồn mọi tai họa mà dân tộc Việt Nam đang phải gánh chịu.

Khối Tự Do Dân Chủ cho Việt Nam 8406

PHẦN 1

Sau 10 năm qui ẩn, xuống núi phen này, Kiều Phong quyết định viết chuyện tình: *Mối tình lớn nhất của “bác Hồ”*: ***Bác Hồ đã say mê chính mình, mê như điều đồ.***

Như một anh si tình khờ khạo, “bác Hồ” làm nhiều trò quái đản để biểu lộ tình yêu. Chúng ta đều biết, muốn tìm một đội ngũ văn nô mạnh, phải tìm ở các nước cộng sản, muốn thấy một lực lượng nâng bi khỏe nhất, có nghiệp vụ cao nhất thế giới, phải hướng về Hà Nội, Thủ Đô của đỉnh cao điều đóm. Quanh “bác Hồ”, các chuyên viên thời ông đu đu đông như kiến, tên nào cũng có những ngón nghề ác liệt, thế mà bác không hài lòng, không thỏa mãn, ***bác đích thân cầm cúi đi làm một công việc vô cùng độc đáo là ngồi viết sách tự ca tụng, tự bốc thơm.***

Dưới bút hiệu Trần dân Tiên, bác viết cuốn ‘*Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*’ (từ đây sẽ được ghi ngắn là ‘*Những mẩu chuyện...*’). Sau đó, bác chế thêm bút hiệu T. Lan, cũng với **mục đích cao cả là viết bài tự khen nức nở**.

Trong cuốn sách này, Kiều Phong chỉ hỏi thăm sức khỏe “bác Hồ” và cụ Trần Dân Tiên. Các chú khác như T. Lan tạm thời được bỏ qua, nhưng sẽ có ngày Kiều Phong gom chung lại dẫn ra kho đồ nghề, dụng cụ ở sau nhà, phát cho mỗi chú một cán búa. Anh nào cũng sẽ có phần cả, dùng sốt ruột.

Mặt nạ rớt đều đều

Bác Hồ là người ham học, ham viết. Cả hai đức tính ấy đều tốt, đều đáng khuyến khích. Chỉ kẹt chút đỉnh là bác có tật ưa tẩy máy. Khi đọc, vớ được câu văn lời hay ý đẹp, người bèn mắt la mày lét, nhìn trước ngó sau không thấy có ai canh chừng là ra tay chôm liên. Mấy đũa ăn cắp xe hơi mang “hàng” về còn chịu khó sơn phết, cạo sửa cho mất dấu tích.

Bác Hồ của các đồng chí thi hành nghề chôm danh ngôn một cách lười biếng hơn nhiều. Văn chương, lời nói của người xưa, bác không chịu sửa đổi, cứ để nguyên nước sơn láng công trình làng, lái chạy khơi khơi. Thế nên người ta mới bắt quả tang những câu “bác Hồ” nói giống hệt câu nói của các danh nhân, hoặc lời sáng tác mới toanh nóng hổi của bác, xem lại thì đã cũ hàng thế kỷ, đã được cụ Khổng cho chào đời từ xưa rồi. Các đồng chí cháu “bác Hồ” có anh cũng biết ngược, bèn lên giải thích một cách rất “lô-gích” xã hội chủ nghĩa rằng: “Đây chỉ là trường hợp chí lớn gặp nhau”. Chí lớn của bác chúng tôi có hẹn với chí lớn của cụ Khổng. Chẳng may bác bị kẹt xe, đến chỗ hẹn hơi trễ. Người Việt Nam mình vốn giờ cao su, trễ có ngàn năm nhằm nhò gì mà quý thầy di tản cứ cười đều hoai. Nhưng đó là chuyện sẽ được nói ở cuốn sách khác, khi Kiều Phong có thì giờ nhìn tới toàn bộ tác phẩm lớn bé của “bác Hồ”. Đây chỉ sơ sơ vài đường để đọc giả làm quen với các thói hư tật xấu của bác vậy thôi.

Khi đọc sách thì hơi có tật xấu nhưng trong địa hạt sáng tác, công bằng mà nói, “bác Hồ” đưa ra được những sáng kiến độc đáo, mới lạ. Nếu không bị cái tật chôm chĩa nó hại, phải tự tức tự cường thì bác cũng dựng cờ, gióng trống dựng lên được một trường phái không giống ai: **Trường phái văn chương mặc áo thụng tự vái mình.**

Cuốn “*Những mẩu chuyện...*” được in tới, in lui cho toàn Dân học tập. Mới đây, Hà Nội mới chính thức công bố **Trần Dân Tiên, T. Lan chính là “bác Hồ”**. Thật ra, chả cần Hà Nội chính thức xác nhận, chỉ cần đọc vài trang, người di tản buồn biết ngay tên thực của tác giả. Xin mời quý vị đọc trang đầu cuốn “*Những mẩu chuyện...*”:

“Nhiều nhà văn, nhà báo Việt Nam và ngoại quốc muốn viết tiểu sử của vị Chủ Tịch Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, nhưng mãi đến nay, chưa có người nào thành công. Nguyên nhân rất giản đơn: Chủ Tịch Hồ chí Minh không muốn nhắc tới thân thế của mình.

“Ngày 2.9.1945, lần đầu tiên tôi trông thấy ‘Hồ Chủ Tịch’”. Đó là một ngày lịch sử. Ngày hôm ấy, đứng trước rất đông quần chúng hoan hô nhiệt liệt, “Hồ Chủ Tịch” trang nghiêm đọc Bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

“Ngày thứ hai tôi viết thư xin phép được gặp ‘Hồ Chủ Tịch’”. Ngay chiều hôm ấy, tôi rất sung sướng tiếp được thư trả lời của ‘Hồ Chủ Tịch’ viết như thế này: “Ngày mai 7 giờ 30 mời chú đến. Ký tên: Hồ Chí Minh”. Thư trả lời chóng, nội dung thư giản đơn và giờ hẹn gặp sớm khiến cho tôi rất băn khoăn...” (trang 5).

Mới đọc đến đây, 19 hàng, chưa được một trang, ta đã có tới hai dịp biết **Trần dân Tiên chính là bác, đã có chứng cứ về sự giả dối lộ bịch của bác, đã bắt quả tang bác đang len lén đeo mặt nạ ngòi hồ hỏi viết văn bốc thom chính mình.**

Chúng có thứ nhất: Câu mở đầu cuốn sách đã có hai chữ dùng không chính. “Nhiều nhà văn nhà báo Việt Nam và ngoại quốc muốn viết...nhưng mãi đến nay chưa có người nào THÀNH CÔNG”. Chữ “thành công” ở đây mơ hồ. Họ muốn viết nhưng chưa thực hiện được, chưa làm được hay đã viết về tiểu sử bác rồi, nhưng bốc bác chưa đủ thom nên sách không thành công ?

Đó là một lỗi nhỏ, không đáng kể, nhưng khi nó được viết, được in trong một Nước đầy nhóc văn nô, thì nó tố cáo rằng tác giả ở cái vị thế mà cóc anh văn nô nào dám phê bình, sửa chữa. Văn nô chỉ có cái tội là dòn cả cuộc đời, chí hướng, sức lực vào sự nghiệp nâng bi nên người ngợm, văn chương lúc nào cũng dơ dáy, tồi tàn. Nhưng khả năng sử dụng chữ Việt, khả năng viết của họ đều thuộc loại khá cả, không mấy khi phạm những lỗi “chưa sạch nước cần”. Giả thử Trần Dân Tiên đúng là một văn nô trẻ tuổi mà viết lách như thế thì các văn nô đàn anh sẽ ghê vỡ đầu ngay. Đàn anh Tố Hữu sức mảy mà để cho một kẻ nâng bi tay mớ, dùng chữ còn chưa vững như Trần dân Tiên gia nhập đội ngũ.

Văn chương Trần dân Tiên dù lạng quạng cũng không bị chê bởi vì nó là văn bác. Nhưng văn tài chưa hại bác ác liệt bằng trí tưởng tượng và trí nhớ của bác.

Chúng có thứ hai nằm trong một câu văn đã đột ngột làm rớt mặt nạ Trần dân Tiên, phơi mặt bác ra ánh sáng với nguyên cả râu ria: “Ngày thứ hai tôi viết thư xin phép được gặp Hồ Chủ Tịch. **NGAY CHIỀU HÔM ẤY**, tôi rất sung sướng tiếp được thư trả lời” (trang 5).

Ở đây, không có chuyện gửi thư tay vì chú Trần dân Tiên không mô tả chuyện ấy. Kiều Phong ngờ rằng chú Tiên đã nhờ bưu điện Mỹ gửi thư cho Chủ Tịch thì mới nhanh khiếp thế. Nhưng hỏi lại Giám Đốc Bưu Điện San Diego, được trả lời: “*Hệ thống bưu điện tối tân của Mỹ cũng chỉ có thể giao thư vào ngày hôm sau, nghĩa là qua một đêm mới tới tay người nhận*”.

Bưu điện Mỹ năm 1988 đã không làm việc nhanh bằng bưu điện nhà nước xã hội chủ nghĩa vào ngày 3.9.1945. **Ngày đó, có chú Trần dân Tiên gửi thư cho Hồ Chủ Tịch buổi sáng, buổi chiều nhận được thư trả lời!** Giả thử rằng bưu điện nhà nước ta ngày ấy đã thực hiện được phép lạ thì cái sự chú Tiên nhận được thư hồi âm, hẹn gặp cấp kỳ ngay buổi chiều cùng ngày cũng có nhiều chỗ tức cười. ***Coi bộ bác không có việc gì làm, đang ngồi vêu ra nên vừa nhận được thư của một khách mộ điệu là vồ lấy trả lời ngay, cho gặp mình ngay.*** Nếu có một số người hơi đông cũng muốn gặp bác, chú Trần dân Tiên chắc phải chờ lâu, ít nhất lâu bằng một bệnh nhân trong phòng mạch bác sĩ, chứ đâu được bác chụp giựt vồ vập ác liệt cỡ đó. Cảnh “bác Hồ” vồ chú Tiên làm Kiều Phong liên tưởng tới cảnh chị em ta đang ế khứa tới thấy anh khách sộp Thúc Sinh tà tà đến nạp mạng.

Dù sao, những bí ẩn ấy cũng có lời giải thích ôn hòa: lỗi chẳng phải ở chú Trần Dân Tiên viết nhầm, không phải vì bưu điện Nhà nước ta năm 1945 làm phép lạ, mà vì ***bác gửi thư cho chính mình nên thư qua từ lại cứ nhanh như chớp. Chưa viết được một trang, bác đã dăng trí quên bằng mắt rằng mình đang giả làm Trần Dân Tiên để nâng bi chính mình.***

Cũng chưa quá một trang, chú Trần dân Tiên đã bị bác xử tệ, bỏ quên thê thảm. Cái thư của bác, được chú in lại từng chữ, đóng ngoặc kép cẩn thận, lời chỉ vồn vện có vài dòng: “Ngày mai 7 giờ 30 mời chú đến. Ký tên: Hồ chí Minh”. Người gửi thì cả chữ ký được ghi rõ còn kẻ nhận thì không được bác nhắc tới họ tên, dù chỉ là cái tên trần xì như “chú Tiên” chẳng hạn. Bác Không Muốn.

Trên đời có kẻ không chịu bỏ lỡ bất cứ cơ hội nào có thể tự khen. ***Bác Hồ hơn đời nhiều, chưa có cơ hội bác vẫn tự khen được.*** Vừa xì ra một câu hẹn: “Ngày mai mời chú đến”, hoàn toàn tầm thường, không có gì ghê gớm, cao siêu, vậy mà bác đã bắt chú Tiên phải rôi rít bốc thơm rằng: “Thư trả lời chóng, nội dung giản đơn...”. Mẹ kiếp, bốc kiểu đó thì trên thế giới, mỗi ngày có nhiều triệu người đáng được khen chỉ vì họ cũng viết ra những cái giấy hẹn. Giấy hẹn của anh cha căng chú kiết nào mà chẳng “nội dung giản đơn...”. Không những thế, giấy hẹn của thiên hạ còn đầy đủ, lịch sự hơn vì có ghi tên người nhận đàng hoàng. Còn giấy hẹn của bác, xét kỹ lời thấy thiếu đầu thiếu đuôi, lỡ nó rớt vào tay chú Giáp, chú Đồng hay được gửi lộn vào nhà chú Trường Chinh thì các chú ấy cũng sẽ nhào tới trình diện bác đúng 7 giờ 30 sáng mai cùng với chú Tiên! Thư hẹn thiếu sót, vớ vẩn đến thế mà vừa viết xong bác đã buông bút, ***đeo mặt nạ Trần dân Tiên vào rồi hủ hê thò tay xuống tìm...bi.***

Bác lại tỏ ra thiếu kiên nhẫn, thấy lời khen ngợi là phải vồ ngay. Bác có thể chiến đấu trường kỳ, li lợm nướng hàng triệu người trong chiến tranh...không sót ruột. Nhưng có

cơ hội được khen thì nhất định bác chẳng chịu chê. Xin đọc lại câu văn của bác: “Ngày hôm ấy, đứng trước rất đông quần chúng HOAN HỒ NHIỆT LIỆT, ‘Hồ Chủ Tịch’ trang nghiêm đọc Bản Tuyên Ngôn Độc Lập...”. Người bình tĩnh, kiên nhẫn sẽ viết là: “... đứng trước quần chúng, ‘Hồ Chủ Tịch’ đọc Bản Tuyên Ngôn Độc Lập và được hoan hô nhiệt liệt”. Chờ chút xíu thôi, nào có lâu la gì, đợi Chủ Tịch đọc xong người ta sẽ hoan hô nhiệt liệt cho nó đúng thứ tự thời gian và đỡ ồn ào, lộn xộn. Nhưng ‘bác Hồ’ cứ thấy ‘quần chúng’ là cảm lòng không đầu, ***gặp quần chúng là bác bắt họ hoan hô nhiệt liệt ngay tức khắc.***

Những sơ sót ấy đã tố cáo một số bản tính của bác. Sơ sót hãy tạm coi là nhỏ và tật xấu chưa trầm trọng lắm. Nhưng cũng chỉ mới viết trang đầu ***bác đã để lộ cái tính xảo ke***, bác viết: “*Chủ Tịch Hồ Chí Minh không muốn nhắc lời thân thể mình*”.

Không muốn nhắc lời thân thể mà tự mình ngời viết cả một cuốn sách bốc thơm mình, bịa đặt phét lác để nâng bi mình tới đa, ‘không muốn’ kiểu này hơi lạ ! Câu ấy, đáng lẽ phải được viết như thế này: “***Chủ Tịch Hồ Chí Minh không muốn...đưa khác viết về thân thể của người. Chính người phải viết lấy, tự ca tụng, tự thổi ống đu đủ, tự nâng bi thì người mới cảm thấy đã đời***”!

Bác đẹp trai

Nào chúng ta chịu khó đọc tiếp: “Sáng 4.9, 7g25, tôi đến Dinh Chủ Tịch. đúng 7g30, một người thanh niên đến phòng khách, lễ phép nói với tôi: ‘Hồ Chủ Tịch đợi anh ở phòng làm việc’. Phòng làm việc của Chủ Tịch là một gian phòng rất rộng, một bên có nhiều cửa sổ lớn.

Trong phòng có một cái bàn làm việc, một chiếc giường, một tủ sách nhỏ kê sát vào tường, và hai bàn nhỏ của hai thư ký. Phía trên lò sưởi, có một lọ hoa. Đây là tất cả những đồ trong phòng làm việc, không có một thứ trang trí gì khác. Hồ Chủ Tịch THƯỜNG MẶC bộ quần áo kaki, đi giày vải đen” (trang 6).

Chúng ta mới ở phần đầu trang thứ hai (trong sách là trang 6 vì 4 trang đầu dành cho nhan sách và những thủ tục linh kinh), chưa đi xa đến một trang rưỡi, ta đã bắt gặp ***bác để rớt mặt nạ Trần dân Tiên lần thứ ba.***

Chú Tiên leo lẻo kể rằng lần đầu tiên chú thấy “bác Hồ” là ngày 2 tháng 9. Sáng 4 tháng 9 chú mới gặp bác lần thứ hai vậy mà chú đã biết “HỒ Chủ Tịch THƯỜNG MẶC...”. Nếu bác cứ phịa đại Trần dân Tiên là một thứ lính cận vệ, chuyên lo điều đóm cho bác thì đỡ lộ tẩy. Đàng này bày đặt “thân thể” chú Tiên là người xa lạ, mới gặp...để rồi chú ấy phom phom kể bác thường mặc áo này, thường đi giày kia, thông thạo cứ như...chính bác vậy. ***Dầu chưa kịp dấu cái đuôi đã thò ra ve vẩy loạn lên, trông không ra làm sao cả.***

Bây giờ đến khoản bác tả dung nhan của chính mình. Bác viết: “*Tóc người đã hoa râm, trán rộng và cao, đôi mắt sáng ngời, mũi thẳng...*” ***Gớm ! Bác thấy bác bánh trai đến thế thì bác si mê bác là đúng quá rồi.*** Khúc sau, phải tả tới màu da, bác hơi kẹt vì da bác “ngăm ngăm đen...”. Phịa là nó trắng trẻo hồng hào thì lộ liễu quá, sợ các cháu cười, bác đành phải nhận là mình đen. Nhưng lại e nhận như thế nó hơi xí giai đi, bác vội vã thêm: “*Da ngăm ngăm đen khiến ta nghĩ đến sương gió dãi dầu trong rừng sâu và những nỗi gian khổ của chiến tranh du kích...*” (trang 6).

Nhờ “bác Hồ” tí ! Sương gió dãi dầu thì đen nhưng “trong rừng sâu” thì lại chỉ xanh mướt hoặc vàng ra chứ đâu có đen. Cái khoản chiến tranh du kích lại càng xa sự đen đui nữa vì đánh du kích là chuyện của những kẻ theo bác, còn chính bác quanh quần chiến đấu dãi dầu sương gió trong những cái hang kiểu như hang Pắc Bó vậy thôi. Không ai trách bác chuyện ở ru rú trong hang để điều khiển cuộc chiến, nhưng ***ở chỗ an toàn như thế mà cũng đòi có màu da đen rậm nắng của các chiến sĩ gió sương thì tham lam quá.***

Cái phần “*trán cao, mũi thẳng, mắt sáng ngời*” ***bác đã vô hết, xí hết***, lũ đàn em thực sự làm du kích có tí da ngăm ngăm đen phong trần để lấy le với đào, bác cũng chôm luôn. ***Đã tham lam, bác còn tỏ ra ích kỷ quá sức.*** Khi tự mô tả mình bánh trai như thế, bác cóc thêm nghĩ đến những cộng sự viên đặc lực, những chú em đồng chí hơi xấu trai: Thí dụ như chú

Đồng về. Trong khi bác ‘mũi thẳng, mắt sáng’ thì chú ấy mũi vẹo, môi dày còm cộm. Bác càng khoe mình đẹp trai thì chú Đồng về càng buồn duyên tui phận dữ lắm. *Con người đi làm cách mạng đâu có cần bề ngoài hoa lá cành như mấy anh đóng tuồng cải lương. Làm chi mà huênh hoang dữ thân vậy cho lũ đàn em nó thêm đau đớn phận nghèo !*

Bác ‘khiêm tốn nhường ấy’

Sau khi để mặt nạ Trần dân Tiên rơi lộp bộp mấy lần, bác chột tỉnh lại và nhớ ra trò chơi phân thân của mình. Bác mô tả tiếp: ‘Tôi bước vào phòng kính cần chào. Chủ Tịch đứng dậy bắt tay tôi và mời ngồi trước bàn làm việc. Trước hết, người hỏi thăm sức khỏe của thầy mẹ tôi và sau mới nói: ‘Tôi có thể giúp chú việc gì nào ?’. Tôi nói rõ mục đích của tôi. Chủ Tịch chú ý nghe. Sau khi tôi nói xong, người cười và đáp: ‘Tiểu sử. Đây là một ý kiến hay. Nhưng hiện nay còn nhiều việc cần thiết hơn. Rất nhiều Đồng Bào đang đói khổ. Sau tám mươi năm nô lệ, Nước ta bị tàn phá, bây giờ chúng ta phải xây dựng lại. Chúng ta nên làm những công việc hết sức cần kíp đi đã !’ (trang 6).

Mặt nạ Trần dân Tiên lới rớt cái kịch. Bởi vì trên đời này, nếu có một tên Trần dân Tiên thật mà tên ấy mới gặp bác lần đầu đã khờ khạo ngu si đến độ đòi viết tiểu sử ca tụng người thì làm sao nó có thể sống sót ra khỏi Dinh Chủ Tịch. Bọn văn nô chuyên nghiệp của bác sẽ bủa vây hàng hàng lớp lớp đón cậu Trần dân Tiên ở cổng dinh mà bịch cho cậu một trận toi bời hoa lá vì cậu cả gan tính tranh ‘gióp’ của chúng nó. Sau bao tháng ngày gian khổ đi theo bác chiến đấu, chúng đã thành văn nô được biên chế, chúng đã được đảng cấp cho dụng cụ hành nghề là những cái ống đu đủ rất to. Đứa nào cũng chấp chới mong ngóng có ngày được vinh dự kê ống của mình vào rôn bác mà thôi, nay có thẳng tay mơ ở đâu nhào tới đòi dẹp những văn nô nhà nghề, văn nô có chức sắc, để dành cái rôn của bác thì đâu có thể để cho nó sống sót được.

Về việc thực hiện cuốn tiểu sử, bác bảo: **‘Đồng bào đang đói khổ, có nhiều việc cần kíp phải làm trước. Hãy gác cái ý viết tiểu sử bác lại, v.v...’**

Vừa phán như thế xong, bác lại nhặt cái mặt nạ Trần dân Tiên dưới đất lên, đeo vào, nâng bì tiếp: ‘Một người như Hồ Chủ Tịch của chúng ta, với ĐỨC KHIÊM TỐN NHƯỜNG ẤY và đương lúc bề bộn bao nhiêu công việc làm sao có thể kể lại cho tôi nghe bình sinh của người được’.

Nếu bác biết tôn trọng lời bác nói thì cuốn sách ‘Những mẩu chuyện...’ không bao giờ được viết. Bởi vì từ ngày 4.9.1945 cho tới lúc các cháu khiêng bác ra quảng trường Ba Đình, có lúc nào hết cảnh ‘rất nhiều Đồng bào đang đói khổ’ hay có khi nào bác hết ‘những công việc cần kíp’ đâu. Kiên cường rước cho được chủ nghĩa cộng sản về chụp lên đầu Dân Tộc, hô hào một nửa Nước đem súng ống đi tàn sát ép nửa kia vào cuộc đời đói rách... những công trình ấy đâu có lúc nào cho phép bác được rảnh rang. Đã bề bộn công việc lại còn có ‘đức khiêm tốn nhường ấy’ nghĩa là rất thận khi phải tự đề cao mình...bác sẽ không chịu kể tiểu sử cho ai, nói chi đến việc tự viết ra.

May thay cho nền văn chương hài hước, tiêu lâm của Dân Tộc, bác đối xử với những lời nói của chính bác giống hệt như mấy cái hiệp định, hòa ước, lệnh ngưng bắn Tết Mậu Thân mà bác đã ký kết, hứa hẹn...nghĩa là vi phạm lia chia. Hiệp ước ký rồi bác vi phạm ngay lúc chưa ráo mực. **Lời bác phán thì bị vi phạm ngay từ lúc đang...viết ra !**

Cái việc bác ngồi cầm bút viết những câu văn Trần dân Tiên để tự ca tụng đã như một bàn tay vả bôm bốp vào cái mồm huênh hoang rằng bác có nhiều việc cần kíp, bác khiêm tốn, bác bận lo cho Đồng Bào đói khổ không có thì giờ khoe tiểu sử, v.v...

Tự mình cầm bút khoe tiểu sử, bóc thorn chính mình rồi cùng lúc nở nở ca ngợi rằng mình là người quá khiêm tốn, quá bận lo cho Dân đói không muốn bỏ thì giờ vào việc kể tiểu sử Cổ Kim, Đông Tây khó kiếm được anh chàng nào ăn gian nói dối, lố bịch đến thế.

Mới đọc chưa hết ba trang sách của bác chúng ta đã thấy hiện ra rành rành trước mắt chân dung một con người thèm thường lời ca tụng, không chịu thỏa mãn với các kỹ thuật

nâng bi tối tân của một đội ngũ văn nô nâng khỏe nhất thế giới, một con người dám làm cả những trò tiêu lâm, cả chón nhất để thỏa mãn nỗi khát khao được xưng tụng, **một người hoàn toàn vì mình mà quên...Dân, vì trong khi Dân chúng chết đói, chết vì chinh chiến thì bác ngồi rung đùi há hê viết sách tự ca tụng mình tài, tự vẽ mình là mắt sáng, mũi thẳng, trán cao.**

Với ba trang sách mà đã mô tả được ngần ấy chuyện, gửi đến độc giả ngần ấy đức tính cao cả của bác, **phải công nhận là văn chương ‘bác Hồ’ cũng phong phú lắm chứ bộ ? ? ?**

Trên mọi địa hạt, bác tỏ ra rất tự kiêu, tự mãn. Lời bác nói ra là chân lý, hành động của bác không bao giờ sai lầm, bác làm gì cũng thành công, v.v...Thế nhưng khi đọc tới trang 7 cuốn tiểu sử này chúng ta thấy có một công việc bác đã làm với tinh thần thiếu tự tin. Bác cảm thấy mình chưa đạt chỉ tiêu và bác băn khoăn, bảo chữa dữ lắm. Cuối trang 7, bác viết: ‘‘Tôi cũng nhận rằng trong quyển này còn thiếu nhiều đoạn. Trong đời hoạt động của ‘‘Hồ Chủ Tịch’’, những đoạn ấy phải chăng là rất quan trọng ? Tôi không thể biết, đồng thời tôi cũng nghĩ rằng: Ngoài ‘‘Hồ Chủ Tịch’’, thì không ai có thể trả lời được câu hỏi đó’’.

Bây giờ, ta đã biết **Trần Dân Tiên chính là bác**, câu văn trên cần được sửa lại cho đàng hoàng, đứng đắn như sau: ‘‘**Tôi cũng nhận rằng trong quyển này còn thiếu nhiều đoạn. Trong đời hoạt động của tôi, những đoạn ấy phải chăng là rất quan trọng ? Tôi không thể biết, đồng thời tôi cũng nghĩ rằng: Ngoài tôi ra thì không ai có thể trả lời được câu hỏi đó’’.**

Câu văn làm nhằm tức cười ấy đã thể hiện một thâm kịch do tật khoái được nâng bi gây ra. Đầu tiên, bác chê hết cả đội ngũ văn nô, chỉ tin ở tài tự ca ngợi. Nhưng mới viết vài trang, bác sợ mình sẽ không ca tụng mình tới mức. Bác phải thông câu đó để nhấn nhe Đồng Bào, độc giả rằng: ‘‘**Cuốn sách này ca tụng bác chưa đủ đâu nhé, ‘bác Hồ’ còn nhiều cái hay ho tài ba, ly kỳ bí mật khác chưa được kể ra, người viết sách nâng bi Trần dân Tiên nâng chưa tới đâu. Bi bác còn đáng...cao hơn nhiều, v.v...’’**

Ngần năm một thườ mới có dịp thấy bác nhũn nhận nhận là mình có chỗ còn yếu kém, làm chưa đạt chỉ tiêu. Đồng bào đồ xô tới xem chỗ yếu kém hiếm hoi đó là cái gì thì hóa ra bác khiêm tốn thú nhận rằng: **Tôi không đủ tài để ca tụng tôi, tôi là con người vĩ đại vượt ra khỏi tầm nâng bi, ca ngợi của chính tôi !**

Từ thườ vua Hùng dựng Nước, trải qua lịch sử hàng ngàn năm, chúng ta chưa từng gặp một con người ‘‘**Khiêm Tốn Nhường Ấy’’ !**

PHẦN 2

Về gốc gác, gia tộc của bác Hồ, chú Trần dân Tiên viết:

*‘‘**Hồ Chủ Tịch sinh năm 1980. Quê người ở làng Kim Liên, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An (Trung bộ). Phụ thân người là một cụ Phó Bảng, nhưng gia đình người là một gia đình nông dân’’** (trang 8).*

Tại sao bác phải ‘‘nhưng gia đình người là một gia đình nông dân’’ thì ai cũng biết, bởi vì lũ dân con của bác, bác truy đến ba đời nhà chúng nó để hành tội, chả lẽ ông Chủ Tịch lại là con của một tay phong kiến hạng nặng. Thế nhưng tại sao ông già bác là Phó Bảng mà gia đình bác vẫn cứ là nông dân thì bác không chịu nói, không giảng giải một lời. Chỗ này chú Trần dân Tiên gặp chuyện khó ăn, khó nói chẳng ?

Sau khi viết một câu ngắn, rất bí hiểm về ông bố, về gia đình mình, bác bắt đầu lờ tịt đi. Bác xoay qua nói chuyện ông...Phan Đình Phùng, ông Hoàng Hoa Thám, hai người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp. Người đọc, thoát đầu, không dám nghĩ là bác lạc đề. Vừa nghe bác nhắc đến ông già lại thấy bác kể liên tới chuyện Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, người đọc chờ đợi bác đưa ra sự liên hệ giữa ông bố và hai nhân vật anh hùng này. Hèn ra thì cũng có một màn ông Phó Bảng đi theo phò tá người làm việc lớn. Tóm tắt là ông Phó Bảng có đóng góp tí ti cho phong trào chống Tây. Nhưng không! Càng đọc thì càng thấy ông Phó Bảng bị quên luôn. Ông ấy chẳng dính dáng tí ti nào đến những chuyện nước non. Thành tích của thân phụ bác chỉ là cụ Phó Bảng. Hết!

Ông Phan Đình Phùng, ông Hoàng Hoa Thám và các người Việt yêu nước khác muốn xả thân chống Tây thế nào cũng được, cụ Phó Bảng vẫn bình chân như vại đứng bên lề. Trong đoàn quân kháng chiến không hề có bóng dáng cụ. Bác Hồ viết:

“Cụ (Phan Đình Phùng) tổ chức những phần tử trí thức và nông dân Trung bộ, lãnh đạo họ đấu tranh gian khổ chống bọn xâm lược...Bọn Pháp bắt nông dân từ mười tám đến năm mươi phải đi phu...Năm 1907, lần đầu tiên nông dân ở các Tỉnh Trung bộ nổi dậy chống thuế”.

Ngần ấy chuyện, có biết bao nhiêu cơ hội cho cụ Phó Bảng đóng góp. Thế mà cụ chẳng có mặt trong đoàn quân của cụ Phan (dù cụ Phó Bảng vừa là trí thức vừa là nông dân). Trong đám người nổi dậy chống thuế không có cụ, mà cho đến cái việc bị Tây bắt đi phu cụ cũng lọt sổ luôn. Thế thì khoe khoang chuyện Phó Bảng ra làm gì ? Thà cứ viết: Bác sinh ngày:...tên bố bác:...tên mẹ bác:...lại đỡ ngớ ngẩn và không làm người đọc chờ đợi mất công. Cách hành văn khoe khoang vớ vẩn của bác lại có vẻ như ngầm sỉ vả ông bố về tội chẳng đóng góp được cái tích sự gì. Càng kể thành tích chiến đấu anh dũng của người khác, bác càng làm nổi bật sự trống rỗng, vô ích, thừa thãi của cuộc đời cụ Phó Bảng nông dân. Phải chăng cái ý tưởng đầu tổ cha mẹ đã nhen nhúm trong đầu vị Chủ Tịch nước từ ngày ấy ?

Suốt hai trang sách, bác viết về thành tích của các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám rồi Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu. Bác quên mình đề ca tụng người khác rồi chẳng ? Không đâu. Đến ông già bác mà còn bị cho de vì không đóng góp gì cho sự vẻ vang của bác, các vị Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám...đâu có thể được ca tụng khơi khơi, vô vị lợi như thế được. Bác chịu kể thành tích của họ chẳng qua chỉ để làm mình nổi bật thêm. Đến trang 10, bác oang oang khoe rằng mình khôn ngoan, sáng suốt hơn cả bốn vị, hơn từ lúc bác mới mười lăm tuổi! Bác viết:

“Đó là tình trạng trong nước và ngoài nước, khi Chủ Tịch Hồ chí Minh còn là người thiếu niên mười lăm tuổi. Người thiếu niên ấy đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào. Lúc bấy giờ anh đã có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Anh đã tham gia công tác bí mật, nhận công việc liên lạc. Anh khâm phục các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào. Vì:

- *Cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương, anh nhận điều đó sai lầm, chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương.*

- *Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”.*

- *Cụ Hoàng Hoa Thám còn thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo lời người ta kể thì cụ còn nặng cốt cách phong kiến.”* (trang 10)

Cậu Nguyễn tất Thành lúc 15 tuổi thông minh tài giỏi cỡ nào rồi ta sẽ nói vì trong sách có ghi lại nhiều bằng cứ. Nhưng bác xác láo với tiền nhân đến độ khoe mình sáng suốt hơn họ từ lúc còn niên thiếu thì bác ngu và phét lác quá. Hai chữ “phong kiến” bác mới học được sau này, sau khi được bọn cộng sản Nga Tàu dạy dỗ. Mới nứt mắt ra thì chữ nghĩa kiến thức đâu mà chê bai các cụ Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng, lại còn hồ đồ chê cụ Hoàng “theo lời người ta kể”! Giả như bác ngày gần châu thổ mà thờ ra cái giọng ấy cũng đã can tội hỗn láo rồi. Chê cụ Phan Chu Trinh sai lầm trong cách xử sự với Pháp nhưng bản thân bác lại từng năn nỉ Pháp và bị lừa xiềng liềng nhiều phen. Chê cụ Phan Bội Châu nhờ Nhật giúp là “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau” nhưng chính bác thì lại còng lưng cõng rắn Nga, Tàu và một chủ nghĩa cộng sản gớm ghiếc về nhà, thành ra bác “đuổi hổ cửa trước, rước hàng tá hùm beo, rắn rết cửa sau”. Thế mà bác lại ngời viết sách chê tiền nhân là kém sáng suốt, lại còn chê bằng lời nhô con Nguyễn tất Thành mới 15 tuổi, ra cái điều là ngay lúc hi mũi chưa sạch, bác đã sáng láng hơn các bậc tiền bối rồi!

Cậu bé siêu phàm

Sau khi cho cậu bé 15 tuổi chệch bại tiền nhân xong, bác bèn mô tả rất kỹ tâm kiên thức, sự hiểu biết, kinh nghiệm của cậu. Bác viết:

“Một trí thức ở Sài Gòn kể lại cho tôi: Trong khi còn học ở Trường Chasseloup-Laubat, tôi gặp một người thanh niên ở Trung bộ vào Sài Gòn ở nhà một người bạn. Vì cùng lứa tuổi, cho nên chúng tôi lập tức trở nên đôi bạn thân. Tôi đưa anh đến trước tiệm cà-phê của Pháp xem đèn điện, xem chiếu bóng và máy nước. Những cái đó trước kia anh chưa hề thấy. Một hôm, tôi mời anh ăn kem. Anh rất lạ. Lần đầu tiên, anh mới nếm mùi kem...” (trang 11)

“Tàu điện đối với anh Ba (cậu Nguyễn tất Thành 15 tuổi lúc đó và bác Hồ sau này) là một chuyện kỳ lạ. Lần đầu tiên anh ta trông thấy những “cái nhà biết chạy” ấy. Cái gì cũng làm anh ta chú ý, vì cái gì đối với anh ta cũng mới cả.” (trang 15)

“Cái gì đối với anh Ba cũng mới, anh phải học tất cả. Ví dụ mới đầu anh không ăn được bánh mì và bơ. Ăn xúp thì anh dùng nữa...” (trang 14)

Cái vụ thộn mặt ra khi được ăn cà rem hay thấy xe điện thì kêu thảng thốt: *“Ô! Cái nhà biết chạy!”* không đáng trách. Cậu bé Nguyễn tất Thành ở quê từ nhỏ, chưa theo kịp nếp sống văn minh, chả sao. Nhưng cậu lại dùng nữa để ăn xúp thì...tôi dạ không chịu được. Dù cậu Thành chưa từng được trông thấy cái thìa, cái muỗng thì ở nhà quê dân ta đã có những dụng cụ để múc cháo và các chất lỏng khác giúp trí khôn cho cậu. Vậy mà cầm tô xúp trên tay cậu ta lại cứ dùng nữa mà...múc lấy múc để thì đầu óc có hơn gì đứa trẻ lên ba.

Quê mùa và tôi dạ chưa hẳn đã là người bỏ đi. Cậu nhóc Nguyễn Tất Thành khờ khạo, đại dốt, chưa từng thấy que cà rem hay cái tàu điện, nhưng có thiên tài về chính trị, hiểu biết rộng rãi về nhân văn, địa lý thì sao? Hãy cho cậu một cơ hội để khoe tài. Và đây là những phát biểu của cậu Nguyễn tất Thành về những địa hạt ấy: Nói về nước Pháp, ở trang 14 và 15, có tới hai lần cậu biểu lộ sự ngạc nhiên. Chuyện gì ở Pháp làm cậu ngỡ ngàng, bàng hoàng đến thế? Một lần cậu há hốc mồm kêu: *“Ô! Ở Pháp cũng có người nghèo như bên ta”* (trang 15). Ngoài vụ kinh ngạc vì nước Pháp “cũng có người nghèo” cậu còn một phen kinh ngạc nữa vì nước Pháp có...người tốt.

Bác viết: *“Anh (Hồ chí Minh) nói với tôi với một vẻ ngạc nhiên: Anh Mai, cũng có những người Pháp tốt anh ạ”*. (trang 14, 15)

Ông nhóc con cầm nữa múc...xúp, ngạc nhiên rằng nước Pháp có người nghèo, không biết rằng dân tộc Pháp cũng có người tốt, v.v...lại oang oang lên tiếng chê bai các nhà cách mạng từng bôn ba hải ngoại! Con đại cái mang. Hành vi ngôn ngữ của cậu bé vị thành niên Nguyễn tất Thành, cụ Phó Bảng phải chịu một phần trách nhiệm. Phép nhà của cụ lỏng lẻo, cụ không dạy con tử tế chẳng? Hay cậu Nguyễn tất Thành có được dạy, nhưng quên bèn mất lời cha?

Kẻ hậu sinh không dám chê cụ Phó Bảng đã khiếm khuyết trong việc giáo huấn. Đành ngờ rằng cậu bé hỗn xược Nguyễn tất Thành bỏ nhà giang hồ vật từ nhỏ, nên sớm đánh rớt mất những lời dạy dỗ của cha ông. Cậu Nguyễn tất Thành tìm cách xuất ngoại để học hỏi. Cậu ra đi “bí mật” bằng cách lêu bêu ở bên tàu, năn nỉ hơi ồn ào để xin việc. Có kẻ thương hại, cho cậu chân phụ bếp trên chuyến tàu đi Pháp. Đây là vài thành tích lớn của cậu bé đã từng chệch tuốt luốt các nhà Cách Mạng lão thành.

Ngoài việc khoe những cái ngu nhỏ như dùng nữa để múc xúp, bác còn khoe ra một quả tởm dạ vĩ đại: Tôi dạ đến độ suýt mất mạng! Bác Hồ viết: *“Một lần, dọc đường anh Ba (tên của bác Hồ lúc đó) suýt chết đuối. Bể nổi sóng. Làn sóng to như những quả núi chồm lên đổ xuống. Hầu hết mọi người say sóng. Như mọi ngày, anh Ba đi lên đi xuống từ bếp đến hầm. Không thể vác những rổ rau lên vai vì tàu tròng tránh, anh phải buộc rổ rau vào dây để kéo đi, chuyển thứ hai một ngọn sóng lớn thỉnh linh phủ lên sàn tàu và cuốn xuống bể mọi vật trên sàn tàu. Cả những rổ rau và anh Ba nữa. Anh bị đẩy vào giữa cột buồm và dây xích, nhờ vậy mà thoát chết.”* (trang 14).

Dây xích oan nghiệt

Tàu đang gặp bão. Mọi người say sóng ngất ngư cả. Các ông bà chủ của bác cũng như hành khách trên tàu đều nằm bẹp, đâu có muốn ăn uống gì. Thế mà ‘anh Ba’ cứ nhất định sợ chủ đói bụng, cứ liều chết để chu toàn vai trò khuân vác. Khôn ngoan một tí, anh Ba chỉ việc đầu ôm như mọi người, hoặc ít nhất thì cũng chờ cho tàu ra khỏi vùng giông bão, rồi hãy phục vụ chủ cũng còn kịp chán. Nếu không có cột buồm và sợi dây xích giữ lại, thì bác Hồ đã hy sinh tính mạng, đã đi doong và lịch sử ngành bồi bếp sẽ có một gương danh nhân: Anh phụ bếp bỏ mạng sa trường vì quyết tâm phục vụ những cái bụng chủ nhân...không đói. Ôi, sợi dây xích oan nghiệt nào đã giữ cậu phụ bếp Nguyễn tất Thành lại ngày hôm đó, không cho cậu đi chơi với Hà Bá? Nếu không có nó thì lòng biển đã có thêm bộ xương khô của một anh bồi có tinh thần bồi bếp nặng và hơn nửa thế kỷ sau hàng trăm ngàn người dân Việt đã không chết thảm trên biển Đông.

Chê bác Hồ tôi dạ có thể là chê oan. Nên tìm một cách giải thích khác cho hành động ‘liều mình cứu cái dạ dày chủ’ của bác. Bác đã suýt chết chẳng vì khờ khạo mà vì có tinh thần bồi bếp quá cao, sẵn sàng phục vụ các ông bà chủ đến độ quên cả bản thân mình. Lời giải thích này có vẻ hợp lý và đỡ tai hại cho nhân vị của bác. Cái tinh thần vì chủ mà hầu hạ tận tụy chết bỏ, bác giữ suốt đời. Sau này, khi có cơ hội tiến thân trong sự nghiệp tôi tớ, bác được dịp phục vụ những ông chủ to hơn: Hai ông chủ Nga, Tàu. Cũng với tinh thần liều mình trong giông bão, bác biểu diễn một tác phong tôi đòi vô cùng ác liệt. Bác hy sinh cả đất nước, cả sinh mạng của hàng triệu người dân Việt để cho các quan thầy hài lòng. Tinh hoa bồi bếp đã phát tiết ra ngoài từ lúc bác còn vị thành niên.

Từ trang 15, bác Hồ kể chuyện ở Pháp. Tàu cập bến Mac-xây. Các nhân viên Việt Nam được lãnh lương hèn nhất là một trăm quan lại thêm vô số tiền thưởng của hành khách. Riêng bác Hồ, kể liều mình trong giông bão, suýt chết mất xác vì quá hăng say phục vụ, lại chỉ được phát đúng...mười quan! Bác bị bóc lột thê thảm! Để tự an ủi, bác viết: ‘*Anh ta (bác Hồ) được ít lương, nhưng anh học được nhiều chuyện mới lạ*’.

Và một trong những điều mới lạ bác học được trong chuyến này là ‘Ồ! Ở Pháp cũng có người nghèo như bên ta!’’. Hóa ra, khi chưa được ‘học’ cậu Nguyễn tất Thành cứ đinh ninh rằng nước Pháp là thiên đường, là nơi chỉ có toàn người giàu!

Người Pháp tốt

‘*Ông Mai, người giúp đỡ bác Hồ ở Mac-xây kể rằng: Công việc trong ngày xong, tôi cho anh ta (bác Hồ) mượn bộ áo quần, và chúng tôi đi đến tiệm cà phê ở Đường Ca-nô-bia. Không cần phải nói, Đây là lần đầu tiên anh ta vô tiệm cà phê, và cũng là lần đầu tiên được người Pháp gọi bằng ‘ông’*’’. (trang 16).

Được gọi bằng ‘ông’, bác sướng mê toi, sướng đến độ mấy ngày sau, được hỏi cảm tưởng, bác khen Pháp rồi rít: ‘*Sau những ngày đầu tiên ở Mac-xây, anh Ba tóm tắt cảm tưởng của mình bằng mấy chữ: Người Pháp ở Pháp tốt, lễ phép hơn người Pháp ở Đông Dương*’’. (trang 16)

Được gọi bằng ‘ông’ một cái là đã sướng run người, vợ dũa cả nắm khen ‘*người Pháp ở Pháp tốt, lễ phép...*’’. Mới gặp vài anh Pháp bồi bàn đã vội kết luận về toàn thể dân Pháp, đã đưa ra nhận xét về tất cả người Pháp ở Đông Dương! Cậu Nguyễn tất Thành tỏ ra vừa hấp tấp vừa ngu. Bởi vì những tên Pháp thực dân chúa, chủ trương đánh chiếm và cai trị Đông Dương, bày ra những mưu sâu kế độc...chính là những người Pháp ở Pháp chứ bọn Pháp chân tay ở Đông Dương đâu có ‘tốt’ được đến thế.

Đang say sưa kể chuyện bác, đến khúc này, chú Trần dân Tiên chợt ngưng lại. Chắc là đọc xong những trang đã viết, chú khoái tỉ lắm, tự phục mình lắm. Thế nên, theo đúng gương sáng của bác, chú Trần dân Tiên tạm dẹp bác qua một bên để tự...nâng bi. Chú viết những dòng tự khen như sau:

‘*Cho đến nay, cách của tôi (cách làm tập thể) hình như được việc. Những người cộng tác đầu tiên và tôi chỉ cứ nhẫn nại theo đường dây, ghi chép cẩn thận những mâu chuyện giữ*

nguyên như thế. Và đây là một tiểu sử trung thành, đứng đắn, sinh động, không thêu dệt, không bày đặt”. (trang 16)

Hai chữ “trung thành” bác dùng sai, đáng lẽ phải viết là “trung thực”. Còn cái khoản “không thêu dệt, không bày đặt” thì sau này, chúng ta sẽ có nhiều cơ hội nói tới.

Bác học văn chương

Ta hãy tiếp tục đọc hồi ký để xem thành tích của bác hồi ở Mac-xây. Bác viết:

“Theo địa chỉ ông Mai mách, anh Trần, người cộng tác trẻ tuổi của tôi, đến gặp ông Dân ở Nha Trang. Đây là những điều anh Trần ghi chép: Ông Dân sáu mươi hai tuổi, chủ một cửa hàng nhỏ sạch sẽ và đông khách, nhà đông con. Ông ta tiếp tôi niềm nở và kể chuyện: “Tôi có hai con trai đi Vệ Quốc Quân và một con gái đi cứu thương. Nhà tôi còn ba con nữa: Hai mươi hai, hai mươi và mười sáu tuổi, đều là đoàn viên của Đoàn Thanh Niên cứu quốc...”

Ông Dân có tài nói. Ông bắt chuyện này sang chuyện khác rất thần tình. Kéo ông về câu chuyện mà tôi đặc biệt chú ý không phải là dễ. Nhưng sau tôi đã thành công.

- Có chứ, tôi còn nhớ anh Ba ấy. Chắc chắn tôi còn nhớ anh ta mặc dẫu cách đây đã ba mươi năm. Tôi ở với ông chủ của tôi ở Xanh Addơ-rét (Saint-Adresse), một ngoại ô của Ha-vơ-rơ, một hôm, ông chủ già dẫn về một người trẻ tuổi, gầy yếu, quần áo lôi thôi nhưng có vẻ lanh lợi. Tên anh ta là Ba. Ở nước ngoài mà gặp được một người đồng hương, thì lập tức người ta dễ trở thành bạn thân. Chúng tôi cũng vậy. Chúng tôi ở một biệt thự có vườn hoa. Ông chủ già khi rảnh việc thì ở câu lạc bộ thành phố. Bà chủ thường đến nhà người con gái, vợ một nhân viên của công ty.

Một người nấu bếp, một người tốt, nếu anh khéo nịnh thì bà ta cho anh ăn ngon, nhưng khi bà ta cáu thì như một mụ yêu tinh. Một cô sen xinh xinh hay làm dáng, có một “bà mẹ hay ốm”. “Bà mẹ ốm” chính là một chàng thủy thủ. Để đi gặp tình nhân, chị ta lừa dối chúng tôi luôn, và nói là đi thăm mẹ ốm. Trong nhà tất cả là sáu người. Đồ đồng đánh bóng, đồ đạc lau xong, bàn ghế sạch bụi, thế là ông chủ, bà chủ bằng lòng và rất tốt, luôn mồm một điều “con” hai điều “con”. Nhưng phần lớn công việc do cô sen làm. Chị ta muốn cho chóng xong để đi gặp “bà mẹ ốm”. Vì vậy chúng tôi có rất nhiều thì giờ rảnh. Anh Ba dùng thì giờ, chăm bón hoa với người làm vườn hoặc giờ những tờ báo có ảnh trong tủ sách ra xem. Sau khi đến được ba ngày, anh hỏi tôi: “Anh Dân, anh có biết viết chữ quốc ngữ không?”. Tôi hơi thẹn nhưng trả lời thành thật: “Không, tôi không biết”. Anh Ba liền giảng giải và khuyến khích tôi học. Tôi làm theo lời anh. Anh Ba cũng thế, anh học tiếng Pháp với cô sen.” (trang 16, 17, 18).

Cả đoạn văn này làm nổi bật hai chuyện:

1.- Bác khôn vặt và cũng ưa bóc lột, lợi dụng sức lao động của kẻ đồng cảnh ngộ, cùng thân phận như mình.

2.- Bác học văn chương chữ nghĩa Pháp từ một sên nướng.

Về sự khôn vặt và tài bóc lột của bác thì ta thấy lúc làm bồi tầu, là chân phụ bếp hạng bét, bác đành lao động chết bỏ. Thế mà lúc ở Mac-xây, gặp chị sen tốt bụng, bác bóc lột sức lao động của chị ngay. Biết chị này đang bị ái tình vật, chỉ mong cho sớm xong việc để đi với kếp, bác trút hết cả công việc lên đầu chị, “phần lớn công việc do cô Sen làm”. Gặp một đồng nghiệp khôn vặt và chơi bản như thế, sên nướng không hề giận, lại vẫn ra công dạy tiếng Pháp cho bác. Chẳng hiểu bác Hồ khoe cái thành tích vừa hèn vừa vô ơn này ra để nêu gương gì cho các đồng chí cháu ngoan của bác.

Về nguồn gốc tài viết văn tiếng Pháp của bác như thế là chúng ta đã rõ, bác thụ giáo từ một sên nướng. Còn văn chương Việt thì sao? Mầm non văn nghệ bác Hồ có được một chị sen nào dẫn dắt lúc đầu đời không mà viết tiếng Việt lủng củng chịu không nổi. Quý vị đọc lại những câu này: “*Một bà nấu bếp, một người tốt, nếu anh khéo nịnh thì bà ta cho anh ăn ngon*”. “*Đồ đồng đánh bóng, đồ đạc lau xong, bàn ghế sạch bụi, thế là ông chủ bà chủ bằng*

lòng và rất tốt, luôn mồm một điều ‘con’ hai điều ‘con’’. Nhưng phần lớn công việc do cô sen làm’’.

Ngôn ngữ nhân vật cũng như văn chương của bác cứ như ông Tây nói tiếng Việt. Trang 19, bác ghi lời một người kể chuyện: “Anh ta làm việc như một con bò”. Chẳng biết lối so sánh ấy có Tây lắm không nhưng chắc chắn rất khác Ta. Người Việt ta thì hay nói: “làm việc như trâu” mà ngu thì mới “như bò”. Suốt cuốn sách, có khá nhiều câu văn lủng củng, lai căng như văn dịch của một anh chàng đang tập viết.

Tới đây, ta ngưng một chút để xét lại lời tự khen của chú Trần dân Tiên “không thù dật, không bày đặt”. Để thực hiện cuốn hồi ký, chú Tiên lần lượt đi tìm (hoặc nhờ phụ tá), phỏng vấn những người này:

Một trí thức ở Sài Gòn (được gọi là anh Lê) kể chuyện bác đến rủ đi làm bồi tàu để xuất ngoại. Anh ta không đi theo nên không biết sau đó, bác Hồ đi ngoại quốc bằng cách nào. Anh Lê nói: “Về sau, tôi chỉ biết người thanh niên yêu nước đầy nhiệt huyết ấy là cụ Nguyễn ái Quốc, là Hồ Chủ Tịch của chúng ta ngày nay.”

Kẻ thứ hai được phỏng vấn là ông Mai, người cùng làm việc trên tàu với bác. Ông Mai đã cứu bác nhiều lần, dạy bác gọt khoai, gọt măng tây (có lần ông Mai phải ném xuống biển tất cả đồng măng tây bác gọt tầm bậy để xóa tội, giữ job cho bác). Ông Mai cũng là người dạy bác bài học của lớp mẫu giáo: Không nên dùng nữa để múc xúp, v.v...Cuối cuộc phỏng vấn ông Mai kể rằng ông và bác chia tay nhau ở Pháp. Ông theo tàu trở về Đông Dương, bác muốn ở lại nên được chủ tàu đem về nhà nuôi, cho làm một chân phụ tá của sên nướng nhà ông. Ông Mai kết luận: “Từ đây, tôi không được tin tức gì của anh Ba nữa.”

Sau khi anh Ba biến đi một cách “bí mật” như thế thì cũng chính ông Mai là người mách cho chú Trần dân Tiên cái địa chỉ của ông Dân ở Nha Trang. Bởi vì ông Mai biết rõ là ông Dân đã sống cùng với bác suốt thời gian bác ở đợ cho ông Tây chủ tàu. Ông Mai “không được tin tức gì về anh Ba” nhưng lại là người liên lạc thường xuyên, biết rõ địa chỉ hiện tại của người đã sống với anh Ba. Ly kỳ thật! Nhưng đến phiên ông Dân ra tuồng thì tình thế còn ly kỳ hơn. Sau khi kể ra những thành tích đẹp đẽ của bác Hồ trong thời ở đợ, ông Dân bèn ngạc nhiên khi được cho biết anh Ba chính là Hồ Chủ Tịch bây giờ. Ông diễn xuất rằng ông không biết tí gì về quãng đời sau của anh Ba. Nhưng cũng lại chính ông Dân là người “biết chắc chắn” về ông Bốn, kẻ đã đi cùng với bác sang Phi Châu. Được phỏng vấn, sau khi chu toàn nhiệm vụ nâng bi anh Ba, ông Bốn lại giới thiệu ông Nam là người đã sống cùng với bác ở Luân Đôn.

“- Ông có biết ông Nam không ? -Có, hầu hết chúng tôi biết nhau, vì chúng tôi đều ở cả trong tổ chức.” (trang 22).

Những người đã sống cùng với bác một thời hoặc là cùng ở trong tổ chức, hoặc là thường xuyên liên lạc đến nỗi biết cả địa chỉ hiện tại của nhau lại cứ nhất định không chịu chia xẻ những tin tức về anh Ba, để cho anh ấy tha hồ bí mật!

Các ông Mai, ông Bốn, ông Nam đều biết anh Ba là bác Hồ. Cả đến một vị trí thức ở Sài Gòn (anh Lê), người gặp bác sớm nhất, lúc bác còn là một học sinh, cũng biết anh Ba là Hồ chí Minh. Chỉ có một mình ông Dân là cóc biết! Tách riêng ông Dân ra như thế, bác có lý do. Bác muốn bắt ông ta diễn tuồng sùng sốt. Bác Hồ viết:

“Để kết luận cuộc phỏng vấn của tôi, tôi hỏi ông Dân:

- Ông có biết anh Ba hiện nay thế nào không ?

- Không, tôi rất tiếc là không biết.

- Ông có muốn tôi nói cho ông biết không ?

- Còn gì bằng nữa.

- Ông quay lại xem, anh Ba ấy đây kìa. Tôi vừa nói vừa chỉ chân dung Hồ Chủ Tịch treo trên bàn thờ giữa những bình hoa, bình hương, đèn nến. Ông Dân quay đầu, mở to đôi mắt, há miệng, gãi tai. Và ông bật lên như một cái lò xo, và kêu: ‘Hồ Chủ Tịch! Hồ Chủ Tịch của chúng ta! A di đà Phật! Nhưng làm sao anh biết ? Anh nói thật đấy chứ ? Ô, lạ quá nhỉ!

Hồ Chủ Tịch là anh Ba ấy ngày xưa. Hay quá nhỉ! Tôi sẽ kể điều đó cho bà nhà tôi nghe, cho các cháu nghe. Chúng nó sẽ mừng biết mấy! Cha của chúng nó được quen biết cụ Hồ ngày xưa.” (trang 19, 20).

Rõ ràng là giữa một chuỗi những người đã từng sống với bác, biết tiểu sử của bác, vẫn giữ liên lạc với nhau, ông Dân bị bác tách ra, bắt đóng vai ngớ ngẩn để có cớ reo lên: *“Hồ Chủ Tịch là anh Ba ngày xưa! Hay quá nhỉ!”*, cho bác được dịp sừng tê mê, cho tác phẩm của bác có một cú bất ngờ rẻ tiền. Đây là một trong những đoạn văn tiêu biểu nhất cho tinh thần *“không thêu dệt, không bày đặt”* của bác. Kiều Phong sợ mình kết luận quá vội vàng mà ngờ oan cho bác nên đọc lại khá kỹ đoạn văn tả ông Dân *“bật lên như một cái lò xo”*.

Đọc kỹ, thấy một chi tiết có thể giải oan cho bác. Không chừng bác chỉ là nạn nhân. Cái ông Dân này mới chính là kẻ bày đặt, thêu dệt, vờ vịt *“không biết anh Ba hiện nay như thế nào”* để diễn tuồng sừng sốt, phỉnh bác chơi. Nguyên văn đoạn tả phản ứng của ông Dân khi được biết anh Ba chính là bác Hồ: *“Ông Dân quay đầu, mở to đôi mắt, há miệng, gãi tai. Và ông bật lên như cái lò xo và kêu...”*. Chính hành động *“gãi tai”* đã tố cáo sự vờ vịt của ông Dân. *“Quay đầu, mở mắt, há miệng, bật lên như cái lò xo”* đều được, người ngạc nhiên, sừng sốt đến độ bật lên như lò xo không có giây phút nào dành cho việc gãi tai.

“Gãi tai” là hành động của kẻ băn khoăn, suy tính hay đang áy náy một điều gì. Gặp chuyện kinh hãi người ta giật mình, gặp chuyện ngạc nhiên người ta nháy dưng, phản ứng ấy tự nhiên như khi chạm nước nóng thì rút tay lại, bị đau thì hét lên, không có thì giờ nào để băn khoăn, suy tính, càng không có đủ thì giờ để có hành động thể hiện sự băn khoăn, suy tính.

Trước khi bật lên như một cái lò xo, ông Dân gãi tai suy tính. Ông suy tính gì? Có lẽ ông sợ cái tuồng ngạc nhiên ông sắp diễn chế quá, lộ liễu quá. Tất cả những người đã quen biết bác Hồ thừa hẳn vì đều biết anh Ba ngày nay là ai, chỉ có một mình ông giả bộ không biết, lỡ bác sừng lên ghép cho cái tội *“khi quân”* thì bỏ mạng. Nhưng trong lúc gãi tai, suy tính, ông lại trông thấy hình bác Hồ để trên bàn thờ nhà mình, không ai có thể ngờ là ông coi rẻ bác được, thế nên ông quyết định diễn xuất tiếp. Và ông bật lên như lò xo, v.v... Kết quả rục rịch. Bác Hồ sừng mê tơi vì tấn tuồng kinh ngạc của ông Dân, bác trịnh trọng viết vào sách.

Bác thương người

Sau ông Dân, tới phiên ông Bốn ca tụng bác. Theo lời ông Bốn, bác là người rất nhân từ: *“Đến Đa-ca, bề nổi sóng rất dữ. Tàu không thể vào bờ. Cũng không thể thả ca nô xuống vì sóng rất to. Để liên lạc với tàu, bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen phải bơi ra chiếc tàu. Một, hai, ba, bốn người da đen nhảy xuống nước. Người này đến người kia, họ bị sóng bề cuốn đi. Cảnh tượng ấy, mọi người coi là thường. Nhưng điều đó làm cho anh Ba hết sức cảm động, anh khóc. Ngạc nhiên tôi hỏi tại sao.”* (trang 21)

Nhờ ông Bốn *“ngạc nhiên hỏi”*, bác Hồ có dịp chửi Thực dân là lũ hung ác, vô nhân đạo. Cảnh tượng làm bác khóc thì *“mọi người”* coi là thường. Coi bộ ông Bốn đã hy sinh chính bản thân mình để ca tụng bác. Bởi vì trong số *“mọi người coi là thường”* có cả ông Bốn. Ông này có là Thực Dân đâu mà cũng hung ác, vô nhân đạo như thế?

Thực ra, chắc ông Bốn đâu là kẻ xấu xa bất nhân. Chẳng qua là vì trong cái nước *“Dân Chủ, Cộng Hòa, Độc Lập, Tự Do, Hạnh Phúc”* do bác thành lập, những món quý hóa như *“sáng suốt, tốt bụng, nhân đạo”* đều phải dâng cho lãnh tụ cả. Cũng con người biết cảm động, khóc thương cho những người da đen bị sóng cuốn đi ấy chỉ mấy chục năm sau không hề nhỏ một giọt nước mắt cho hàng triệu người dân Việt bị ném vào lò lửa chiến tranh.

Chế độ thực dân biến đổi những người Pháp tốt bụng thành những kẻ hung ác, vô nhân đạo, đứng trên bờ biển Đa-ca hôm ấy. Chế độ cộng sản cũng biến anh thanh niên Việt *“thương người”* trên bờ biển Đa-ca hôm ấy thành một anh già tàn nhẫn, độc ác ngồi trong Bộ Phủ sau này. Cảm ơn ông Bốn. Nhờ câu chuyện ông kể về anh Ba mà từ nay người Việt sẽ bớt băn khoăn áy náy. Người ta cứ tưởng đất nước Việt Nam đã nẩy sinh ra một kẻ lòng dạ độc ác ngay từ tấm bé. Hóa ra không, cậu bé Nguyễn Tất Thành cho đến lúc này vẫn là

một cậu bé Việt Nam tử tế. Chính chủ nghĩa cộng sản sau đó giết cậu và ném trả về cho dân Việt một anh già tai ác, quái đản.

PHẦN 3

Giã từ ông Bốn và nghề bồi tàu, bác Hồ đi Anh, nói là để học tiếng Anh. Người kể chuyện về cuộc đời bác khúc này là ông Nam. Ở Anh, việc đầu tiên của bác là đi cào tuyết cho trường học. Làm đúng được một ngày thì mệt bá thổ, phải quịt. Sau đó, xin được một chân đốt lò. Nhưng nghề này cũng không khá. Bác than:

“Ở đây thật đáng sợ, luôn luôn ở trong cảnh tranh tối tranh sáng...Trong hầm hết sức nóng, ngoài trời hết sức rét, và không có đủ quần áo, tôi bị cảm...” (trang 25)

Vì bị cảm, bác nằm phè luôn hai tuần. Lúc thức ăn gần cạn lảng, bác xin được một chân rửa bát kiêm đồ rác. Ông Nam kể rằng trong lúc hành nghề đồ rác, bác biểu diễn được một trò ngoạn mục: Thấy những phần ăn thừa bị vứt đi phí quá, bác “giữ gìn sạch sẽ và đưa lại cho nhà bếp”. Người đầu bếp Ét-cốp-phi-e bèn cảm khái và cho bác lên chức làm bánh. Công việc nhẹ nhàng hơn rửa bát mà lương cao hơn.

Đi xem chiến tranh

“Ông Nam kể tiếp: Thế giới đại chiến bùng nổ...Anh Ba đến nói với tôi: - Xin từ biệt anh Nam. - Anh đi đâu ? - Tôi đi Pháp. - Không nói chơi chứ ? Nước Pháp đang có chiến tranh. Anh đến Pháp làm gì ? - Tôi đi xem. Tôi sẽ viết thư cho anh.

Anh Ba bắt tay tôi, chúng tôi hôn nhau. Và cứ thế anh Ba đi, không va ly, không hành lý”. (trang 27).

Bác Hồ đòi “đi xem chiến tranh!”

Các cụ ta dạy rằng: “Ăn tìm đến, đánh nhau tìm đi”. Dân tộc các nước khác dù không từng nghe kinh nghiệm khôn ngoan của các cụ ta, cũng chỉ xem chiến tranh trên màn ảnh, trong rạp hát, trong sách vở...Lạng quạng vào vùng chinh chiến để chết mất xác à ? Bác Hồ từ đầu sách tới giờ vẫn đưa ra những lý do khôn ngoan để giải thích cho việc xuất ngoại của mình: Đi Phi Châu để xem các nước, đi Pháp để học hỏi, đi Anh để học tiếng Anh, v.v...Bây giờ, bác hùng dũng tuyên bố: Đi Pháp để xem chiến tranh! Chắc bác cũng không tới thăm đến thế, đây chỉ là một quả phét lác để lèo ông Nam đẩy thôi. Ông Nam mô tả cuộc ra đi của bác Hồ với vẻ khâm phục: “Và cứ thế anh Ba đi, không va ly, không hành lý”. Mẹ kiếp! Đi xem chiến tranh dĩ nhiên phải đi chân tay không chứ bê theo hành lý, va ly công kênh thì...chạy lẹ thế nào được!

Đến đây là hết

Viết đến khúc này, tiểu thuyết gia Hồ chí Minh bút hiệu Trần dân Tiên lại đột nhiên lên cơn sáng. Không biết bom đạn ở Pháp có làm kẻ “đi xem” là anh Ba mát dây chằng ? Sau khi làm nhảm ít dòng mô tả tình trạng chiến tranh, nhắc lại nội dung lá thư của anh Ba khoe rằng đã được gặp nhà ái quốc Phan Chu Trinh v.v...chú Trần dân Tiên viết:

“Cuộc phỏng vấn của tôi đến đây là hết, và cũng từ đó bắt đầu khó khăn cho chúng tôi. Chúng tôi không biết hỏi vào đâu. Không biết sau này anh Ba làm gì.” (trang 28).

Thế là hết chuyện, thế là cuốn sách ngưng lại ở giữa trang 28 chẳng ? Cuộc phỏng vấn hết. Hết người để hỏi. Không biết gì thêm về anh Ba. Cuốn sách được thực hiện dựa trên lời kể đi đến chỗ hoàn toàn bế tắc. Chú Trần dân Tiên tịt ngóp, buông bút và độc giả có thể buông cuốn sách rồi chẳng ? Chưa đâu, 28 trang văn chương ca tụng đâu có làm bác thỏa mãn được.

Thế nên ngay sau khi kêu mình lâm vào chỗ bế tắc, bác lại viết tiếp, tỉnh bơ. Đây là một vài đoạn văn xuất hiện ngay sau khi chú Trần dân Tiên bế tắc:

“Đức bị đánh bại. Chiến tranh chấm dứt. Vua Đức trốn sang Na Uy, và ở đây vua làm nghề xẻ gỗ. Đảng cộng sản Bôn-sê-vích và Lê Nin đã lãnh đạo công nông Nga nổi dậy. Cách mạng tháng Mười thành công. Những đoàn đại biểu các nước thắng trận và các nước bại trận đến Véc-xây họp Hội nghị hòa bình. Bên cạnh những đoàn đại biểu chính thức, có nhiều đoàn

đại biểu thay mặt cho các dân tộc bị áp bức. Họ tới là vì nghe có 14 điểm của Tổng Thống Mỹ Uynson (Wilson). Có cả người Á Nhĩ Lan, người Ấn Độ, người Triều Tiên, người Ả Rập v.v... Họ đến để yêu cầu độc lập và tự do. Trong số đó người ta thấy có ông Nguyễn ái Quốc (tức là anh Ba).

Ông Nguyễn liên lạc với các đoàn đại biểu Triều Tiên, Á Nhĩ Lan và các đoàn đại biểu khác. Ông Nguyễn tổ chức nhóm người Việt Nam yêu nước ở Pa-ri và ở các Tỉnh khác. Với danh nghĩa của tổ chức này, ông đã đưa những yêu cầu ra trước hội nghị Véc xây. Yêu cầu gồm có 8 khoản. Những khoản chính là:

- Việt Nam tự trị
- Tự do hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do báo chí, tự do đi lại, đại xá tù chính trị
- Quyền lợi bình đẳng giữa người Pháp và người Việt Nam.
- Bãi bỏ việc bắt ép dân mua rượu và thuốc phiện, bãi bỏ thuế đình (người), thuế muối và sưu dịch.

Những yêu cầu ấy gửi đến cho các đoàn đại biểu Đồng Minh và tất cả nghị viên của Quốc Hội Pháp. Cũng nên nhắc lại là ông Phan Chu Trinh và ông Phan Văn Trường không tán thành hoạt động của nhóm Việt Nam yêu nước, vì các ông ấy cho nhóm thanh niên là ‘trẻ con’ ” (trang 29). ‘... Được những sự thật ấy rèn luyện, ông Nguyễn hiểu rằng những lời tuyên bố tự do của các nhà chính trị tư bản trong lúc chiến tranh thật ra chỉ là những lời đường mật để lừa bịp các dân tộc. Và muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình. Những lời yêu cầu của ông Nguyễn cũng như các đại biểu các dân tộc bị áp bức khác không có kết quả gì hết.’ ” (trang 30).

Cả đoạn văn hoàn toàn là lời tự thuật của bác. Bác làm gì, nghĩ gì, bác cứ vanh vách kể ra. Học khôn được gì trong lúc ấy, bác cũng khai luôn (‘Được những sự thật ấy rèn luyện, ông Nguyễn hiểu rằng...’). Cái trò viết tiểu sử dựa trên các cuộc phỏng vấn, dựa trên lời kể của các ông Bốn, ông Dân, ông Nam v.v...đến đây bị dẹp đi cái rụp. Cả đến những lời huyênh hoang tự nâng bi: Bác bận không viết tiểu sử, bác khiêm tốn không muốn ai viết tiểu sử...ở đầu sách, lúc này cũng bị bác quên tiệt. Tưởng như, đêm hôm trước, bác đeo mặt nạ Trần Dân Tiên ngồi viết thật khuya, mệt quá, trí tưởng tượng cạn, phịa ra đến ông Nam là hết vốn sáng tác, Trần Dân Tiên phóng đại xuống giấy mấy dòng: ‘Cuộc phỏng vấn đến đây là hết’ rồi buông bút lăn quay ra ngủ. Hôm sau, bác bừng mắt dậy, hốt hoảng nhảy lên bàn viết tiếp sự nghiệp nâng bi, bác quên mất tiêu chú Trần dân Tiên, cũng chẳng nhớ chú ấy đã bày ra trò gì, viết cái gì. Bác phom phom kể tiếp thành tích, bắt cần lời rên xiết của chú Tiên: ‘Chúng tôi không biết hỏi vào đâu. Không ai biết sau này anh Ba làm gì?’

Bảo rằng vì quên mà bác hành động kỳ quái như thế thì cũng không đúng. Chữ nghĩa bác viết ra còn lù lù trên giấy, văn chương bác lại được in tới in lui. ‘Văn minh’ đã là một món hấp dẫn, hay ho. ‘Văn minh’ tự ca tụng thì còn hay biết mấy, chắc bác phải đọc lại cả ngàn lần, đọc thủng giấy luôn, quên sao được.

Không kém trí nhớ, không đàn độn, mà nhất định không thấy một đoạn sách lộ bịch như thế...chắc hẳn bác Hồ kính yêu của chúng nó khi đọc đến đoạn ấy lại lên cơn mê. Văn tự nâng bi của bác đã tác dụng vào tâm trí bác như ma túy làm mê, mờ mắt như những anh ghiền. Cũng trong đoạn văn lạc bầy vô duyên này, bác Hồ tặng cho độc giả nhiều chi tiết hay ho. Xin quý vị độc giả coi lại đoạn văn được trích dẫn ở trên nói về bản yêu cầu tám khoản của bác và lời chê của quý ông Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường. Hai vị chê nhóm của bác Hồ là...trẻ con.

Bị chê bác có vẻ hậm hực lắm, bác nhắc lại vụ này bằng giọng cay cú ra mặt. Nhưng lại chính bác là người chứng minh lời chê của các cụ Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường là đúng. Bởi vì sau đó: ‘Những lời yêu cầu của ông Nguyễn cũng như của các đại biểu các dân tộc bị áp bức khác không có kết quả gì hết’ và ‘Được những sự thật ấy rèn luyện, ông Nguyễn hiểu rằng những lời tuyên bố tự do của các nhà chính trị tư bản trong lúc chiến tranh thật ra chỉ là những lời đường mật để lừa bịp các dân tộc.’

Tám khoản yêu cầu

Lại xem tám khoản yêu cầu nhóm của bác đưa ra trước hội nghị Véc-xây thì thấy ‘nhóm thanh niên’ không những trẻ con mà còn khờ khạo tức cười. Bản yêu cầu gồm 8 khoản thì đã có tới 7 khoản dư thừa. Đòi ‘Việt Nam được tự trị’ là đủ rồi, còn đòi thêm: Bãi bỏ việc ép dân mua rượu, bãi bỏ thuế muối, đòi tự do hội họp, tự do tín ngưỡng v.v...chi nữa. Làm thế có khác gì một anh viết giấy đòi nhà, đòi lại quyền làm chủ căn nhà, xong rồi lại thêm những khoản: Tôi phải được tự do nấu nướng trong bếp căn nhà đó, tôi phải được tự do sử dụng cầu tiêu căn nhà đó v.v...Việt Nam được tự trị rồi, mình được làm chủ mình, được tổ chức đất nước mình rồi thì Pháp nó đứng ở đâu để bãi bỏ dùm mình việc ép dân mua rượu và thuốc phiện ? Ngổ can không nổi!

Tự nhiên nhảy chồm vào khơi khơi viết một đoạn (từ trong 28 đến giữa trang 31) rồi thình lình, không báo hiệu trước, không giải thích, bác rút lui tinh bơ, trao lại công tác cho chú Trần dân Tiên. Sau ba cái hoa thị ngăn cách ‘cụm’ văn chương lạc loài của bác, chú Trần dân Tiên viết tiếp: ‘*Một người quen ông Nguyễn ở Pa-ri đã cho chúng tôi nhiều tài liệu rất quý báu.*’ (trang 31)

Đến phiên chú Trần dân Tiên lên con mê sáng. Tất nhiên, trong tình trạng ‘tuy hai mà một’ chú Tiên, bác Hồ làm gì cũng có đôi, có cặp, bác đã sáng thì chú phải mê. Nhưng con mê này kéo hơi dài. Mới câu trước chú Tiên khẳng định: ‘*Cuộc phỏng vấn của tôi đến đây là hết. Chúng tôi không biết hỏi vào đâu. KHÔNG AI BIẾT sau này anh Ba làm gì.*’ Ngay câu sau bác đã viết tinh bơ: ‘*Một người quen ông Nguyễn...cho chúng tôi nhiều tài liệu quý báu*’.

Hai câu văn lãng mạ ông thân sinh của nhau thậm tệ như thế chắc chắn đội ngũ văn nô Hà Nội phải thấy. Nhưng không anh nào dám hó hé phê bình, dám đề nghị cắt bỏ. Bác thì mê sáng mà các cháu thì rét!

Càng lớn càng dốt

Người quen ông Nguyễn ở Pa-ri quả thực đã cho chú Trần dân Tiên và độc giả nhiều tài liệu rất quý báu. Ông ta tiết lộ về khả năng, kiến thức thực sự của bác Hồ lúc đó. Trần dân Tiên viết:

‘*Ông này nói với chúng tôi như sau: ‘Lúc ấy, ông Nguyễn là một người yêu nước quyết tâm hy sinh tất cả cho Tổ quốc, nhưng ông Nguyễn lúc đó RẤT ÍT HIỂU VỀ CHÍNH TRI, KHÔNG BIẾT THẾ NÀO LÀ CÔNG HỘI, thế nào là BÃI CÔNG và thế nào là CHÍNH ĐÁNG.’*’ (trang 31)

Lúc đó, ‘ông Nguyễn’ đã hết tuổi vị thành niên, đã đến Pháp, đã đi qua các xứ Phi Châu, đã đến nước Anh v.v...nghĩa là đã học hỏi được nhiều rồi thế mà vẫn mù tịt, không viết thế nào là bãi công, là công đoàn, là chính đảng, vẫn ‘rất ít hiểu về chính trị’. Hẳn quý vị độc giả còn nhớ. Ở những trang đầu sách, lúc Nguyễn tất Thành mới là một cậu bé 15 tuổi, chưa ra khỏi nước, thì lại được Trần dân Tiên tâng bốc là một cậu bé sáng suốt về chính trị, cậu chê bai khắp lượt các nhà cách mạng Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh...rồi chê cụ Hoàng Hoa Thám là phong kiến. Lúc nhỏ sáng suốt thế, đến tuổi trưởng thành, bôn ba hải ngoại, học hỏi trau dồi kiến thức hàng ngày lại hóa ra ‘rất ít hiểu về chính trị’ nghĩa là càng lớn càng ngu dốt đi.

Phải chăng vì bác Hồ tự thương mình quá, tự phục mình quá nên hay sốt ruột, bốc nhăng. Vừa thấy cậu bé Nguyễn tất Thành ra tuồng là bác phải ca tụng ngay, cầm lòng không đậu, chờ không nổi. Thế nên chính những lời ca tụng vội vàng của bác làm cho bác hóa ra kẻ tiến bộ giật lùi. Lúc nhỏ khôn, lúc lớn dại. Mười lăm tuổi thì sáng mà lúc hai mươi đầu óc lại tối hù ? Đọc đi đọc lại đoạn văn này, Kiều Phong đâm ra hồ nghi: Phải chăng kỹ thuật tự nâng bi của bác có chỗ trục trặc đã tạo ra tình cảnh nghịch thường, hay sự thật đúng như thế ? Sự thật đúng là bác Hồ càng lớn càng tối tăm đi. Bởi vì cứ nhìn vào phần đất nước Việt Nam được bác hướng dẫn thì cũng thấy một tình trạng giật lùi tương tự. Dưới sự lãnh đạo anh minh của bác, cả miền Bắc hùng hục chạy ngược chiều tiến của nhân loại. Bác Hồ càng lớn càng tối

tâm, ác độc. Nhân dân được bác lãnh đạo càng lúc càng đổ dốc ào ào “từ người xuống vượn” mất có mấy năm! (thơ Nguyễn Chí Thiện).

Đỡ đầu văn học

Từ trang 31, bác Hồ viết về thời kỳ bác học làm báo, viết văn.

Cũng chính trong thời kỳ này, con cáo già cộng sản đã nhìn thấy ở Nguyễn tất Thành một đệ tử sáng giá, một tên tay sai đắc lực. Nó ra tay ve vuốt, nuôi nấng, dạy dỗ cậu:

“Trong tất cả những tờ báo Pháp, chỉ có tờ ‘Dân chúng’, cơ quan của đảng xã hội Pháp là đã in những lời yêu cầu của Việt Nam. Ông Nguyễn đến tòa báo. Chủ nhiệm báo, ông Charles Longuer, cháu ngoại Các Mác và nghị viên của Quốc Hội Pháp, đã tiếp ông. Ông Nguyễn lấy làm lạ, vì chưa bao giờ ông ta được ai đón tiếp thân mật như thế! Ông Longuer gọi ông Nguyễn là đồng chí thân ái. Ông nói cho ông Nguyễn rõ tất cả cảm tình của ông đối với nhân dân Việt Nam. Ông khuyến khích ông Nguyễn viết bài và ông sẽ đăng lên tờ báo ‘Dân chúng’ để làm cho nhân dân Pháp hiểu rõ những sự bất công xảy ra ở Việt Nam. Có thể nói rằng cuộc gặp gỡ ấy đã mở đường cho sự hiểu biết chính trị của ông Nguyễn. Nó cũng làm cho ông Nguyễn hiểu rõ nhân dân Pháp.

Ông Nguyễn không đủ tiếng Pháp để viết và phải khẩn khoản yêu cầu ông Phan Văn Trường viết thay. Ông Trường viết giỏi, nhưng không muốn ký tên. Mà chính ông Nguyễn đã phải ký tên những bài báo. Nhược điểm về trí thức làm cho ông Nguyễn rất khó chịu. Nhất là ông Trường không viết tất cả những điều ông Nguyễn muốn nói. Vì vậy, ông Nguyễn bắt tay vào việc học làm báo.

Thường lui tới tòa báo ‘Dân chúng’, ông làm quen với những người Pháp khác trong đó có chủ bút tờ ‘Đời sống thợ thuyền’. Cũng như ông Longuer, người chủ bút này cũng rất đáng mến. Ông bảo ông Nguyễn viết tin tức cho tờ báo của ông. Biết rằng không thể nhờ ông Trường viết mãi, ông Nguyễn nói thật là mình còn kém tiếng Pháp. Người chủ bút nói: Điều đó không ngại, có thể nào anh viết thế ấy. Tôi sẽ chữa bài của anh trước khi đưa in. Anh không cần viết dài: Năm, sáu dòng cũng được.

Ông Nguyễn bắt đầu viết rất khó khăn. Tin tức về Việt Nam ông Nguyễn không thiếu, ông thiếu nhất là văn Pháp...” (trang 31-32)

Đoạn văn này cho độc giả thấy hai điều:

1- Những người như ông Phan Văn Trường đối xử với cậu Nguyễn tất Thành rất tử tế, bao dung. Tuy chề nhóm của Hồ là “trẻ con”, không tán thành đường lối hoạt động của Hồ, nhưng thấy Hồ dốt Pháp văn, viết không được, ông Phan Văn Trường vẫn ra tay viết giúp, rồi cho Hồ ký tên. Trong tập hồi ký này Hồ kêu ca rằng: “Ông Trường không viết tất cả những điều ông Nguyễn muốn nói”. Nghĩa là Hồ muốn nói nhiều, có “ý kiến” này nọ ghê lắm nhưng ông Trường cứ dẹp đi, cất bớt đi. Nghe Hồ rên xiết, ta có cảm tưởng là ông Trường đã ém tài của mầm non chính trị Nguyễn tất Thành, đã cắt bỏ của cậu những ý kiến, lời lẽ hay ho, xuất sắc lắm.

Nhưng ông Trường đã chịu khó viết bài dùm cậu, cho cậu ký tên, để thôi cậu lên, tất nhiên ông cũng mong cậu có những ý kiến hay ho để ông đỡ vất vả. Còn ém tài cậu làm gì. Vậy tại sao ông cứ “không viết tất cả những điều ông Nguyễn muốn nói?” Ta đã có câu trả lời nằm trong đoạn trước “ông Nguyễn” đã trở tài nói ở hội nghị Véc-xây. Ông đòi hỏi rằng nước Pháp phải để “Việt Nam tự trị”. Và đó mới là một khoản. Sau khi Việt Nam tự trị rồi ông còn đòi thêm tới bảy khoản nữa: Pháp không được ép dân Việt mua rượu và thuốc phiện, phải bỏ thuế dinh, thuế muối và sưu dịch v.v... “Ông Nguyễn” nói như thế thì chắc đoàn đại biểu Đồng Minh ở hội nghị đã được một phen cười vỡ bụng. Ông Phan Văn Trường chắc phải dẹp bớt những lời lẽ lèm bèm của “ông Nguyễn” đi vì đâu có chủ đích giúp “ông Nguyễn” viết văn khô hài.

2- Bác Hồ lúc về già thêm khát lời xưng tụng mà lúc trẻ thì cứ chết lịm người đi vì những câu vuốt ve. Cả hai nỗi thèm khát này đều làm cho bác u mê, đờ đẫn. Khi được cháu ngoại Các Mác xoa đầu, bác hả hê ghi lại: “Ông Nguyễn lấy làm lạ, vì chưa bao giờ ông ta

được đón tiếp thân mật như thế! Ông Longuer gọi ông Nguyễn là “đồng chí thân ái” và bác reo lên: “Có thể nói rằng cuộc gặp gỡ ấy đã mở đường cho sự hiểu biết chính trị của ông Nguyễn.”

Lúc mới tới Pháp, đi uống cà phê, lần đầu tiên được một anh bồi gọi là ông, bác đã sượng mề toi và vội vã kết luận: “Người Pháp ở Pháp rất tốt”. Bây giờ được một anh cộng sản gộc gọi là “đồng chí thân ái” thì tất nhiên “ông Nguyễn” phải thấy ngay: Cộng sản là một chế độ dễ thương nhất thế giới. Nhờ anh chủ bút một tờ báo cộng sản hướng dẫn, bác Hồ dần dần viết được những mẩu tin ngắn. Đây là đoạn mô tả thời kỳ bác học làm báo:

“... Khi thấy viết đã bớt sai lầm, ông Chủ Bút bảo ông Nguyễn: “Bây giờ anh viết dài hơn một tí, viết độ bảy tám dòng”. Ông Nguyễn viết bảy, tám dòng. Dần dần ông Nguyễn có thể viết cả một cột báo và có khi dài hơn. Lúc bấy giờ, người Chủ Bút bạn thân của ông Nguyễn khê bảo: “Bây giờ anh viết ngắn lại. Viết từng này hoặc từng này dòng. Không viết dài hơn”

Ông Nguyễn thấy rằng phải rút ngắn cũng khó như trước kia phải kéo dài. Nhưng cũng hết sức cố gắng. Và ông thành công. Ông bắt đầu vào làng báo từ đó.” (trang 32-33)

Tài nghệ mới viết được một cột báo đã bị Chủ Bút bảo phải viết...ngắn lại. Thế mà mồm non báo chí Nguyễn ái Quốc đã khoe ngẩng lên là mình “vào làng báo” rồi! Nếu ở miền Nam trước năm 1975, với văn tài “bảy tám dòng” như thế, ký giả Nguyễn ái Quốc may phước lắm thì xin được làm đàn em của ông Văn Đô chuyên trị đi nhật tin xe cán chó.

Những bài học về báo chí của bác cũng chẳng giống ai. Trong khi một ký giả phải học cách săn tin, viết tin, điều tra, phỏng vấn v.v...thì bài học mà anh chủ bút cộng sản dạy bác quanh đi quẩn lại vẫn là: “Viết năm, sáu dòng”. “Bây giờ, phải viết dài một tí độ bảy tám dòng”. “Bây giờ, phải viết ngắn lại”. Khi viết hỏi ký khoe mình “vào làng báo” tất nhiên bác phải trình làng tất cả những bài học hay ho sáng giá nhất, những câu đối thoại sâu sắc nhất giữ thày trò bác. Cái sâu sắc nhất ấy chỉ là chuyện viết ngắn, viết dài! Nhưng báo chí không phải là nạn nhân duy nhất. Sau khi hành hạ làng báo, bác quay qua tra tấn, đầu tở làng văn.

Trần Dân Tiên kể tiếp:

“Về văn học, ông Nguyễn thích đọc Shakespeare và Dickens bằng tiếng Anh, Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Hoa và Hugo, Zola bằng tiếng Pháp. Anatole France và Leon Tolstoi có thể nói là những người đỡ đầu văn học cho ông Nguyễn.

Đọc những truyện ngắn của Anatole France và của Leon Tolstoi, ông Nguyễn thấy hứng thú về văn chương giản đơn và tự nhiên: “Người ta chỉ cần viết điều gì người ta thấy và cảm, bằng cách nắm lấy màu sắc và hoạt động của sự vật, như thế thì viết cũng không khó lắm.” (trang 33).

Riêng lời tự nhủ của bác đã là một câu nhận định về văn chương lắm nhảm, lung củng và có thể khiến các ông Antole France và Leon Tolstoi khóc thét. Viết điều gì “người ta thấy và cảm” thì được rồi, nhưng lại “bằng cách nắm lấy (?) màu sắc và hoạt động của sự vật” thì là nghĩa thế nào ?

Leon Tolstoi và Antole France là 2 nhà văn xấu số nhất. Họ là thủ phạm gợi hứng cho bác Hồ lẩn xá vào làng văn, gây cho bác cảm tưởng “viết cũng không khó lắm”. Nhưng cái tội lớn nhất của họ là “đỡ đầu văn học” cho Hồ chí Minh. Đỡ đầu bằng cách nào. Đọc văn Hồ ? Sửa văn Hồ ? Khuyến khích Hồ viết ? Giới thiệu tác phẩm của Hồ ? Chỉ cho Hồ những sách cần đọc ? Những chuyện cần học ? Thư từ qua lại bàn chuyện văn chương với Hồ ? Hướng dẫn Hồ vào làng văn ?

May phước cho ông văn sĩ Nga và ông văn sĩ Pháp này: Cả hai đều không sống đồng thời với Hồ. Cả hai chỉ có một hành động liên hệ với Hồ duy nhất là họ viết sách để lại cho đời, và Hồ đọc được, hứng thú về “văn chương giản đơn” của họ, thế thôi. Cái việc Hồ mừng rỡ reo lên: Hai ông ấy đỡ đầu văn học cho tôi, hoàn toàn ngoài dự tưởng của họ, ngoài trí tưởng tượng của người bình thường.

Đọc sách của người xưa, cảm hứng vì sách rồi cầm bút viết văn, làm thơ...chuyện ấy xảy tới cho nhiều người. Nhưng nhận vợ tác giả cuốn sách là người “đỡ đầu văn học” cho mình thì Cổ Kim, Đông Tây chỉ có mầm non văn nghệ Hồ chí Minh dám làm cái công việc nhận vợ, nhận quàng tơ trên đến thế. Trong tất cả những trường hợp “thấy kẻ sang bắt quàng làm họ” của dân Việt, cũng chưa từng có vụ nhận quàng nào khôi hài hơn. Theo gương bác, những anh văn công chuyên làm về có thể hô hoán “Nguyễn Du đã đỡ đầu văn học cho tôi” bởi vì các anh ấy đã đọc và thích truyện Kiều. Các Thi Hào, Thi Bá Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị v.v...sẽ can tội “đỡ đầu văn học” cho một ông chuyên làm thơ quảng cáo thuốc ho bà lang trọc vì ông này cũng mê đọc Đường Thi dữ lắm.

Bác sáng tạo

Dù sao, nếu Hồ trở thành một văn thi sĩ lỗi lạc thì vụ nhận vợ này cũng không làm đau lòng quý ông Anatole France và Leon Tolstoi. Ta hãy xem thành tích của mầm non văn nghệ Nguyễn ái Quốc: Bác có viết một số truyện ngắn, được tờ “Nhân Đạo” đăng tải. Nhân đạo không phải là một tờ báo văn chương. Nó là tờ truyền đơn quảng cáo chế độ cộng sản. Truyện ngắn được đăng trên “Nhân Đạo” không chứng tỏ văn tài, chỉ thể hiện khả năng làm đầy tờ cộng sản. Về tác phẩm lớn của Hồ thì:

“Ông Nguyễn chỉ viết một quyển sách duy nhất là quyển: ‘Bản án kết tội chế độ thực dân Pháp’” quyển này gồm những tài liệu chống thực dân Pháp, trích trong những sách của người Pháp viết để ở Thư Viện Quốc Gia” (trang 34)

Tài sáng tác của bác đã yếu kém mà đến khả năng viết sách kể tội thực dân của bác cũng không khá. Công tác cực nhọc nhất của mầm non văn nghệ Nguyễn ái Quốc là chạy vào Thư Viện cướp nhặt những trang sách của các tác giả Pháp, gom lại, làm một cuốn sách của mình, mà lại là “QUYÊN SÁCH DUY NHẤT”.

Ở đoạn trên, chú Trần dân Tiên đương huyênh hoang rằng bác *“không có một phút nào quên Tổ Quốc mình bị giày xéo và đồng bào mình bị áp bức.”* (trang 34). Nhưng tổ quốc bị giày xéo, đồng bào bị áp bức thế nào bác không viết (hay không viết nổi) thành sách. Việc ấy đâu có đòi hỏi ở bác một khả năng sáng tác, tưởng tượng. Chỉ cần ghi lại vụng về những chuyện đang xảy ra ở Việt Nam là bác có một cuốn sách dày. Nhưng người được Leon Tolstoi và Anatole France “đỡ đầu văn học” chỉ làm nổi một việc là đi chép những trang sách trong Thư Viện, sắp xếp lại rồi hùng dũng ký tên! Tội nghiệp hai ông Leon Tolstoi và Anatole France! Chỉ vì viết văn “giản đơn” được bác thích mà mang cái họa “đỡ đầu văn học” cho một cây bút quá tội.

Về công trình sáng tác của bác, Trần Dân Tiên bôc: *“Đầy hăng hái, ông Nguyễn viết cả một vở kịch Rồng Tre”*. (trang 34). Lẽ ra chú Tiên phải viết: *“Ông Nguyễn viết vở kịch RỒNG TRE”* hoặc *“Ông Nguyễn viết một vở kịch nhan đề là RỒNG TRE”*. Nhưng thôi, chuyện văn chương bác lúng củng thì nói sao cho hết. (Vả lại, trễ rồi. Nếu bác còn sống, “Nếu có bác trong ngày vui di tản” thì ta đã gửi bác đến Trung Tâm Việt Ngữ Hồng Bàng tu nghiệp là mọi chuyện êm thấm ngay, khỏi mất công chê bai)

Xin quý vị độc giả chú ý đến chữ “cả” trong câu văn của Trần dân Tiên. Chữ “cả” làm cho câu văn như reo lên một cách lãng xẹt. *“...ông Nguyễn viết CẢ một vở kịch”*. “CẢ” không hàm ý tất cả (có ai viết nửa vở kịch rồi ngưng đâu). Viết cả một vở kịch thì có gì là ghê gớm, phi thường? Trần dân Tiên reo hò thán phục với ngụ ý rằng: Ngoài cuốn sách cướp nhặt, bác còn viết được một vở kịch nữa đấy. Ôi chao! Chỉ cần giở bất cứ một đặc san, bích báo nào của trẻ em trung học miền Nam, chúng ta cũng gặp những siêu nhân ngang tài với bác “viết cả một vở kịch”. Có em viết cả hai ba vở kịch lận. Vở kịch RỒNG TRE hay ho cỡ nào? Trần Dân Tiên viết:

“Đại ý vở kịch như thế này: Có những cây tre thân hình quần quẹo. Những người chơi đồ cổ lấy về đểo gọt thành con rồng. Nó là một đồ chơi. Là con rồng nhưng thật ra chỉ là một khúc tre. Là một khúc tre, nhưng lại hãnh diện có tên và hình dáng con rồng. Tuy vậy chỉ là một quái vật vô dụng.” (trang 34)

Tre, trúc là giống mọc thẳng. Tây con có thể không biết, chứ người gốc Mít như bác Hồ phải biết. Một cây tre mọc cong queo là đã là hiếm, ở đây bác Hồ bảo: “*Có những cây tre thân hình quần queo*” nghĩa là nhiều. Như lời Án Tử xưa nói: “Cây quít mọc ở phía Nam sông Hoài thì ngọt, mọc ở phía Bắc sông Hoài thì chua, là vì thủy thổ khác nhau”. Vậy nay, những cây tre mọc ở ngoài đời thì thẳng mà mọc trong lòng bác lại quần queo chẳng là vì tâm địa bác cong queo khác thường chăng ?

Tre cong queo đã hiếm, mà cong queo đến độ như con rắn, con rồng uốn khúc thì đúng là kim cô kỳ quan. Trên thế gian những giống cây cong queo đâu có thiếu gì. Bác lại chọn đúng loài cây mọc thẳng nhất, bắt nó cong để viết kịch thì đúng là đã “vận dụng hết óc sáng tạo”, chết tiệt luôn. Đây là cái khoản chọn vật, bây giờ hãy xét cách chọn người của kịch tác giả Hồ. Người chơi đồ cổ là người chuyên sưu tầm và có thể buôn bán đồ cổ. Một cây tre cong queo đâu có phải là một món đồ cổ đáng để họ sưu tầm. Nhà chơi đồ cổ đi kiếm cây tre cong đã lạ, cái việc đẽo gọt nó thành con rồng càng lạ hơn. Việc chơi đồ cổ không cho họ có bàn tay tài hoa của một nhà điêu khắc. Viết như thế thì cũng không khác gì kể chuyện rằng ở bên đường có một khúc gỗ, có mấy anh chuyên gia thiên heo đem khúc gỗ về đẽo gọt nó thành một...cây đòn!

Muốn đẽo gọt cây tre cong queo thành con rồng, nhân vật kịch của bác phải là một nhà điêu khắc, hay hèn nhất thì cũng là một ông thợ mộc khéo tay. Nhưng kịch của bác nhất định bắt mấy tay chơi đồ cổ hì hục gọt cây tre thành con rồng, coi bộ họ cũng gian khổ ác liệt như nhân dân bị bác bắt biến sỏi đá thành...com vậy! Anh nào lọt vào tay bác cũng hóc hác!

Vở kịch được bác gán cho một ý nghĩa cao siêu: “*Là một khúc tre, nhưng lại hãnh diện có tên và hình dáng con rồng*”. Mới nghe tưởng ghê, tưởng sáng kiến mới lạ. Nhưng ý kiến này, tiếc thay, bác Hồ lại thưởng của tiền nhân. Bài thơ “*Tiền sĩ giấy*” của cổ nhân thâm trầm, sâu sắc biết bao nhiêu. Cái anh chàng thưởng lại, đem về viết kịch, làm thành chuyện rồng, chuyện rắn vừa ngô nghê vừa ngớ ngẩn chẳng ra làm sao cả.

Xưa nay, trong hồi ký, bút ký, những truyện tức cười, những hành động lố bịch, những sáng tác vụng dại, non kém được kể lại không phải là hiếm. Nhưng khi kể những chuyện ấy, tác giả chỉ cốt dựng lại một thuở xa xưa, một thời non trẻ lúc mà tác giả chưa trưởng thành, chưa làm ra cái gì nên hồn. Chỉ những thiên tài, thần đồng mới có những thành tích lớn lao đáng khoe khoang từ lúc còn rất trẻ. Ngoài ra người ta kể lại chuyện cũ để cười, để giễu cợt chút đỉnh...kiểu như một người nhắc lại cái bệnh tê dâm của mình thời bé dại, vậy thôi. Bác không phải là thiên tài, thần đồng. Nền văn chương, kịch cợt của bác dù được tới hai văn hào Nga và Pháp “*đỡ đầu văn học*” vẫn chỉ là một cuốn sách cốp nhặt, một vở kịch lèm bèm, dở ẹc. Thế mà bác long trọng ghi lại tất cả một cách nghiêm trang, như ghi lại một đoạn đời thành công lớn lao, với những thành tích to lớn!

Tình yêu quả thực đã làm người ta mù quáng. Bác si mê bác quá nên không bao giờ thấy nổi sự lố bịch của người yêu.

Nghề nghiệp và hoạt động

Sau khi khoe bác viết kịch được các nhà phê bình văn nghệ khen hay, bác học tập nghề làm báo rất gian khổ và được vào làng báo Tây v.v...chú Trần dân Tiên kể tiếp: “*Trong thời gian ở Paris, ông Nguyễn sống rất cực khổ...*” (trang 34).

Ồ hay! Đã vào làng báo Tây là ngon rồi, khỏe rồi sao còn “*rất cực khổ*”. Tây vốn trọng nhà văn, nhà báo. Ông nhà văn, kịch tác gia kiêm ký giả Nguyễn ái Quốc sao lại thảm vậy ? Hãy nghe chú Trần dân Tiên kể tiếp: “*Để kiếm tiền, ông Nguyễn làm nghề rửa ảnh và phóng đại ảnh. Chính cụ Phan Chu Trinh đã dạy cho ông Nguyễn nghề này*”. (trang 34).

(Ở đây chúng ta lại có dịp thấy tấm lòng bao dung của nhà cách mạng Phan Chu Trinh. Gặp một kẻ lác cắc, bắng nhắng như Hồ, ông vẫn không giận, không ghét, vẫn dạy nghề cho). Con người đỏi nhất của làng báo Tây, ngoài nghề rửa ảnh, còn có một cái “*giúp*” (job) cao quý hơn: “*Ông làm cả nghề sơn vẽ đồ cổ. Ở Paris có nhiều nhà làm giả đồ cổ Trung Quốc, họ làm đồ gỗ, bình phong và những vật khác bắt chước theo kiểu Trung Quốc. Họ sơn*

bằng sơn Nhật và vẽ hoặc viết những chữ ngoằn ngoèo giả chữ Trung Quốc. Những bà quý tộc già, những trọc phú rất ham những vậy ấy, không biết là đồ giả và mua rất đắt. Công việc sơn vẽ giả đồ cổ Trung Quốc rất dễ cho ông Nguyễn, không may đấy chỉ là một công việc hàng mùa, mỗi năm chỉ làm vài tháng.” (trang 34-35)

Ôi trời! Hóa ra bác Hồ chí Minh rục rờ tên vàng của chúng nó đi làm cái nghề chế tạo đồ cổ giả để lừa bịp mấy bà già!

Tưởng tượng ra cái mặt bác nghệt, cái lưỡi bác thè, cái tay bác cặm cụi viết những chữ ‘ngoằn ngoèo’ giả làm chữ Trung Quốc, thấy ‘anh minh’ không thể tả được, chỉ hơi kém lương thiện tí thôi. Đọc đến chỗ này, ta thấy một nghi vấn văn học đã được giải tỏa, đã có lời giải thích. Quý vị còn nhớ: Khi viết vở kịch Rừng Tre, bác ‘sáng tạo’ rằng: ‘Những người chơi đồ cổ đem khúc tre cong queo về đẽo gọt thành con rồng v.v...’. Thật ra có lẽ bác định viết: ‘Những người LÀM ĐỒ CỔ đem khúc tre về đẽo gọt...’ Làm đồ cổ? Ở trên đời đâu có loại người tài ba đến thế. Món đồ được coi là cổ, phải có bàn tay của thời gian xía vô. Kể làm cái đĩa thời Khang Hy cũng chỉ là một anh thợ đồ gốm chuyên làm đĩa làm chén. Trăm năm, ngàn năm sau, một món đồ tầm thường hóa ra đồ cổ. Đâu có ai làm ra một món gì rồi lập tức biến nó già đi vài trăm năm thành đồ cổ. Đồ cổ không ai làm được trừ phi nó là đồ...giả. Và đó là nghề của chàng.

Bác ngồi làm đồ cổ giả hung hãn quá nên nó nhập tâm, hóa ra nó méo mó nghề nghiệp, khi viết kịch cũng đưa đại cái nghề bắt lương đó vô tác phẩm và khán giả mới có dịp thấy ‘người chơi đồ cổ’ lại có khả năng đẽo rồng, gọt phượng! Ôi chao! Nếu trời không xui, đất không khiến cho bác tự khoe ra thì bố ai mà biết được bác lại có lúc chơi những trò gian vật, bất nhân, đi lừa lọc mấy bà già khờ khạo như thế! Cũng ở chỗ này, thêm một lần nữa ta biết Trần dân Tiên chính là bác. Nếu đưa khác viết hồi ký giùm bác mà lại phang ra cái nghề lừa bịp bà già của bác thừa thiếu thời, khiến bác nom buồn cười quá như thế thì đội ngũ văn nô sẽ xúm lại khiến nó thấy mẹ. Bác có hai nghề độ thân. Cái nghề cụ Phan Chu Trinh dạy cho (rửa ảnh, phóng đại ảnh) thì oai hùng, lương thiện mà cái nghề bác tự kiếm lấy lại bắt lương quá đi thôi.

Sao không noi gương những lão ông di tản rục rờ tên vàng, thường cày hai ‘gióp’ phom phom mà ‘gióp’ nào cũng đang hoàng cả. Lúc ấy còn trẻ túng đỏi, chàng thanh niên Nguyễn ái Quốc bán quá phải sinh nhai bằng cái nghề lừa bịp. Thôi thì cũng thông cảm, bỏ qua. Nhưng khi viết hồi ký, bác đã già đầu rồi, đã biết suy nghĩ, đắn đo rồi, thế mà còn lên giọng tiếc hùi hụi: ‘KHÔNG MAY, đây chỉ là một công việc hàng mùa, mỗi năm chỉ làm vài tháng’.

Bác không may một, thì nhân dân Việt Nam không may mười.

Giả thử rằng cái trò sơn đồ cổ bịp bà đầm già của bác lúc đó mà phồn thịnh, bác may mắn hơn, kiếm ăn khá hơn, bận rộn suốt bốn mùa thì có lẽ bác đã thành một tay sơn đồ cổ giả chuyên nghiệp và, với sự chịu khó, tài lấu cá vật, bác sẽ thành công. Nước Pháp có thêm một thằng bịp nhưng nước Việt thoát được một kẻ hại nước, tàn dân. Không may thật. Ủng thật. Kiêu Phong cũng tiếc hùi hụi.

PHẦN 4

Đó là chuyện nghề ngỗng, bây giờ đến cái khoản ăn ngủ và hoạt động của bác. Về khoản ăn, theo lời Trần dân Tiên, bác thuộc loại dễ nuôi: ‘Mỗi buổi mai, ông Nguyễn nấu cơm trong một cái sanh nhỏ bằng sắt tây đặt trên một ngọn đèn dầu. Với một con cá mắm hoặc một tí thịt. Ông ăn một nửa và để dành một nửa đến chiều. Có khi một miếng bánh mì với một miếng phó-mát là đủ ăn cả ngày’ (trang 35).

Về ở, bác lại vận dụng trí sáng tạo đưa ra một kiểu chống lạnh rất ly kỳ: ‘Ông trọ ở một phòng nhỏ trong một khách sạn rất rẻ tiền ở xóm lao động. Phòng chỉ vừa kê một cái giường sắt chặt, một cái bàn nhỏ và một cái ghế. Chỉ thế thôi, không có gì khác. Về mùa Đông lạnh, mỗi buổi sáng trước khi đi làm, ông để một viên gạch vào lò bếp của khách sạn.

Chiều đến ông lấy viên gạch ra, bọc nó vào trong những tờ báo cũ, để xuống nệm cho đỡ rét.” (trang 36).

Nếu đây chỉ là lời bịa đặt thuần túy, để tự đề cao, để cho đời thấy bác đã có thứ thiếu thời vô cùng rét mướt, v.v...ta nên bỏ qua vì trí sáng tạo của bác chỉ có vậy. Nhưng nếu thật sự bác đã từng chông rét bằng cái kiểu gói viên gạch vào những tờ báo cũ thì lúc đó bác còn tối tăm lăm, không hơn gì cái thuở ăn xúp bằng nữa.

Không ai gói giữ nhiệt độ bằng giấy báo cũ. Khách sạn bác trọ không có máy sưởi ở các phòng, mùa Đông Paris sẽ lạnh tàn nhẫn vô nhân đạo. Lò bếp khách sạn đâu có ở cạnh phòng bác. Cục gạch lấy từ bếp ra, gói vào giấy báo thì chỉ một lúc sau, bác về tới phòng là nó lạnh như cục nước đá rồi. Để cục nước đá ấy xuống nệm mà nằm cho nó oặt xương sống ra à!

Yêu cầu các cháu văn nô của bác trong kỳ tái bản tới sửa lại khúc này là: Bác bọc cục gạch nóng vào mớ giẻ rách. May ra đỡ lạnh hơn và nằm chắc chắn êm hơn, xương sống được an toàn.

Có vẻ dễ yêu

Về sinh hoạt thường ngày của bác, chú Trần dân Tiên kể: *“Thường thường, ông chỉ làm việc nửa ngày, làm buổi sáng để kiếm tiền, còn buổi chiều thì đi đến Thư Viện hoặc đến dự những buổi nói chuyện chính trị. Tối đến ông đi dự mít tinh ở Paris...Hầu hết trong những buổi mít tinh này, ông đều phát biểu ý kiến” (trang 36).*

Vừa kể đến đó, bác cảm lòng không đậu, lại tự khen ngay một phát ra gì: *“Vì ông là người ngoại quốc độc nhất trong những nơi này và vì ông có vẻ dễ mến cho nên thỉnh giả thích nghe ông. Ông Nguyễn khéo lái những vấn đề thảo luận sang vấn đề thuộc địa, đặt biệt là vấn đề Việt Nam” (trang 36).*

Mới có mấy dòng kể chuyện đi mít tinh bác đã nhồi nhét vô được ba bốn lời tung hô vạn tuế: Nào là bác “khéo lái”, bác được thỉnh giả thích nghe, bác có vẻ dễ yêu mến. Nhưng ở đoạn này, bác muốn “nói có sách, mách có chứng” đàng hoàng, bác đưa ra ví dụ về chuyện “khéo lái” rồi chuyện “dễ yêu”. Bác kể:

“Có một lần Bác Sĩ Coué nói về thuật thôi miên. Nhiều người phát biểu ý kiến, người đồng ý, người phản đối phương pháp chữa bệnh bằng thôi miên. Đến lượt ông Nguyễn, ông kịch liệt phản đối thuật thôi miên. Lý do của ông: Thực dân Pháp đã thôi miên chúng tôi để đàn áp và bóc lột chúng tôi” (trang 36).

Ông Nguyễn phát biểu ý kiến kiểu đó thì thỉnh giả thích nghe ông thật. Người ta vẫn khoái nghe lời nói giễu, khoái coi vẻ mặt ngơ ngê, hành động lỗ bịch tức cười của những thằng hề.

Các cụ hãy tưởng tượng phong cảnh một phòng họp: Các chuyên gia đang hăng say thảo luận về thuật thôi miên, đề tài tranh cãi là có nên dùng thôi miên trong y khoa không. Bỗng nhiên có một anh Mít nhảy lên diễn đàn, phản đối thuật thôi miên âm ỉ, kêu la rằng chính Thực dân đã...thôi miên dân tộc của anh ấy! Thực dân nào dùng thuật thôi miên? Chúng nó đem vũ khí tối tân, quân đội hùng hậu, sách lược thâm độc đến Việt Nam để đàn áp bóc lột chứ thôi miên làm gì cho thêm rắc rối. Có bao giờ ta thấy một anh Thực dân đứng đưa cái quả lắc trước mặt anh Mít ngơ ngếch và dụ khị “Ngủ đi! Ngủ đi!...” để rồi sau đó mới bóc lột, đàn áp! Bác “khéo lái” thế thì khán giả đến cười lăn ra mà chết. Sự ngơ ngê của bác có khả năng chọc cười, làm khán giả bị bất ngờ. Lời nói càng ngu, mặt mũi càng nghiêm chỉnh thì người ta càng buồn cười, càng thấy bác “có vẻ dễ yêu”.

Khi kể chuyện lên diễn đàn chống thuật thôi miên, bác không nhắc đến phản ứng của khán giả. Nhưng ở một dịp phát biểu ý kiến khác, bác mô tả rõ hành động của mọi người sau khi nghe bác nói: Họ cười lăn ra! Bác kể:

“Một hôm, ông Nguyễn đứng lên phát biểu: “Các bạn thân mến! Các bạn đều là những người xã hội, rất tốt! Tất cả các bạn đều muốn giải phóng giai cấp công nhân. Vậy như thế dù đệ nhị, đệ nhị rưỡi hay đệ tam quốc tế phải chăng cũng thế cả.”

Những Quốc tế ấy đều không là cách mạng cả sao ? Những Quốc tế ấy đều không đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội cả sao ? Dù các bạn gia nhập Quốc tế này hoặc Quốc tế nọ, các bạn cũng phải đoàn kết, nhất trí. Tại sao tranh luận nhiều thế. Trong khi các bạn tranh luận ở đây thì đồng bào chúng tôi đang rèn xiết ở Việt Nam''. Mọi người cười.'' (trang 44)

Bác làm thiên hạ phá lên cười. Nhưng nghe bà con cười, bác lại hiểu rằng: "Mọi người cười, nhưng không là mỉa mai, mà là cười cảm tình với một đồng chí non, chưa hiểu được vấn đề". Có thể họ không cười mỉa mai thật. Nhưng cười cảm tình thì chưa chắc. Đó là những tiếng cười dành cho một anh lác cắc, lố bịch, rất hề.

Từ trang 38 đến trang 46 bác Hồ kể lại những chuyện du lịch, thời gian làm tờ báo "NGƯỜI CÙNG KHỔ" và vụ gia nhập đảng cộng sản Pháp. Về tờ báo "NGƯỜI CÙNG KHỔ" thì "ông Nguyễn được mọi người cử ra để làm tờ báo chạy. Vì vậy ông Nguyễn kiêm cả viết, chủ nhiệm, chữa bài, thủ quỹ, xuất bản và liên lạc."

Tờ báo do một ông tài nghệ mới mấp mé tới mức ký giả sẵn tin xe cán chó chủ trương kiêm nhiều chức vụ như thế nên "lúc đầu ông Nguyễn gửi bán tại những cửa hàng nhỏ. Nhưng bán không chạy lắm". Nghĩa là không khá, báo ế. Ông Nguyễn giải thích cái sự báo ế này bằng lý do "vì ở Paris có vô số báo, người ta không thể đọc và mua tất cả." (trang 41).

Bác nói phét, làm như người ta không mua báo bác là tại thị trường nhiều báo quá chứ không phải tại báo bác dở ẹc.

Về vụ vào đảng xã hội, bác than thở là người ta thảo luận nhiều quá và thú thực rằng bác chẳng hiểu mẹ gì:

"Ông Nguyễn lắng nghe nhưng không hiểu rõ lắm, vì người ta thường nhắc đi nhắc lại những tiếng, những câu: Chủ nghĩa tư bản, giai cấp vô sản, bóc lột, chủ nghĩa xã hội, cách mạng không tưởng, khoa học, Saint Simon, Fourier, Marx chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa cải lương, sản xuất, luận đề, phản luận đề... Ngoài những ý kiến trên, còn có những lời giải thích và những lời tranh luận khác. Ông Nguyễn nhưc đầu vì khó hiểu" (trang 43).

Riêng vụ du lịch, bác có vẻ rành, nên bác ba hoa: "Sau mỗi chuyến đi, ông Nguyễn kể cho chúng tôi nghe cảm tưởng của ông. Thường thường ông nói nửa đùa nửa thật. Trong những ngày nghỉ, không nên tiêu phí tiền bạc, mất thời giờ ở bãi bể để nhìn người đàn bà đi tắm, mà nên du lịch, học hỏi được nhiều" (trang 38).

"Không phải chỉ vì thích đi du lịch mà ông nhịn ăn, nhịn tiêu. Điều đó cũng có, nhưng nhất là ông muốn biết những nước ấy tổ chức và cai trị như thế nào" (trang 40).

Khoe là đi các nước để xem người ta tổ chức và cai trị như thế nào, nhưng những đoạn văn đưa ra nhận xét của bác về các quốc gia thì toàn là văn tả cảnh hoặc mô tả sinh hoạt một cách mơ hồ và lèm bèm kiểu như:

Va-ti-căng có nhiều lâu đài vĩ đại. Nhà Thờ Thánh Pierre là một kỳ công kiến trúc. Viện bảo tàng Va-ti-căng là một cuốn sách sống về lịch sử tôn giáo. Ngoài những vật quý khác, người ta còn thấy cả những bánh xe thời Trung Cổ. Khi nào nông dân không nộp thuế cho nhà chung, người ta buộc chân tay người nông dân vào bánh xe vừa đánh, vừa quay" (trang 38).

"Phụ nữ Ý hát rất hay. Tiếng hát trong như tiếng chuông. Theo ông Nguyễn thì nước Thụy Sĩ xinh hơn hết. Bá-ling so với Pa-ri và La-mã giống như một miếng bánh mì so với bánh ga tô. So sánh như vậy cũng không đúng lắm vì Bá-ling cũng như tất cả nước Đức đang khốn khổ vì nạn đói. Nạn lạm phát ghê gớm. Một chút gì cũng trả mấy ngàn Mác (đồng tiền Đức)" (trang 40).

Có thấy "cách tổ chức và cai trị" của nước nào đâu, chỉ nghe lời kể lảm nhảm, nhạt nhẽo của một nhà du lịch kiến thức nghèo nàn. Lời kể cũng đầu Ngô mình Sở, lộn xộn không đáng viết thành sách.

Sau những thảo luận kịch liệt "làm ông Nguyễn nhưc đầu lên" vì khó hiểu, đảng xã hội Pháp chia ra làm hai: Phần lớn thành đảng cộng sản Pháp. Bác Hồ đi theo nhóm đa số và được đưa qua Nga học tập, bắt đầu dợt nghề làm tay sai cho Điện Cẩm Linh.

Ra đi bí mật

Sau đây là cảnh bác Hồ rời khỏi Paris, văn sĩ Trần dân Tiên dàn văn, xếp ý, gò khúc này dữ lăm để cho cảnh biến mất của bác hết sức đột ngột, ly kỳ và cải lương ra rít. Cũng phải nói thêm: Trong cảnh biệt ly ảo não này có mấy nhân vật như cô bé Alice và cậu bé Paul đột ngột xuất hiện đóng tuồng. Trước đó, không hề có ai được nhắc tới. Bà B., Alice, Paul ra đời chỉ vì nhu cầu “lâm li” của đoạn văn mà thôi.

“Theo lệ thường, chiều thứ Bảy, những đồng chí Sê-nê-ga-le, Ma-rốc, An-giê-ri, Man-gát, v.v... đến tòa báo Người Cùng Khổ để thảo luận về những bài viết cho số báo sau. Ngày hôm ấy họ thấy tòa báo đóng cửa. Họ gõ cửa. Không thấy trả lời.

Người ta bắt đầu ngạc nhiên và bàn bạc.

- Có lẽ ông Nguyễn ốm chăng ?

- Không, nếu ốm thì ông đã báo cho chúng ta biết.

- Hoặc bị bắt chăng ?

- Không thể. Chúng nó không dám làm như thế ở Pa-ri.

- Có lẽ ông bận đi việc gì.

- Ông Nguyễn sẽ để lại cho chúng ta một chữ. Ông Nguyễn thường làm như thế.

- Như vậy chúng ta đợi một lát.

- Không cần. Chúng ta đến nhà ông B..., chúng ta sẽ trở lại sau.

Ông B... là một Luật Sư người An-gê-ri. Ông Nguyễn thường đến nhà ông. Bà vợ ông coi ông Nguyễn như anh em. Ông Nguyễn rất yêu hai đứa con ông, một cháu gái tám tuổi và một cháu trai bốn tuổi, và cũng được chúng rất mến.

Những người bạn gặp ông B...trong phòng khách cùng vợ và hai con. Hai vợ chồng có vẻ buồn. Hai đứa trẻ khóc.

- Gì thế ? Những người bạn hỏi ông B.

Bà B...gạt nước mắt chỉ mảnh giấy gấp để trên bàn và nói:

- Các bạn đọc đi sẽ biết...

(Sau đây là đoạn chót lá thư của “ông Nguyễn”)

“Tôi sẽ viết thư cho các bạn. Nhưng tôi không giám hứa với các bạn, vì không phải dễ viết thư khi người ta hoạt động bí mật. Dù tôi có viết thư cho các bạn hay không, các bạn hãy tin chắc rằng lòng tôi luôn luôn yêu các bạn. Nhờ các bạn bắt tay những người bạn Pháp của chúng ta. Bây giờ một vài lời với cháu trai và cháu gái.

Các cháu rất yêu chú và chú cũng rất yêu các cháu, phải không các cháu ? Chú sẽ nói với những người bạn nhỏ Việt Nam là các cháu rất ngoan. Chú sẽ thay mặt các cháu bắt tay các bạn nhỏ Việt Nam. Có lẽ rất lâu, các cháu sẽ không thấy được chú Nguyễn, không được leo lên đồi, lên lưng chú như các cháu thường làm. Và cũng rất lâu chú sẽ không thấy cô Alice và cậu Paul của chú. Khi chú cháu mình gặp nhau, có lẽ chú đã già, các cháu lớn bằng ba và má. Điều đó không ngại gì. Chú sẽ luôn nhớ đến các cháu. Các cháu luôn luôn vẫn là cô bé Alice và cậu bé Paul thân yêu của chú. Các cháu ngoan. Học thuộc bài. Vâng lời cha mẹ. Đừng đánh con chó nhỏ Marius của các cháu. Khi các cháu đã hơi lớn, các cháu sẽ đấu tranh cho tổ quốc của các cháu cũng như ba má, chú Nguyễn và những chú khác.

Các cháu nhỏ thân yêu của chú, chú hôn các cháu rất kêu. Các cháu hôn mẹ hộ chú. Chú Nguyễn.

Bác sĩ R...ngừng đọc. Mọi người nhìn nhau không nói. Cậu bé Paul phá tan cảnh im lặng hỏi mẹ:

- Chú Nguyễn đâu hở mẹ ?

- Khi nào thì chú ấy trở lại hở mẹ ? Cô bé Alice hỏi theo.

- Chú ấy sẽ trở lại khi nào nước chú đọc lập. Bà B... trả lời và ôm chặt lấy hai con.”

(trang 47-50)

Các đồng chí Sê-nê-ga-le, Ma-rốc, An-gê-ri, Man-gát v.v...cùng chung một lý tưởng, hoạt động “bí mật” cùng với bác, làm báo “Người Cùng Khổ” với bác. Tóm tắt, họ chia xẻ

với bác những chuyện sinh tử lớn lao. Thế mà lúc bỏ Pháp qua Nga bác không báo trước cho anh nào một lời. Đến nỗi cả lũ đồng chí phải lóc nhóc kéo nhau đến nhà ông bà B...Mà bác có ra đi bí mật hoàn toàn không ? Đâu có, bác gửi lại những dòng thư tâm tình tha thiết, cảm động mê tơi cho hai “đồng chí” Alice và Paul (một cháu tám tuổi và một cháu mới bốn tuổi). Với cậu bé bốn tuổi bác đem cả chuyện đấu tranh cho tổ quốc ra dặn dò, nhưng với các đồng chí lớn, bác hoàn toàn bí mật. Cho cả lũ tha hồ xón xác tìm bác.

Ôi chào! Các đồng chí nước bạn Sê-nê-ga-le, Ma-rốc, An-gê-ri, vv...cũng chả nên buồn vì lỗi cư xử ngớ ngẩn, nhầm nhí của bác. Chẳng qua là tại bác mê cái lương quá đỗi. Và trong cảnh ly biệt rất cái lương này, các đồng chí không có vai trò nào gây cảm động bằng hai đứa bé con. Thế nên các đồng chí mới bị bác tình bơ đẹp qua một bên.

Nghệ thuật vẽ rồng

Viết xong khúc này, chú Tiên, bác Hồ có vẻ đặc trí, hả hê lắm. Bác lại long trọng hạ hai câu: *“Thế là một lần nữa ông Nguyễn biệt tích. Một lần nữa chúng tôi mất khâu chuyên”* (trang 51).

Bây giờ thì độc giả biết tổng ra rồi. Lời đe dọa của bác hết thiêng. Dù bác biệt tích, dù chú la lối mất khâu chuyên thì rồi câu chuyện vẫn tiếp tục như thường. Nhưng tại sao ông Nguyễn lại hay “biệt tích” thế ? Sẽ có độc giả đặt câu hỏi như vậy, và đó là mối lo của nhà cầm bút Trần dân Tiên. Cái trò bắt bác khi biển, khi hiện này là một nghệ thuật cao cường của chú. Nếu người đời không thấy được cái chỗ hay ho, tài tình ấy thì uổng lắm, thiệt thòi cho chú lắm. Thế là chú Tiên đành khơi khơi giảng huých toẹt cái hay trong nghệ thuật viết văn của mình ra:

Một câu châm ngôn Trung Quốc nói: “Một nhà họa sĩ vẽ giỏi không bao giờ vẽ nguyên cả một con rồng, mà vẽ con rồng khi ẩn, khi hiện giữa những đám mây” (trang 51)

(Đáng lẽ chỗ này nên để cho lũ văn nô xúm lại bóc thom hôi ký của bác, “phát giác” ra, nhưng bác sốt ruột quá, xí luôn công việc ấy. Thành ra bác viết văn tự ca tụng rồi lại viết ca tụng chính cái nghệ thuật tự ca tụng của mình).

Viết xong câu giải thích, ngẫm nghĩ lại bác thấy hình như chú Trần dân Tiên hơi át giọng bác Hồ kính yêu. Độc giả có thể hiểu lầm rằng sở dĩ con rồng đẹp là nhờ nhà họa sĩ có tài. Cái kỹ thuật tài tình dùng mây che bớt rồng làm cho con rồng nổi bật, chứ sự thật, rồng có thể xấu xí hơn rồng trong tranh. Thế là, bác vội đề cổ chú Tiên xuống bắt viết những lời khiêm tốn.

“Chúng tôi không phải là những nhà họa sĩ có tài. Chúng tôi không để những đám mây trong tiểu sử của Hồ Chủ Tịch, nhưng đến đây thì chúng tôi phải thú thật rằng đã mất mỗi câu chuyện.” (trang 51)

Nghĩa là bức tranh đẹp không nhờ tài họa sĩ mà nhờ chính con rồng. Con rồng, khi đứng chụp hình, đã biết lấy mây che bớt vài khúc cho mình thêm mờ ảo tranh đẹp vì Rồng Hồ khéo dàn cảnh, không vì họa sĩ Tiên khéo vẽ.

Tất cả những trò ly kỳ rùng rợn như “bác biệt tích”, “chú Tiên mất khâu chuyên” được giải quyết dễ dàng bằng hai chữ “May thay...”. Từ nay thì độc giả có thể yên tâm, trong sách còn nhiều “may thay!” nữa.

“May thay lần này, khâu chuyên thiếu không lâu. Chỉ trong thời gian ngắn một người bạn Pháp đã kể cho chúng tôi nghe như sau: Tuyệt xuống nhiều, phủ một lớp dây trên chiếc tàu Xô viết tên là X...Chiếc tàu vừa thả neo trước cửa bể Lê-nin-gờ-rát. Vị Thuyền Trưởng đưa cho một người Á Đông trẻ tuổi một bộ áo quần lông và vừa nói vừa cười: “Anh tạm dùng, sẽ trả lại tôi khi nào anh không cần đến nữa”. Người Á Đông trẻ tuổi cảm ơn, mặc áo quần ấm và đợi. Hai người thủy thủ trẻ tiến đến và nói với người Á Đông: “Nếu anh cho phép, chúng tôi đưa anh đến trụ sở”.

Đến trụ sở thì một cán bộ ra tiếp, mời ngồi, mời một điếu thuốc lá Nga, dài bằng hai ngón tay, và hỏi:

- Xin đồng chí cho biết tên.

- Tôi là Nguyễn.
 - Đồng chí muốn đi đâu ?
 - Tôi muốn đến đây, đến Nga.
 - Đến có việc gì, đồng chí vui lòng cho biết ?
 - Để gặp đồng chí Lê-nin.
 - Rất đáng tiếc, không thể gặp đồng chí Lê-nin, vì Người vừa mới mất hôm kia. Người cán bộ vừa nói vừa lau nước mắt.
 - Trời ơi! Đồng chí Lê nin mất rồi sao ?
- Ông Nguyễn sùng sốt và vô cùng cảm động. Người cán bộ hỏi tiếp:
- Theo lời Thuyền Trưởng, đồng chí đi tàu...không có giấy phép ?
 - Đúng, tôi bí mật.” (trang 52)

Đến đây, độc giả thấy rằng ngoài cái tật mê những cảnh cải lương, bác còn khoái truyện gián điệp rẻ tiền, hơi một tí là kêu nhặng lên: “bí mật!”. Ở đây bác lên chiếc tàu Nga, “bí mật” thế nào mà đến cả ông Thuyền Trưởng cũng biết, được ông tặng bộ quần áo lông. Cả cán bộ và thủy thủ đoàn trên tàu đều biết bác. Rồi tàu, bác phải đi bắt tay từng người, lại được cán bộ hướng dẫn đến tận trụ sở. Ông Thuyền Trưởng thì khai vanh vách về tình trạng của bác với cán bộ địa phương. Thế mà khi công an hỏi, bác cứ nghiêm nghị đáp tỉnh bơ: Đúng, tôi bí mật! “May thay” cho tên cán bộ Nga lúc đó, nhờ chế độ cộng sản kìm kẹp, nó hết biết cười. Nếu không thì đến đứt ruột mà chết.

Trò bí mật bác khoái từ hồi nhỏ. Quí vị độc giả còn nhớ: Ở đầu sách, cậu bé Nguyễn tất Thành khi rủ một cậu bé khác ở Sài Gòn đi ra nước ngoài cũng bắt cậu kia phải giữ “bí mật”. Vì lý do gì ? Vì cậu Thành được gửi ra nước ngoài bằng đường dây cách mạng ? Vì cậu sẽ lên đường trong một đêm tăm tối, mưa gió bão bùng, không để ai phát giác được hành tung ? Không có. Cậu xuất ngoại bằng cách giữa thanh thiên bạch nhật đàng hoàng đến bến tàu xin việc. Xin hết tàu này đến tàu kia mới gặp một kẻ thương tình cho chân phụ bép. Thế mà cũng cứ nhất định khăng khăng giữ...bí mật!

Bức thăm quan thầy

Con người đến Nga “một cách bí mật” ấy đã bị cán bộ Nga đón tiếp một cách không bí mật tí nào cả. Sau màn phỏng vấn, biết gặp được một tên tay sai đầy triển vọng, cán bộ Nga cho Hồ đến ở khách sạn quốc doanh và nuôi nấng cẩn thận, chỉ cấm không cho ra ngoài. Thế cho nên mấy hôm sau, được hỏi nhận xét, cảm tưởng về nước Nga, bác phang ra một câu xanh rờn: “Tôi thấy rất rét”. Nguyên văn đoạn đối thoại:

- Anh đấy ư ? Paul hỏi.
 - Vâng tôi đây, ông Nguyễn trả lời.
 - Anh làm thế nào mà đến đây được ?
 - Như lệ thường thôi, bằng cách bí mật.
 - Anh đến đây vào lúc đang buồn. Lê nin vĩ đại vừa mới mất.
- Hai người bạn lặng yên một lát, buồn rầu. Rồi Pôn nói tiếp:
- Anh thấy xứ này thế nào ?
 - Tôi thấy rất rét. Ngoài ra không biết chuyện gì khác, vì tôi đã hứa với người cán bộ là không ra khỏi khách sạn.” (trang 54)

Coi bộ tình cảnh bác tới Nga lần đầu thăm hơn lần tới Pháp. Đến Pháp, bác còn được tà tà ra tiệm cà phê, được bồi gọi là Ông nên bác có nhận xét rất rộng rãi: “Người Pháp ở Pháp tốt và lịch sự v.v...”. Đến Nga, bị cán bộ cấm ra khỏi phòng bác sàu đời, phang ra một quả nhận xét cộc lốc: “Tôi thấy rất rét”. Nghe tuy quê mùa nhưng cũng khá dững cảm.

Nhưng sự hậm hực chê bai nước Nga chỉ có thế. Sau đó là tràng giang đại hải những lời ca ngợi, kiểu như: “Ông chú ý nhất đến chế độ xã hội nước Nga. Ở đây, mọi người ra sức học tập, nghiên cứu để tiến bộ. Chính phủ thì giúp đỡ khuyến khích nhân dân học tập. Ở đâu cũng thấy trường học...” (trang 56)

Điều này bác ca ngợi đúng. Nga mở ra nhiều trường mầm. Tây Bá Lợi Á cũng đây trường. Chính phủ không những khuyến khích mà còn còng dân, dí súng vào lưng dân đẩy đến trường học tập.

“Có một số nông trường tập thể rất giàu mà người ta gọi là nông trường triệu phú. Những nông trường này có trường học sơ cấp và trung cấp, Thư Viện, nhà chiếu bóng, sân vận động, nhà thương, phòng nghiên cứu nông nghiệp, nơi chứa máy móc, vân vân...” (trang 56).

Trích dẫn nhiều chỉ làm nhảm tai độc giả. Hàng triệu cuốn sách, bài báo tuyên truyền của cộng sản đều có những lời tương tự. Bác cũng còn dành một trang để ca tụng Nga là thiên đường của con nít (trong khi chờ đợi thành thiên đường của người lớn.) Những điều ca tụng của bác, nửa thế kỷ sau nước Nga vẫn...chưa thực hiện được.

Đặc biệt ở những trang ca tụng nước quan thầy này, bác viết như chép từ những tài liệu tuyên truyền hoặc nghe lại lời ba hoa của một cán bộ tuyên truyền. Bác không kể nổi tên một người, một địa danh nào đặc biệt. Có lẽ tại Nga chỉ cho bác đi vài vòng ngắm cảnh rồi giam bác ở khách sạn cho học tập tối ngày. Cái khúc con rồng hiện ra ở nước Nga này hơi thảm. Giá bác cứ cho nó “biệt tích” luôn thì lại đỡ hơn. Từ trang 62, bác kể lại thời gian hoạt động ở Tàu, ở Xiêm (Thái Lan).

Được quan thầy Nga huấn luyện, dẫy dổ, bác tiến bộ thấy rõ. Tài chôm chia của bác nhuyễn lắm rồi. Các sáng kiến, công lao của người khác, ở mọi địa hạt, nếu vừa mắt, hạp ý, bác vồ vợn. Thí dụ ở trang 62, bác kể:

“Ba nguyên tắc của Bác Sĩ Tôn Dật Tiên là: Dân tộc độc lập. Dân quyền tự do. Dân sinh hạnh phúc.”

Quý vị có thấy cái gì quen quen không ? Vâng, mấy khẩu hiệu ấy, bác thuổng hết, xài suốt đời, thành ra ta cứ đọc thấy những câu dài dòng: “Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, độc lập, tự do, hạnh phúc” được gắn nguyên con cho miền Bắc.

Về vụ dựa hơi hại nhà cách mạng Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh, bác kể:

“...Thực dân Pháp đã phạm một sai lầm là bắt nhà lão chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu, lúc bấy giờ ở Trung Quốc, và muốn kết án tử hình cụ Phan. Tất cả nhân dân Việt Nam nổi dậy chống lại vụ án này và yêu cầu tha cụ Phan. Chưa bao giờ có một phong trào quần chúng rộng rãi như vậy. Đây là một dịp tốt cho ông Nguyễn tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước” (trang 63).

“Nhà lão ái quốc Phan Chu Trinh ở Pháp trở về Việt Nam. Về được một năm thì cụ mất. Từ Bắc chí Nam, nhân dân ta tổ chức đám tang rất lớn. Bọn cầm quyền Pháp can thiệp cấm những cuộc truy điệu và bắt bớ những thanh niên, sinh viên hăng hái nhất trong cuộc vận động đó. Sự can thiệp này đã thổi thêm ngọn lửa yêu nước của ông Nguyễn.” (trang 64).

Bác tự cứu đói

Nhưng lý thú nhất là vụ bác ăn cướp cơm chim, nghĩa đen.

Nguyên là hồi bốn ba ở Thái Lan, bác thất nghiệp nặng. Lúc ở Tàu, bác sinh sống bằng nghề thông dịch. Ở Nga, bác được nuôi. Ở Anh thì có nghề rửa chén. Thời gian ở Pháp huy hoàng hơn cả, bác cây hai “dóp”: Một là rửa và phóng đại hình, hai là ngồi sơn vẽ đồ cô giá để bịp mấy bà già. Riêng thời ở Thái, bác khai nghề nghiệp rất mơ hồ: “Cuộc đất, đi buôn”. Chắc là đói, bác bèn kể lại một mưu mẹo thần sầu để cứu đói cho chính mình và đồng bọn. Bác kể:

“Người Xiêm mộ đạo Phật và rất hiền lành. Đến tuổi nào đó, con trai phải đi tu ở Chùa mấy tháng. Vì vậy trong nước có hàng ngàn nhà sư. Sư rất được nhân dân kính trọng. Và được nhân dân nuôi. Mỗi ngày họ chỉ ăn một bữa, vào mười giờ sáng. Chị em mang cơm đến chùa. Sư cứ việc ăn không cảm ơn ai. Họ chỉ cảm ơn Phật Tổ. Khi sư ăn xong, cơm rau còn lại khách qua đường có thể ăn. Những người đưa cơm đều rất sung sướng được dịp bố thí. Nhờ thế mà ông Nguyễn và những người bạn của ông có thể đi đường không tốn tiền cơm.

Nếu không gặp những người khách đói, người đưa cơm đem một phần cơm thừa cho chim ăn.” (trang 66).

Tội nghiệp những con chim bị những người khách đói “ăn chặn”. Trước khi có “ông Nguyễn và đồng bọn” xuất hiện, chim Thái Lan sống rất phủ phê. Cơm thừa của các nhà sư bao giờ cũng dư giả. Bây giờ thì “những người khách đói” vét sạch bách. Nguồn gốc của từ ngữ “ăn cướp cơm chim” chắc là đây. Nghĩ kỹ ra thì những con chim Thái Lan thừa ấy vẫn còn may mắn lắm. Ngày đó có bác đi nhẹ vào đời chim, chim phải một phen bữa đói bữa no, nhưng còn tự do đậu trên cành hót chửi bác và tự do bay đi. Còn dân Việt Nam bị bác đi nhẹ vào đời thì đói kinh niên, mất tự do thê thảm cho tới chết.

Bạn đọc hồi hộp

Khi rời nước Tàu, đến Thái Lan hoạt động bác lại biểu diễn tuồng “biến mất” thêm một phát nữa:

“Một lần nữa ông lại mất tích. Ông Nguyễn đi đâu. Không ai biết. Những đồng chí của ông cũng bị nghi ngờ và bị Quốc Dân Đảng bắt bỏ tù. Chúng tôi lại mất môi thêm một lần nữa...” (trang 65).

Trong trò “biến mất”, “mất môi” kỳ này, chú Trần dân Tiên và vai trò của chú lại bị bác quên mất tiêu. Hai chữ “may thay” bác cũng quên luôn. Sau khi than bác mất tích, chúng tôi “mất môi” bác viết tình bơ, không cần ai kê, không cần “may thay có người biết...” như thường lệ. Cả ở những việc không đáng gì bác cũng cứ nhon nhon, trắng trợn phơi sự láo khoét của mình ra như thế! Quái đản thật. Rồi đến cuối trang 85, tình hình bác Hồ lại la hoảng:

“Ông Nguyễn lại mất tích!”

Và lần này coi bộ bác sốt ruột lắm rồi, chịu không nổi, bác nói thẳng với độc giả:

“Các bạn thân mến, chắc các bạn cũng hồi hộp khi đọc chuyện của một người khi xuất hiện khi mất tích, lại xuất hiện, lại mất tích luôn luôn và đột ngột như thế”

Hóa ra bác Hồ thêm thường sự vinh quang của mấy tay viết truyện trinh thám, gián điệp rẻ tiền. Bác xào đi xào lại cái trò “ông Nguyễn mất tích” để bắt bả con “hồi hộp” đấy. Nhưng hồi hộp thế quái nào được. Kết cuộc câu chuyện của bác đã được phơi ra từ những trang đầu. Độc giả biết tỏng rằng “ông Nguyễn” dù có biến, hiện loạn xạ thì cuối cùng cũng về ngòi lù lù ở Bắc Bộ Phủ. Và lại, cứ theo tình tiết câu chuyện thì thường mỗi lần gặp thế nguy, bác lại biến mất tiêu. Bị Quốc Dân Đảng Trung Hoa muốn hãm hại, bác biến. Bị Thực dân giăng bẫy bắt, bác “mất tích”. An toàn khỏe ru như thế, hồi hộp vào cái khổ nào.

Đầu tiên, bác biểu diễn kỹ thuật viết: Cho nhân vật lâu lâu biến một lần. Rồi bác giải thích cái hay của kỹ thuật ấy bằng thí dụ ông họa sĩ vẽ rồng để nhắc khéo độc giả rằng bác viết tài tình lắm đó. Sau chót, chả cần giữ ý tứ gì, bác huých toẹt hỏi thẳng độc giả: Tôi viết có hay không? Có khéo không? Chắc là tôi làm quý ngài hồi hộp phải biết! Loại văn sĩ nghĩ văn mình là nhất không hiềm trên đời, nhưng vừa viết văn vừa tự khen, cưỡng bách độc giả phải khen ngay tại trận thì chỉ có mình bác. Tình cảnh ấy thảm thương như một anh hề vừa giễu xong vội giải thích tất cả kỹ thuật giễu của mình rồi chắt vắn khán giả: Chắc là “các bạn thân mến” đang buồn cười lắm vì tài giễu của tôi!

PHẦN 5

Những anh thân cộng thường nhận định: Hồ là một người quốc gia, mãi sau mới thành cộng sản. Những ông quốc gia ngây thơ cũng phụ họa: Hồ khéo giấu cái đuôi cộng sản trong suốt thời gian kháng chiến, sau này mới lộ ra. Nhưng theo chính lời bác thì cờ liềm búa, bản chất tay sai đắc lực của Nga đã được bác trưng lên ngay từ những ngày đầu. Trang 76 bác kê: *“Trong thời kỳ đầu, phong trào lan rộng và ăn sâu... Trong những Tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, nhân dân Việt Nam đã lật đổ chế độ cai trị của Pháp và phong kiến và lập chính quyền Xô Viết. Họ tuyên bố độc lập và thi hành tự do dân chủ. Những ủy ban xã, ủy ban huyện được dựng nên”*.

Như thế, vừa chiếm được vài nơi, bác đã áp dụng ngay cách cai trị, tổ chức kiểu Liên Xô, nghĩa là đúng sách vở của quan thầy. Bao nhiêu bài bản học được từ Nga (trong những khoảng thời gian “biến mất”, “mất tích” v.v...) được đem ra dùng cả.

Ấy thế nhưng khi bọn đế quốc kết tội những con người chủ trương “lập chính quyền xô viết ở Nghệ Tĩnh ấy là cộng sản, là đàn em Nga thì bác lại không chịu. Ngay ở trang sau (trang 77) bác hậm hực viết:

“Bọn đế quốc bịa đặt rằng những người cách mạng đó là tay sai của Đế tam quốc tế, của Liên xô...Đế quốc Anh cho rằng ông Nguyễn là tay sai của Liên xô.”

Hai chữ “bịa đặt” ở đây bật lên cái ý phủ nhận một điều xấu xa người ta gán cho mình. Thế mới lạ. Mặc dầu bác giẫy nẩy lên, chối cho bằng được cái mác cộng sản, cái tội làm đây đó Nga, chính phủ Anh vẫn biết rõ hành tung và chủ trương của bác. Thế là “ông Nguyễn” bị phú lít Anh tóm cổ nhốt ở Hương Cảng.

Chưa bao giờ sướng thế

Từ trang 77 đến trang 84, bác Hồ mô tả những chuyện bị giam giữ, bị đưa ra tòa xử rồi được tha. Và, ngộ nghĩnh vô cùng, cả đoạn văn ấy là một bài dài ca ngợi nền tư pháp của đế quốc Anh. Lúc bị giam ở xà lim (được coi là thời kỳ tù đầy ghê gớm nhất) bác bị ăn uống khổ sở như sau:

“Mỗi ngày hai lần, chúng cho ông ăn cơm gạo xáy và mắm thối. Mỗi tuần hai lần, chúng cho ông ăn thịt bò com trắng. Thật là một bữa tiệc sang!” (trang 78).

Gạo xáy, mắm thối nhà tù bình thường nào cũng có. Chỉ dưới chế độ cộng sản thì sinh viên các trường cải tạo mới có nhiều ngày ngồi mơ ước được chút mắm thối, chút gạo xáy mà cũng...không có, phải nhai đỡ bo bo. Thế nhưng xà lim bác ở cứ một tuần hai lần thực đơn lại có khoản “cơm trắng với thịt bò”. Dem chuyện ấy ra kể khổ, bác không sợ nhân dân miền Bắc sinh ra mơ ước được làm tù nhân ở Hương Cảng sao? Đây là vụ ăn uống, giờ đến vụ hỏi cung.

Xưa này, chuyện tra vấn, hỏi cung vẫn là chuyện đáng sợ đối với tất cả tù nhân. Người ta truyền tụng những hình thức tra tấn dã man của Thực dân: Đi tàu bay, tàu ngầm, quay điện, kìm kẹp v.v...thế mà bác Hồ lại khoái được đi hỏi cung mới lạ. Bác là người gan dạ phi thường, mình đồng da sắt, coi thường mọi trò tra tấn, khinh bỉ những cực hình chẳng? Hãy nghe bác giải thích:

“Những buổi bị đưa đi hỏi cung là những lúc nghỉ ngơi khoái nhất ở trong tù. Một là được ra khỏi xà lim một lúc, cái xà lim nghẹt thở, tối om và hôi hám. Hai là vì bọn trùm mật thám thường hỏi cung ông, mời ông hút thuốc lá Anh” (trang 79).

Hóa ra nhà cách mạng vô sản không bị đánh đập gì, lại còn được phì phèo thuốc lá thơm, nên thích bị hỏi cung quá xá. Nhưng “đi hỏi cung” cũng chưa sướng bằng đầu ốm. Khi tù nhân Nguyễn ái Quốc ế mình, tụi cai tù đế quốc Ăng lê thực dân thâm độc lập tức cho đi nằm bệnh viện. Và ông Nguyễn lại khoe nhăng lên:

Ông có được cái giường tốt và được ăn cơm tây. Ông nói: “Cả đời chưa bao giờ Nguyễn được ăn uống sung sướng như thế này” (trang 82).

Thú thật một lời khoe phản động đầy tính cách tuyên truyền chống phá cách mạng vô sản, sỉ nhục nặng nề đàn anh Liên xô. Cho đến lúc này thì đời ông Nguyễn đã dài rồi, đã năm lần bảy lượt ông đến nước quan thầy để châu chực hoặc học tập. Liên xô nuôi nấng, chiêu đãi ông dữ lắm. Vậy mà, chưa có khi nào đồng chí “Nguyễn” được “ăn uống sung sướng” bằng lúc là một tù nhân của Ăng lê. Xã hội gương mẫu, thiên đường Liên xô đãi khách không từ tề hậu hĩnh bằng chế độ Thực dân cư xử với...tù. Nếu chính bác chẳng khai ra thì mấy ai biết được cái chỗ hay ho ấy.

Lòng tốt của thực dân Anh chưa ngừng ở đây. Họ còn cử một Luật Sư tài ba là Loseby ra cãi cho bác. Và vì Ăng lê không có cái môn tòa án nhân dân nên dù bác Hồ là một tên cộng sản chính hiệu, một tên tay sai trung thành của Nga, bác vẫn được xử là...vô tội. Ông Chánh Án chỉ yêu cầu phạm nhân phải rời khỏi Hương Cảng. Luật Sư Loseby vẫn không chịu, cãi

cho bác trắng án rồi ông ta còn muốn bác không bị đuổi khỏi Hương Cảng. Ông chống án lên tới tòa án của Hoàng Đế Anh ở Luân Đôn. Và cuối cùng ông ta thành công, bác Hồ reo lên:

“Thế là ông Nguyễn thắng lợi” (trang 84).

Bác đã có công trạng gì trong vụ “thắng lợi” này ? Cơm trắng thịt bò hai tuần một lần là công của nhà tù Anh. Bác được nằm nhà thương, được ăn những bữa “sướng nhất đời” là nhờ ông Luật Sư người Anh, nhờ chế độ đối xử với tù nhân của Anh. Bác được tha bổng là nhờ tòa án Áng lê không giống tòa án nhân dân, nhờ ông Luật Sư người Anh lỗi lạc. Bác chỉ có công may mắn được ở tù dưới chế độ thực dân Anh! Thế thôi. Hàng triệu tù nhân của những nhà tù do chính bác dựng nên sau này không có anh nào may mắn, tốt phước như thế. Nhiều kẻ chắc đã sống sót, sống dai hơn nếu gặp lũ cai tù tử tế bằng một phần trăm, một phần ngàn cai tù Áng lê thực dân, đế quốc.

Cũng trong đoạn hồi ký về những ngày lêu bêu ở Tàu, ta hay gặp những câu văn mô tả thừa thãi, vô duyên. Một thí dụ nằm ở trang 84: *“Ông Nguyễn trốn đi, đóng vai một nhà buôn to Trung Quốc. Từ Hương Cảng đến nhà một người bạn thân của ông Lô-đơ-bai ở một thành phố khác. Ở đây ông Nguyễn sống như một nhà giàu đi nghỉ. Ông đi dạo trong rừng, đi thăm các chùa. Ông làm quen với các người văn nghệ. Ông viết bài cho những tờ báo địa phương, bằng tiếng Anh và tiếng Trung Quốc, ký tên khác nhau. Ông thường tập thể dục để lấy lại sức.”*

Câu cuối vừa lạc lõng vừa dài dòng. Vẽ ra hình ảnh một ông Nguyễn cải trang, hành tung bí mật, mô tả ông đi dạo, thăm chùa, làm quen với văn nghệ sĩ, viết báo...là đủ rồi, chuyện tập thể thao thì cũng như vụ ăn uống, tắm giặt, đi cầu, đọc giả đâu cần những chi tiết ấy. Chuyện kể vô duyên mà lời kể thì thừa. Mục đích tập thể dục đâu có bí hiểm gì mà phải giải thích. Nói ông thường tập thể dục là đủ, cần gì phải “để cho nó khỏe” hay “để lấy lại sức”. Cứ cái đà lèm bèm ấy, tinh thần mô tả ấy, bác phải viết thêm: Hàng tuần ông tắm vài lần cho nó sạch, mỗi sáng ông đi cầu để tránh bệnh táo bón, khi đi tè ông vẩy rất kỹ để khỏi ướt quần v.v...Đã thế, cái việc bỗng dưng kể là bác thường tập thể dục vào thời kỳ đặc biệt này khiến người đọc đâm ngờ: Chắc trước đó bác lười, chả tập tành gì, giờ mới thể thao chút đỉnh, phải vội khoe.

Từ trang 87, bác mô tả tình hình Việt Nam, những hoạt động của đảng cộng sản sau khi đại chiến thế giới thứ hai bùng nổ. Bác nhận trọng trách sang Tàu cầu viện. Vì:

“Đến lúc cần tranh thủ thêm sự giúp đỡ của Đồng Minh. Đồng Minh gần nhất và có quan hệ nhất đến việc chống Nhật ở Việt Nam là Trung Quốc. Vì vậy, phải tìm đến Trung Quốc. Trong những người cách mạng Việt Nam, ông Nguyễn là người hiểu biết Trung Quốc và người Trung Quốc hơn hết. Vì vậy mọi người đồng thanh cử ông Nguyễn đi Trung Quốc. Đi bộ đến Trùng Khánh không phải là một việc dễ dàng. Nhưng ông Nguyễn nhận lời ra đi” (trang 90).

Chà! Khúc này ly kỳ rùng rợn đây. Không cần bị bác hỏi thúc, độc giả vẫn bắt đầu cảm thấy hồi hộp. Bác là tay “bí mật” có hạng. Hồi còn vị thành niên, chỉ mới sửa soạn đi làm bồi tàu, bác đã bí mật. Khi lên tàu sang Nga, cả ông Thuyền Trưởng lẫn thủy thủ đoàn đều biết, bác vẫn cương quyết “bí mật”. Phen này, nhận công tác xuất ngoại cầu viện, cứu nước, bác bí mật phải biết.

Quả nhiên, trước khi lên đường, bác ra chiêu, trở tài gián điệp, qua mặt phe địch vù vù: *“Để đánh lạc hướng bọn mật thám ông Nguyễn lấy tên là Hồ chí Minh.”* (trang 90).

Độc giả chưng hửng. Có vậy thôi sao ? Từ chuyện gián điệp nghiêm chỉnh trong binh thư Đông Tây đến những cuốn tiểu thuyết James Bond, người ta ít gặp một phương pháp “đánh lạc hướng” nào giản dị như vậy: Đổi tên. Kẻ chưa từng bị nghi ngờ, theo dõi có thể làm trò ấy được. Bác thì nguy trang, thay hình đổi dạng, vẽ mặt bôi râu...chưa chắc đã lừa được bọn mật thám. Và lại chúng nó chỉ theo dõi bác thôi chứ có chặn bác lại để hỏi tên đầu mà hòng đem tên mới ra “đánh lạc hướng”. Vì khả năng “bí mật” chỉ là những trò vớ vẩn

như thế nên: *“Đi liền mười đêm và năm ngày, cụ Hồ đến một thị trấn Trung Quốc, chưa kịp nghỉ chân thì ngày hôm đó cụ bị bắt.”* (trang 90).

Chắc tội tình báo Tàu, khả năng tình báo kém, chưa biết ông Nguyễn đã có tên mới, nên không bị “lạc hướng” cứ vô đại. Và cụ Hồ bị tóm cổ hơi sớm.

Ồi! Đức Phật Tổ!

Lúc mới bị cùm, bác cũng quậy dữ lắm: *“Quốc Dân Đảng giam cụ vào nhà lao C.H.S. hơn hai tuần, ngày mang gông, đêm cùm chân. Cụ quen Huyện Trưởng, trước kia đã gặp nhau ở Q.L. nhưng Huyện Trưởng từ chối không gặp cụ. Cụ gửi điện cho những nhà cầm quyền cao cấp, không thấy trả lời”* (trang 90).

Hóa ra cái anh đồng minh mà bác đang hí hứng tính cầu viện lại chơi bác một vô nặng. Còn chế độ tù đầy của Trung Quốc thì khỏi nói, vô được cụ Hồ là nó cho cụ “ngày mang gông, đêm cùm chân” liền một khi, đâu có như tội Thực dân Anh, cử cả một Luật Sư lỗi lạc ra cãi cho cụ, lúc cụ ốm lại cho đi nằm nhà thương ăn những bữa ngon nhớ đời v.v...

Bác rên ri về những chuyện cực khổ trong tù như sau: *“Cái làm cho cụ khổ nhất là ghê và rận. Cụ bị ghê khắp người, đầy cả cánh tay và bàn tay. Không phải là một thứ mà là hai thứ ghê: Ghê ruồi ngựa và lở, còn rận thì vô số. Không có cách gì trừ tiệt được rận. Ở đâu cũng có, trong quần áo, trong chăn chiếu, trong ván nằm. Rận và rệp tranh nhau hành hạ những người tù. Đêm đến họ bị một kẻ thù đáng sợ nữa là muỗi.”* (trang 92)

Tưởng gì. Ở tù mà chỉ có vụ ghê lở, muỗi, rệp, nằm gần cầu tiêu...thì thường thôi. Bác rên xiết quá có thể làm cho những ông tù cải tạo cười vỡ bụng. Học viên cải tạo của bác đâu có sung sướng thế. Họ còn bị bắt buộc lao động cật lực trong khi bụng đói kinh niên. Nhà tù của bác có nhiều món ăn chơi độc địa hơn nhiều.

Khi bị giải đến Liễu Châu, bác được đối xử tử tế hơn: *“Từ Quê Lâm người ta giải cụ đi Liễu Châu, giam vào nhà giam quân sự. Ở đây cụ được hưởng “chế độ chính trị”. Có đủ cơm ăn, mười lăm phút buổi sáng để đi ỉa, có người gác. Không bị gông, không bị xích. Thành thạo Cụ có thể đọc một tờ báo hoặc một quyển sách. Một hôm Cục Trưởng Cục Chính Trị đến bắt cóc ở trong phòng người khác. Ông này hạ lệnh người gác cho phép cụ đi dạo nửa giờ trong sân nhỏ, cắt tóc cho cụ và cho cụ tắm nước nóng.”* (trang 93)

Đến đây, bác cảm khái quá, sướng quá, bác đột ngột reo lên: *“Đức Phật tổ đại từ đại bi, tốt biết bao! Mấy hôm sau ghê lặn gần một nửa!”* (trang 93)

Được tắm nước nóng một phát, bác sướng thấy...Đức Phật tổ, nên lại quên bém mắt chú Trần dân Tiên. Mặt nạ Trần dân Tiên rút mất tiêu hồi nào bác không hay. Độc giả đáng trí nhất, ít chịu suy nghĩ nhất, đến lúc này cũng thấy ngay Trần dân Tiên chính là bác. Văn nô nào kể chuyện bác mà lại dám tự tiện hô hoán một câu lạng quạng như thế! Được anh cai tù cho tắm nước nóng một phát kêu rầm “đại từ bi, tốt biết bao”. Nhét vào miệng bác một lời rên sướng tí như thế để chọc quê, để làm giảm uy tín của bác à ?

Cái anh đã cho bác tắm nước nóng một phát để đời này mới là quân độc địa. Cùm kẹp, tù đầy khiến bác bị ghê lở, đói rét chỉ tăng uy tín bác. Làm cho bác, hàng chục năm sau, còn phải thẳng thốt la lên trong sách “đại từ bi, tốt biết bao” mới thật là hại đời tư của bác. Nó tố cáo rằng nhà cách mạng vô sản, con người được nhiều kẻ tôn xưng là vĩ nhân ấy cũng khôn đốn vì cái xác phàm.

Bác có một bộ thân kinh bằng thép, một ý chí sắt đá, luôn luôn bình thân coi thường cái đau của thể xác, nhưng là nỗi đau thể xác của...những đứa khác thôi. Con dân bác bị tù đầy, đầu tổ, đàn bà, trẻ nít tan xương nát thịt vì không thích cộng sản, bác tỉnh bơ. Hết thể hệ này đến thể hệ kia cháy ngùn ngụt trong lò chiến tranh, bác tỉnh bơ. Nhưng khi thân xác bác thêm thuốc, bác ngồi thối thòm cầu nguyện được “bị thẩm vấn” đều đều (để được hút thuốc thơm Ăng lê), không lý gì tới mối nguy sơ sẩy tiết lộ những điều có hại cho các đồng chí. Khi thân xác bác thêm tắm mà bỗng được cho tắm, thì dù kẻ cho chính là cai tù, bác vẫn kêu tới cả “Đức Phật tổ” để ca ngợi sự tốt bụng của nó! Thân xác vừa được vuốt ve là ý chí lạng quạng, phát ngôn bừa bãi, mê sảng ngay, chẳng còn ra cái thể thống gì.

Từ trang 110, bác Hồ kể chuyện thời làm Chủ tịch. Sau một thời gian dài chiến đấu gian khổ, bác rời hang Pắc Bó về Hà Nội hưởng thành quả chiến thắng, trở tài cai trị dân. Đến đây thì cái máy “tự ca tụng” của bác đã chạy đều, dù là “người vô cùng khiêm tốn” bác cũng cứ đành phải nhún nhận công nhận rằng mình đúng là vị thánh, không còn gì phải nghi ngờ nữa. Nhưng trong lúc bịa ra vài mẩu chuyện để tự nâng bi, nhà sáng tạo Hồ chí Minh lại sản xuất được những lời phét lác rất tiêu lâm.

Bác Hồ cho áo

Nguyên văn lời bác kể:

“Ngày 2.9.1945. Ngày chính phủ Hồ chí Minh ra mắt nhân dân. Hồ Chủ tịch sửa soạn đi dự lễ. Cụ Hồ chợt thấy mình không có quần áo. Về việc quần áo có hai chuyện đáng kể:

Vừa mới ở rừng về đến Hà Nội, một võ quan ngoại quốc đến chào Hồ Chủ tịch, võ quan này bận quần ka-ki và áo bằng vải dù. Võ quan thú thật là không có áo nào khác. Lập tức Chủ tịch cởi áo khoác ngoài và biểu người võ quan ấy. Thấy người này cảm động và băn khoăn không muốn nhận chiếc áo. Chủ tịch cười nói: “Chúng ta quen biết nhau không nên khách khí. Anh nhận đi. Tôi còn một cái áo nữa”, và người võ quan ra đi với bộ quần áo đầy đủ, còn Chủ tịch thì suốt ngày mặc áo sơ-mi.

Trong rừng, Hồ Chủ tịch cũng như các chiến sĩ du kích, ai cũng quen bận quần đùi và ở trần. Về đến Hà Nội, Hồ Chủ tịch cũng giữ nguyên bộ quần áo khi ở trong rừng.” (trang 111)

Bộ quần áo của bác khi ở trong rừng là bộ nào, gồm những món gì, không thấy nói. Độc giả chỉ có một cách hiểu là bác “như các chiến sĩ du kích” cũng: “bận quần đùi và ở trần”.

Về Hà Nội, Hồ Chủ tịch “giữ nguyên bộ quần áo khi ở trong rừng” nghĩa là Chủ tịch vẫn chơi một quả quần đùi và ở trần. Thế nhưng ông Chủ tịch chỉ có mỗi cái quần đùi trên người lại biểu diễn được một màn từ thiện, nhường com xẻ áo rất ảo thuật. Thấy ông võ quan ngoại quốc nghèo khổ rách rưới quá, chỉ có cái áo bằng vải dù, Chủ tịch thương lắm. Và ông Chủ tịch giàu lòng nhân, dù đang cởi trần vẫn cứ...cởi áo khoác ngoài ra biểu ông võ quan như thường! Đang ở trần tròng trọc mà lại cởi được áo khoác ngoài đã siêu. Nhưng bác Hồ còn siêu hơn, cho áo khoác ngoài đi rồi, bác không trở lại tình cảnh ở trần mà lại “suốt ngày mặc áo sơ-mi”.

Thương thay! Câu chuyện cho áo của bác mới chào đời ở cuối trang 110 thì vừa đến giữa trang 111 đã bị tác giả giết chết thẳng cẳng, hưởng dương được đúng 21 dòng.

Chuyện cho áo có thể thật vì mấy anh cộng sản rất ưa nặng phần trình diễn những trò như thế. Nhưng khi được kể lại nó hóa ra chuyện tiêu lâm, chỉ vì bác tham quá. Bác muốn được tiếng có lòng nhân đồng thời lại muốn mọi người tin là bác đã chịu đựng gian khổ, nghèo đói như mấy anh du kích: Ở rừng chuyên trị quần đùi mà về tới Hà Nội rồi vẫn không khác lúc ở rừng. Tham thì thâm! Vì mãi mê vô tất cả những cái tốt đẹp về mình, bác tự du mình vào hoàn cảnh ngặt nghèo: Đang ở trần mà vẫn cứ phải cởi áo khoác ngoài cho bằng được!

Nhà báo băng bi

Về ngày ra mắt đồng bào, bác Hồ tự nâng bi như sau:

“Một vị Chủ tịch đã trăm lần thay đổi tên, làm mười hai nghề khác nhau, bị tù nhiều lần, một lần bị kết án tử hình, một lần có tin là chết nhân dân chờ đợi được thấy, không những là vị Chủ tịch đầu tiên của nước Cộng Hòa mới, mà còn là vị Chủ tịch khác thường.” (trang 111)

Bác đã là vị Chủ tịch đầu tiên thì lấy đâu ra các Chủ tịch khác để so sánh xem bác là loại thường hay khác thường. Hay bác tính tự ca mình là Chủ tịch “phi thường” nhưng chọn lộn chữ? Những thành tích của Chủ tịch như “bị kết án tử hình, bị tù nhiều lần” đáng khoe ra. Nhưng cái màn đổi tên, làm nhiều nghề thì có gì ghê gớm, phi thường đâu. Bọn trộm cướp,

tà gian dối tên như máy, đổi nhiều hơn bác. Bác lưu lạc năm bảy nước mà làm có 12 nghề là yếu. Kiêu Phong bên ba có mỗi nước Mỹ mà đã quất đủ 14 nghề rồi, so với đồng bào tị nạn thì con số 14 cũng xoàng. Việc đổi tên đổi nghề xoay xoay đâu có phải là những thành tích phi thường, làm cho ngài Chủ Tịch thêm vĩ đại.

Tuy nhiên, tự nâng bi đến khúc này, bác có vẻ hả hê. Lần đầu tiên, bác cho phép một văn nô xía vào nâng bi tiếp. Thật là một biến cố trọng đại, một vinh dự lớn cho anh văn nô. Con người có may mắn kỳ diệu, được chia xẻ công tác nâng bi với bác là ai ? Độc giả không được biết. Bác đâu có thèm nêu tên hẳn ra. Bác chỉ viết: *‘‘Đây là một nhà báo kể lại cảm tưởng của mình sau buổi mít tinh.’’* (trang 111)

‘‘Nhà báo’’ này được bác chọn là phải vì ‘‘cảm tưởng’’ của anh ta quanh quẩn hơi nhiều ở những lời tăng bốc bác lên tới mây xanh. Nhưng đặc biệt, anh nhà báo này có một lối nâng bi khá giống bác. Căn cứ trên những sự kiện vớ vẩn, anh ta hô lên những lời ‘‘hót’’ rất bất ngờ:

‘‘Từ xa tôi thấy Chủ Tịch Hồ chí Minh. Chủ Tịch đội mũ vải đã ngả màu vàng vì mưa gió, đi một đôi dép cao su, mặc một bộ quần áo ka-ki. Khi Chủ Tịch bắt đầu đọc Bản Tuyên Ngôn Độc Lập, giọng sang sảng của Chủ Tịch còn nhắc lại rừng núi xa xăm, chiến tranh du kích. Đọc một đoạn và giữa những tiếng vỗ tay, tiếng hoan hô nhiệt liệt, Chủ Tịch nói: ‘‘Tôi nói đồng bào nghe rõ không?’’

Câu hỏi giản đơn này làm tiêu tan tất cả những cái gì còn xa cách giữa Chủ Tịch và nhân dân, và làm thành một mối tình thắm thiết kết chặt lãnh tụ và quần chúng. Với câu hỏi lạ lùng này không một ai ngờ Chủ Tịch Hồ chí Minh đã trừ bỏ tất cả lễ tiết tất cả hình thức. Chủ Tịch trở thành ‘‘Cha Hồ’’ của dân tộc Việt Nam.

‘‘Tôi nói đồng bào nghe rõ không?’’, tất cả quần chúng cảm thấy sâu sắc lòng thương yêu của một người Cha, của Chủ Tịch Hồ chí Minh đối với quần chúng, với nhân dân.’’ (trang 113-114)

Trước hết hãy bàn về câu hỏi: *‘‘Tôi nói đồng bào nghe rõ không?’’*

Anh ‘‘nhà báo’’ kêu rằng ‘‘câu hỏi lạ lùng, không một ai ngờ’’. Lạ lùng, không ai ngờ được thật, vì một diễn giả thường chỉ đặt câu hỏi như thế khi thấy mặt khán giả nghệt ra, không hiểu, không nghe rõ mình nói gì. Còn bác Hồ thì hỏi câu ấy ‘‘giữa những tiếng vỗ tay, tiếng hoan hô nhiệt liệt’’. Bác đọc xong một đoạn, khán giả phải hiểu, phải chịu lắng mới vỗ tay, hoan hô. Được mọi người hoan hô mà lại gân cổ hỏi: ‘‘Nghe tôi có rõ không?’’ thì ngu quá. Hỏi thế có khác gì chửi khán giả hoan hô, vỗ tay một cách mù quáng, không nghe không hiểu mẹ gì cũng cứ vỗ tay bừa. Bác đặt câu hỏi đã vô duyên, không đúng chỗ mà anh nhà báo diễn lời bác để tăng bốc còn lãng nhách, vô duyên hơn.

Chỉ hỏi *‘‘Tôi nói đồng bào nghe rõ không?’’* mà *‘‘làm thành một mối tình thắm thiết kết chặt lãnh tụ và quần chúng’’*... trở thành ‘‘cha Hồ’’ của dân tộc Việt Nam... làm cho *‘‘tất cả quần chúng cảm thấy sâu sắc lòng thương yêu...’’*. Mẹ kiếp! Thế thì những cán bộ hạng bét, những ca sĩ mập non, những anh bán thuốc ê giữa chợ, và hàng triệu diễn giả tầm thường trên đời đều có thể trở thành ‘‘cha già dân tộc, thương yêu quần chúng sâu sắc’’ nếu họ lên diễn đàn với một cái micro tôi. Máy khuếch âm rè rè, tiếng nói lúc có lúc không...cam đoan anh diễn giả sẽ lớn tiếng hỏi một câu giống hệt như bác, dù chẳng hề ‘‘thương dân sâu sắc’’. Bác chỉ xì ra một câu hỏi tầm thường mà anh nhà báo đã xuýt xoa, ca tụng bằng đủ lời dị hợm, lố lăng. Xem cách nâng bi của anh này sao mà giống bác quá. Hay là anh nhà báo kia chẳng phải xa lạ mà chính là chú...Trần dân Tiên ?

Sáu vấn đề cấp bách

Ngày 3 tháng 9, Hồ chí Minh họp hội đồng chính phủ lần đầu tiên. Tường thuật về buổi họp, Trần dân Tiên cho thấy chỉ có một mình bác nói, đưa ra kế hoạch, hội đồng có thảo luận hăng say cũng chỉ là để hoàn toàn đồng ý với Chủ Tịch. Các bộ trưởng tán thành vội vàng quá nên ý kiến của bác được giữ nguyên con, tha hồ lộn xộn, làm nhảm. Bác nêu ra các vấn đề ‘‘cấp bách’’ đánh số cẩn thận từ 1 tới 6.

Vấn đề thứ sáu (Tuyên bố tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết) đáng lẽ phải nằm trong vấn đề thứ ba (Thực hiện dân chủ) thì bác tách ra làm hai. Vấn đề thứ tư, thứ năm thì hoàn toàn lộn xộn, bát nháo. Nguyên văn:

“*Vấn đề thứ tư: Chế độ Thực dân đã đầu độc dân ta với rượu và thuốc phiện. Nó đã dùng mọi thủ đoạn hòng hủ hóa dân tộc chúng ta bằng những thói xấu, lười biếng, gian giáo, tham ô và những thói xấu khác. Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập. Tôi đề nghị mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: Cần, kiệm liêm, chính.*

Vấn đề thứ năm: Thuế thân, thuế chợ, thuế đò là một lối bóc lột vô nhân đạo. Tôi đề nghị bỏ ngay ba thứ thuế ấy. Cuối cùng tôi đề nghị tuyệt đối cấm hút thuốc phiện” (trang 116).

Chuyện cấm hút thuốc phiện phải nằm trong “vấn đề thứ tư”, ngay sau khi bác tố Thực dân đầu độc dân ta bằng rượu và thuốc phiện. Vấn đề thứ năm đang nói chuyện thuế, tự nhiên lại phang ngay ra cái khoản cấm thuốc phiện, lộn xộn quá. Lúc đó bác chưa dùng những chữ “tàn tích do Thực dân để lại” nhưng tinh thần đồ thừa đã cao. Bác bảo Thực dân hủ hóa làm cho dân ta “gian giáo”. Nhưng trong số những người Việt gian giáo, bác và cán bộ Vem của bác tài nghệ ở mức thượng thừa, gian khiếp lắm. Cũng bị Thực dân hủ hóa chằng ?

Bác muốn mở chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân, nhưng đòi dạy dân phải cần, kiệm, liêm, chính. Dân đang đói nhả răng, chả cần ai dạy cũng cần kiệm. Bác muốn dạy dân hai đức tính ấy, thôi thì cũng được đi. Những cái khoản liêm chính thì phải dạy cho các quan lớn, quan bé cán bộ của bác chứ. Dân chúng có quyền hành chức tước gì mà sợ họ không liêm không chính.

Cái khoản “vấn đề thứ năm” mới khiếp: Bác ban lệnh miễn thuế. Thực dân bày ra không biết bao nhiêu thứ thuế độc ác, bác lại chỉ bỏ có ba: Thuế thân, thuế chợ, thuế đò. Có nhân dân nào chết vì thuế chợ thuế đò đâu. Bác thực tình không biết đến những “lối bóc lột vô nhân đạo” khác của Thực dân ? Hay bác biết, nhưng kín đáo giữ lại, chỉ tha cho nhân dân vài món thuế vớ vẩn, có số thâu yếu kém nhất để làm cảnh.

PHẦN 6

Con người độc tài, độc tôn hết cỡ này lại còn ham được tiếng là có tinh thần...dân chủ. Bác nhất định tổ chức tổng tuyển cử. Trò chơi ấy nhân dân chết vô số, bác vẫn cứ làm. Bác mô tả:

“*Ở miền Nam Trung bộ, cuộc tuyển cử tiến hành dưới bom đạn của Pháp. Chiến sĩ du kích một tay cầm súng một tay cầm lá phiếu. Ở Sài Gòn và Chợ Lớn và các vùng tạm bị chiếm, cuộc tuyển cử tiến hành bí mật. Ban đêm những thanh niên nam nữ xung phong đi bí mật từ nhà này sang nhà khác, giấu kín thùng phiếu dưới áo. Tám mươi hai phần trăm cử tri ở Sài Gòn và Chợ Lớn đã bỏ phiếu. Nhưng bốn mươi năm thanh niên xung phong đã bị địch bắt và bắn chết. Thật là một cuộc tuyển cử đẫm máu, rất anh dũng”* (trang 123).

Chính nhân dân và cán bộ đã làm hư bác. Bác nói cái gì nhân dân cũng hoan hô nhiệt liệt. Bác đưa ra kế hoạch nào Hội Đồng chính phủ cũng “hoàn toàn đồng ý”, riết rồi bác nói phét càng ngày càng tồi, kể cho độc giả nghe những câu chuyện rất rác tai. Cái thùng phiếu to bằng cỡ nào mà thanh niên nam nữ xung phong đòi “đấu kín dưới áo” ? Nó bằng cái hộp quẹt chắc ? Có lẽ một số thanh niên xung phong bị bắn chết thật vì họ bị Thực dân tưởng lầm là bọn...ăn trộm. Ban đêm, thấy có kẻ ôm trước bụng một vật lù lù, lấm lét, trốn tránh trong các góc phố tối, thực dân tưởng gặp bọn đạo chích phải vồ. Với cái trò ôm thùng phiếu, đợi đêm tối mới bí mật di chuyển từ nhà nọ sang nhà kia thì các cô các cậu đi được mấy nhà ?

Thế mà bác khoe “*tám mươi hai phần trăm cử tri ở Sài Gòn và Chợ Lớn đã bỏ phiếu”*

Nhân dân ngoài việc liêu chết bỏ phiếu, còn được bác khen là sáng suốt, “rất thông minh”. Bác kể:

“Bản dự án hiến pháp được thảo ra cẩn thận và phát rộng rãi để nhân dân có thể nghiên cứu phê bình và góp ý kiến. Ở trong thành phố và nông thôn tổ chức những cuộc hội họp để giải thích cho nhân dân chọn người ứng cử và tổ chức bầu cử như thế nào? Trước tuyển cử có người nghi ngờ, họ nói ‘Nhân dân còn dốt, chưa biết dùng quyền dân chủ. Bọn đầu cơ sẽ lợi dụng. Cuộc tuyển cử sẽ thất bại’ Có một lòng tin tưởng vô hạn ở nhân dân, Hồ Chủ Tịch nói: ‘Nhân dân rất thông minh. Họ sẽ biết dùng lá phiếu của họ, tổng tuyển cử sẽ thành công!’ Kết quả đã chứng minh lời Hồ Chủ Tịch là đúng.” (trang 122)

Kết quả ra sao? Nhân dân đã làm gì, đạt được thành tích hay ho nào để chúng tỏ xứng đáng với lời bác khen là thông minh, sáng suốt? Đây là câu trả lời:

“Nhiều địa phương yêu cầu Hồ Chủ Tịch ra ứng cử ở địa phương mình. Nhiều địa phương khác yêu cầu Hồ Chủ Tịch có quyền là nghị viên không cần tham gia ứng cử” (trang 122)

Những nhân dân coi bác như thánh như thần, đòi cho bác khỏi ứng cử cũng trúng, có được bác khen “sáng suốt, thông minh” cũng là phải quá.

Bầu cử dân chủ

Có một chi tiết khá vui trong trò chơi bầu cử của bác: Vì nổi sùng với đảng phái của các ông Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, bác vô tình tự tố cáo mình là tổ chức bầu cử gian. Bác kể:

“Bọn phản động như đảng phái Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam được Quốc Dân Đảng Trung Quốc giúp đỡ, âm mưu phá hoại tổng tuyển cử. ...Hồ Chủ Tịch đã tìm ra một giải pháp: Nhường cho Nguyễn Hải Thần và Nguyễn Tường Tam bảy mươi ghế” (trang 120).

Tổ chức bầu cử, thể hiện dân chủ mà lại biết chắc tất cả các ghế trong quốc hội là của mình, muốn nhường bao nhiêu ghế cho phe nào cũng được! Kết quả bầu cử đã được xếp đặt, tính toán trước. Những ghế trong quốc hội do bác phân phát, những tên tuổi đắc cử do bác định đoạt, chọn sẵn cả...thế thì bày đặt ra cái vụ bỏ phiếu làm gì cho mấy cô cậu thanh niên xung phong đại đột chết oan. Tuồng dân chủ bác giả vờ làm. Nhân dân sáng suốt thì bị chết thật. Cuối cùng họ chỉ được nghe bác bốc nhắng một câu: *“Thật là một cuộc tuyển cử đẫm máu, rất anh dũng”*.

Thấy máu xương nhân dân đổ ra cho một trò bịp của mình, con người “thương dân sâu sắc” ấy không hề có một lời ân hận, xót xa! Đâu phải sau này Hồ mới trở nên độc địa. Lúc mới nắm quyền cai trị, con người ấy đã sẵn sàng vì cái danh hào mà nhẫn tâm đẩy dân chúng vào chỗ chết.

Càng đến cuối sách thì bác càng mở máy tự tăng bốc, vội vàng, cuống quýt như đứa trẻ thổi bong bóng, sợ mình ngưng lại thì bóng xẹp. Đây là những dòng nâng bi đưa bác lên đỉnh cao:

“Nhiều nhà báo và nhiều người bạn ngoại quốc rất lấy làm ngạc nhiên trước lòng kính yêu của nhân dân Việt Nam đối với vị cha già Hồ chí Minh. Nhưng đối với chúng ta, người Việt Nam thì rất dễ hiểu: Hồ Chủ Tịch được nhân dân yêu mến là do lòng yêu nước yêu nhân dân của Hồ Chủ Tịch.” (trang 138)

“...Chủ Tịch đã từng chịu đựng khổ sở vất vả không thể tưởng tượng được trong suốt thời kỳ hoạt động bí mật. Chủ Tịch đã bị đủ mọi thứ dụ dỗ. Nhưng Chủ Tịch đã dũng cảm và kiên quyết vượt qua mọi khó khăn” (trang 139).

“...Nhân dân Việt Nam muôn người như một, nghe theo lời Hồ Chủ Tịch, vì họ hoàn toàn tin tưởng ở Hồ Chủ Tịch, họ hoàn toàn kính yêu Hồ Chủ Tịch. Không có gì so sánh được với lòng dân Việt Nam kính mến tin tưởng lãnh tụ Hồ chí Minh.” (trang 138)

“...Hồ Chủ Tịch được nhân dân yêu mến là do lòng hy sinh và lòng nhân từ của người. Đúng như lời nói của Mạc Tử, nhà triết học Trung Quốc đời xưa: Nếu có lợi cho thiên hạ thì mình bị mài mòn từ gót đến đầu cũng vui lòng” (trang 139-140).

“...Chủ Tịch không bao giờ nghĩ đến mình. Người chỉ nghĩ đến người khác, nghĩ đến nhân dân.” (trang 140)

“...Chính sách của Hồ Chủ Tịch và của chính phủ rất giản đơn và rõ ràng. Hồ Chủ Tịch nói với nhân dân: “Kháng chiến, kháng chiến trường kỳ. Kháng chiến nữa. Kháng chiến đến cùng. Kháng chiến cho đến khi nước Việt Nam giành được thống nhất và độc lập!” (trang 138)

“Đối với nhi đồng tên bác Hồ như là một người mẹ hiền. Chỉ nhắc đến tên Bác là các em trở nên ngoan ngoãn” (trang 141).

“Một vài chuyện nhỏ kể dưới đây cũng đã tỏ lòng kính mến của nhân dân Việt Nam đối với bác Hồ. Một bức ảnh nhỏ của Người ở Hà Nội có đồng bào mua tới giá một trăm ba mươi vạn đồng. Ở Nam bộ một chiến sĩ du kích họa sĩ bị thương ở chiến trường, trong khi chờ đợi cứu thương đến, đã lấy máu mình vẽ lên áo ảnh Hồ Chủ Tịch...Những chuyện như trên còn nhiều, kể không hết được. Thanh niên, nhi đồng các nước bạn cũng thường gửi thư thăm hỏi bác Hồ. Nhân dân gọi Chủ Tịch là Cha già của dân tộc.” (trang 142)

Hoàn toàn tin tưởng

Trước hết, hãy xét về những điểm vui vui trong bài ca tự hát của bác. Bác khoe cái khẩu hiệu: “Kháng chiến, kháng chiến trường kỳ. Kháng chiến nữa...” là giản đơn và rõ ràng. Rõ ràng thì tạm được. Nhưng giản đơn ở chỗ nào? Nó rườm rà như lời một người mắc bệnh nói lắp đặng trí. Đã “kháng chiến tới cùng” thì cần phải “kháng chiến trường kỳ”. Đã “kháng chiến cho đến khi nước Việt Nam giành được thống nhất và độc lập” là đủ quá rồi, là tốp được rồi, sao lại phải “kháng chiến nữa”. Cái khẩu hiệu có mấy dòng mà lung củng, lảng cẳng những chữ, những ý lập đi lập lại...Thế mà lại cứ say sưa tự khen là “giản đơn”.

Nhưng văn chương chữ nghĩa của bác, ta đã thường thức rồi. Tinh thần khoái những màn cải lương, gián điệp rẻ tiền của bác, ta cũng đã biết rồi. Hãy nói về những chuyện quan trọng, nghiêm chỉnh hơn. Nghiêm chỉnh mà xét thì thấy bác là anh chàng phét lác bị tổ trác hơi nhiều. Bác tự tố cáo, tự lột mặt nạ đều đều suốt chiều dài cuốn sách. Có thật là: “Nhân dân Việt Nam muôn người như một...HOÀN TOÀN TIN TƯỞNG ở Hồ Chủ Tịch, HOÀN TOÀN KÍNH YÊU Hồ Chủ Tịch” hay chẳng?

Không cần tra cứu sách vở, tìm nhân chứng, cứ đọc chính những dòng bác viết ra sẽ biết sự thật về lời huyênh hoang ấy. Trang 126, Hồ kể về vụ ký Hiệp định 6 tháng 3 và phản ứng của nhân dân.

Nội dung cái hiệp định mà Chủ Tịch long trọng ký kết với Sainteny, đại diện Pháp, gồm có những điều khoản hay ho như sau: Việt Nam thừa nhận những quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp ở Việt Nam (toàn những đặc quyền, đặc lợi rất thực dân) Việt Nam cho phép mười lăm nghìn lính Pháp đổ bộ ở Bắc bộ và Trung bộ để thay thế quân của Tưởng Giới Thạch. Đặc biệt là Việt Nam thừa nhận ở trong khối Liên hiệp Pháp!

Nhân dân nghĩ sao về việc làm của bác? Hãy nghe chính lời bác mô tả: “Đây là một lúc khá khó khăn cho Hồ Chủ Tịch. Báo chí của Nguyễn Tường Tam và Nguyễn Hải Thần công kích Chủ Tịch kịch liệt, vu cáo Chủ Tịch đã để cho Pháp mua chuộc” (trang 126)

Còn “vu cáo” vào cái chỗ nào nữa: Nếu không bị mua chuộc thì chắc chắn bác đã bị Pháp lừa.

(Qua những lời hậm hực cay cú của bác, chúng ta lại thấy rõ một điều: Các nhà cách mạng Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam là những người sáng suốt. Họ trông thấy tất cả những âm mưu sâu độc của Thực dân, họ thấy người lãnh đạo Hồ chí Minh đang đi lạc đường).

Đâu phải chỉ có nhóm ông Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam sáng suốt, công kích Chủ Tịch kịch liệt. Dân chúng cũng phản đối ào ào. Bác viết: *“Nhân dân không bằng lòng...”* nhưng lại giải thích ngay *“...vì họ căm thù sâu sắc bọn Pháp thực dân”*

Nhân dân nào “muôn người như một, hoàn toàn tin tưởng ở Hồ Chủ Tịch”? Còn nhân dân nào thì “không bằng lòng” vì việc ký kết bậy bạ của bác? Hay nước Việt có tới hai cái “toàn thể nhân dân”?

Báo chí của các ông Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Hải Thần công kích bác thế nào, bác không nói rõ chi tiết, chỉ kêu là “kịch liệt”. Nhân dân biểu lộ sự “không bằng lòng” bằng cách nào, bằng lời lẽ chê bác ra sao, bác cũng lờ đi. Nhưng xem lời biện minh của bác, ta có thể đoán được một phần. Ít nhất, trong những lời chê bai, nhân dân đã phang cho bác một cái tội rất nặng: **QUẢN BÁN NƯỚC!**

Không bao giờ bán nước

Chắc vừa đau vừa teo, bác phải trần tình: *“Trước mặt đông đảo quần chúng, Hồ Chủ Tịch giải thích những nguyên nhân trong nước và ngoài nước bắt buộc phải ký Hiệp định. Cuối cùng, Chủ Tịch kết thúc bằng những lời cảm động: “Hồ chí Minh không và sẽ không bao giờ là một người bán nước”* (trang 126)

Bác tự khen câu biện bạch của mình là những “lời cảm động”. Nhưng nó không cảm động mấy, chỉ như là một lời chối tội mơ hồ. Kê vừa bị bắt quả tang ăn cắp, cũng có thể có những lời cảm động tương tự: *“Tôi không và sẽ không bao giờ là một tên ăn cắp.”*

Kê ra nhân dân “HOÀN TOÀN KÍNH YÊU BÁC” cũng hơi nặng lời khi chửi bác là “quản bán nước”. Nhưng họ phần nộ đúng vì sự nhầm lẫn của bác đã đưa họ vào chỗ chết, trong khi bác cứ hớn hờ vì những trò vuốt ve của Pháp, cứ sượng mê toi vì những vinh dự hão huyền Pháp ban cho. Những trò lật lọng phản trắc hiểm độc của Thực dân, các ông Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Hải Thần cùng nhân dân Việt Nam nhìn thấy trước thì bác phải đợi khá lâu sau khi ký Hiệp ước mùng 6 tháng 3 mới thấy. Phải đợi Thực dân tàn phá giết chóc dân ta toi bời rồi bác mới chịu mở mắt ra. Bác kể:

“Quả thật, Cao Ủy Pháp đã không từ một hành động nào để phá hoại Hiệp định mùng 6 tháng 3. Những hành động khiêu khích không những không đình chỉ mà còn tăng thêm. Và quân đội Pháp đổ bộ ở Trung bộ và Bắc bộ luôn kiếm cách gây những sự xung đột chống lại người Việt Nam. Những cuộc xung đột đổ máu đã xảy ra ngay ở Hà Nội. Về mặt kinh tế, Đô Đốc Đắc-giăng-li-ơ đã dùng thủ đoạn xảo quyệt. Y ra lệnh bỏ giấy bạc năm trăm đồng. Đây là một mảnh khố thực dân xảo trá đã làm cho hàng chục vạn gia đình Việt Nam và ngoại kiều bị phá sản.” (trang 127).

“...Một ngày sau khi Chủ Tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa sang Pháp, Đô Đốc Đắc-giăng-li-ơ, Cao Ủy Pháp tổ chức chính phủ bù nhìn Nam Kỳ và tuyên bố “Nam kỳ tự trị”. Vì chính sách gian dối ấy làm cho nhân dân phần uất, cho nên chiến tranh càng kịch liệt hơn ở Nam bộ và miền Nam Trung bộ. Máy bay Pháp bắn cháy nhiều làng mạc và bắn giết nhiều dân chúng. Khủng bố diễn ra khắp trong vùng quân đội Pháp chiếm đóng...” (trang 128)

Đi tầu chiến, nghe đại bác

Vì bác thò tay vào ký Hiệp định 6.3 mà nhân dân Việt Nam lâm cảnh khốn khổ như vậy, còn riêng phần bác thì được gì? Nhiều lắm. Toàn những trò đón rước long trọng làm bác phồng mũi, sượng tê người. Bác hớn hờ khoe:

“Rồi cuộc gặp gỡ giữa Hồ Chủ Tịch và Đô Đốc Đắc-giăng-li-ơ tại Vịnh Hạ Long với rất nhiều nghi thức long trọng, 21 phát đại bác chào khi Hồ Chủ Tịch đến, hạm đội Pháp duyệt binh v.v...” (trang 127)

Với nhân dân Việt, Thực dân Pháp làm cho “hàng chục vạn gia đình bị phá sản”, “bắn cháy nhiều làng mạc, bắn giết nhiều dân chúng, khủng bố diễn ra khắp nơi”... Nhưng riêng bác chúng đưa ra Vịnh Hạ Long, thụt cho nghe 21 phát đại bác, tổ chức diễn binh kèn trống um xùm, thế là bác chịu lắm, khoái tỉ lắm, khoái đến độ lúc viết hồi ký còn đem ra khoe.

Thực dân còn tặng bác những cú vuốt ve tối tân, ác liệt hơn. Chúng mời bác sang Pháp để vuốt tiếp. Và bác lại hớn hờ khoe chuyến đi Pháp đầy vinh dự như sau:

“Ngày 31 tháng 5 năm 1946, Hồ Chủ Tịch cùng phái đoàn Việt Nam lên đường sang Paris. Phái đoàn này đáng lẽ do Nguyễn Tường Tam, bấy giờ là Bộ Trưởng Ngoại Giao lãnh đạo. Nhưng ngay hôm trước khi đi, Bộ Trưởng Tam đã bỏ trốn...” (Nhờ ơn bác viết lại mà chúng ta lại được thấy nhà văn, nhà cách mạng Nhất Linh Nguyễn Tường Tam là một người sáng suốt, nhìn xa thấy rộng. Biết kẻ thù xảo trá và thâm độc, thấy lãnh tụ u mê, chui đầu vào bẫy, ông can ngăn không được thì chức Bộ Trưởng Ngoại Giao ông cũng không màng).

Đem được bác qua Pháp rồi, ở Việt Nam Thực dân bắt đầu khủng bố, bắn giết. Trong khi ấy *“Hồ Chủ Tịch đã đi thăm miền Nam và miền Bắc nước Pháp... Chủ Tịch đã gặp nhiều người: Chính trị, nhà trí thức, lãnh tụ kinh tế, lãnh tụ thợ thuyền, đại biểu phụ nữ, lãnh tụ thanh niên”* (trang 129).

Tóm tắt, nó cho bác đi ngược đi xuôi, lông bông từ Bắc chí Nam, gặp hết người này người nọ để câu giờ. Thê thảm nhất là cái khúc bác khoe được Pháp cho về nước bằng tàu chiến. Bác vênh vào kể:

“Phái đoàn Việt Nam về trước vài ngày, Chủ Tịch về sau trên một chiếc tàu chiến Duy-mông Duyêc-vin (Dumont Durville) của Pháp. Cách đây trên ba mươi năm, Chủ Tịch đi Pháp, làm phụ bếp trên một chiếc tàu buôn. Ngày nay Chủ Tịch đi trên một chiếc tàu chiến, là thượng khách của nước Pháp... Về đến Cam-ranh, Đô Đốc Đắc-giăng-li-ơ đón Hồ Chủ Tịch trên một chiếc tàu chiến khác. Cuộc gặp gỡ rất long trọng” (trang 129).

Rõ ràng là bọn Thực dân rất quý quái. Nó biết bác khoái những trò đón rước linh đình nên trình diễn toàn những thứ ác liệt cả. Bác sướng mê man cả người. Sợ dân Việt ngờ bác “tham vàng bỏ ngãi”, bác vội trấn an: *“Tuy hoàn cảnh khác nhau nhưng Chủ Tịch vẫn luôn luôn là người cách mạng trong sạch và hăng hái. Thái độ đối xử thành thật với mọi người và lòng yêu nhân loại vẫn không thay đổi”* (trang 129).

Bác làm như cái quả “đi tàu chiến” có thể làm thay đổi bác, biến bác thành một kẻ hết cách mạng, hết trong sạch, hết thành thật mà lại hết cả... yêu nhân loại nữa. Vì bác nhắc chuyện 30 năm trước, khoe rằng bây giờ mình vẫn thế, Kiều Phong đành phải vạch ra một chỗ khác nhau khá quan trọng: Ba mươi năm trước, cậu Nguyễn tất Thành làm phụ bếp cho một chiếc tàu buôn, cậu còn trong sạch và vô tội.

Những lỗi lầm của cậu lúc ấy chẳng qua chỉ cỡ vụ gọt măng tây láo lếu, làm thiệt hại nhà bếp. Bây giờ, lầm lỗi của bác gây đại họa cho cả dân tộc. Được ngồi trên tàu chiến long trọng quá, oai quá, bác quên bẵng mất số phận của nhân dân. Và lầm lỗi của bác lúc này đưa đến “hàng vạn người bị phá sản, nhiều người bị tàn sát, nhiều làng bị đốt phá”. Khác nhau ghê lắm.

Cái quả được đi tàu chiến, được Thực dân thụt 21 phát đại bác làm ngài Chủ Tịch ngất ngư hơi lâu, khoái tí đến mụ mẫm cả người hơi lâu. Cho nên, trong khi Pháp:

“... Cao Ủy Pháp hứa hẹn sẽ thành thật chấp hành bản tạm ước. Nhưng trong khi đó y bí mật ra lệnh cho hải quân Pháp phong tỏa cửa bể Hải Phòng... Y ra lệnh bắn vào quần chúng ở Nha Trang trong cuộc mít tinh mừng ngày thi hành bản tạm ước. Y sửa soạn kế hoạch tấn công Hải Phòng và Lạng Sơn.” (trang 130)

Thì bác vẫn cứ đờ đẫn, ngơ ngẩn: *“Mặc dầu những hành động đối địch về phía Pháp, Hồ Chủ Tịch vẫn cương quyết giữ gìn hòa bình.”* (trang 130). Cho đến lúc:

“Nhưng tình hình Thành Phố Hải Phòng bị quân đội Pháp tấn công. Đây là ngày 20.11.1946. Ngày hôm sau Thực dân Pháp lại tấn công Lạng Sơn. Hải quân, không quân, lục quân Pháp đồng thời tàn sát ngót vạn đồng bào ở Hải Phòng. Đã mấy lần, Chủ Tịch gửi những bức điện văn cấp bách cho chính phủ, quốc hội và nhân dân Pháp, yêu cầu chấm dứt chiến tranh, song chính phủ Pháp không trả lời những lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch. (chỗ này không còn thấy Chủ Tịch nhắc gì đến nhận xét của nhi đồng Nguyễn tất Thành: Người Pháp ở

Pháp tốt hơn người Pháp ở Đông Dương). *Trái lại, chính phủ Pháp gửi thêm viện binh. Nhiều quân đội nhảy dù và đội quân lê dương đổ bộ ở Hải Phòng, Đà Nẵng và Hà Nội.*”

“...Hàng ngày, máy bay Pháp thị uy trên không phận Hà Nội, thậm chí lượn qua cả Dinh Hồ Chủ Tịch. Binh lính Pháp tăng thêm khiêu khích. Ngày 17 tháng Chạp, lính Pháp dùng võ lực đòi chiếm trụ sở của Bộ Tài Chánh.” (trang 130 và 131)

Thư bác viết, Pháp không thèm trả lời. Hàng vạn đồng bào của bác bị quân Pháp tàn sát! Bác đau xót chưa ? Bác nổi giận chưa ? Chưa. Bác vẫn khẳng khái: “*Mặc dầu tất cả những việc đó, Hồ Chủ Tịch vẫn cố dàn xếp mọi việc một cách hòa bình.*” (trang 131)

Làm Chủ Tịch nước mà mù quáng không thấy nỗi sự thâm độc của kẻ thù, u mê vì mấy trò vuốt ve, vì những tuồng đón tiếp long trọng, nhưng bác vẫn tự thấy mình anh minh! Một tác đả quê hương, tính mạng một người dân đáng lẽ nhà lãnh đạo phải tiếc, phải xót. Ở đây, quê hương bị tàn phá, hàng vạn người bị tàn sát, Chủ Tịch vẫn chưa chịu mở mắt ra, còn khẳng khái tin tưởng vào lòng tốt của kẻ thù! Lúc ngồi ở Vịnh Hạ Long, được kẻ thù thụt cho nghe 21 phát đại bác, sướng tê mê đến quên trời quên đất, dù sao cũng còn tha thứ được vì bác chưa biết tới cái vụ dân chúng bị tàn sát sau lưng mình. Nhưng bây giờ ngồi viết hồi ký, một đầu óc tăm tối nhất cũng thấy được sự việc Thực dân cho bác đi tàu chiến, vuốt ve tăng bóc bác gắn liền với những chiến dịch đốt nhà, ném bom, tàn sát hàng vạn người Việt. Thế mà Chủ Tịch Hồ nhắc lại những trò “long trọng đón tiếp” của Thực dân với tất cả nỗi hãnh diện hân hoan của một kẻ nghèo hèn đột ngột được phong quan tước. Tội nghiệp những người dân Việt thời đó. Nơi trang 130 bác khoe rằng: “*Trước khi đi Pháp, Hồ Chủ Tịch nhận được hàng vạn lá thư khuyên Chủ Tịch đừng đi máy bay. Những bức thư này là của các hạng người đủ các tầng lớp, đủ các lứa tuổi*”.

Vậy thì ít nhất đã có hàng vạn người Việt thuộc đủ các tầng lớp sáng suốt, biết rõ sự thâm độc của Thực dân, lo âu cho tính mạng của bác. Nhưng tính mạng của họ thì chẳng được ai lo, họ không nhận được một lời khuyên nào về cách đối phó với súng đạn Thực dân. Nhà họ cứ bị đốt, làng họ cứ bị tàn phá, họ cứ bị bắn giết trong khi Chủ Tịch bận nghe 21 phát đại bác, bận đi tàu chiến Tây và bận “dàn xếp mọi việc một cách hòa bình.”

“*Chủ Tịch không bao giờ nghĩ đến mình. Người chỉ nghĩ đến người khác, nghĩ đến nhân dân*”. Hãy bỏ qua những câu chuyện đại dốt, lô bịch kê trên...chỉ cần nhìn lại chính cái giây phút bác ngồi nắn nót viết câu đó là thấy bác man trá chùng nào. Đất nước còn nghèo, nhân dân còn đói, chiến tranh còn khốc liệt...con người “chỉ nghĩ đến nhân dân” ấy lại còn tranh nghề của bọn văn nô, bỏ hết thời giờ tâm trí vào việc ngồi viết văn tự tăng bóc. Vào lúc người dân Việt đang thi đua gục ngã ở chiến trường theo sự hướng dẫn của Chủ Tịch thì vị “cha già dân tộc” cứ say sưa bận rộn với sự nghiệp tự nâng bi.

Có ông cha già nào trên đời lại nhớ nhãng, vị kỷ và bất nhân đến thế!

PHẦN 7

Truyền thống Việt bảo “nghĩa tử là nghĩa tận”, nhưng vẫn chấp nhận rằng những con người đọa địa thâm hiểm có thể bị cuộc mã, đào mồ. Kẻ đốt sách chôn học trò, dù chết đã nghìn năm vẫn không thoát bị nguyên rủa là bạo chúa. Và lại, bác đầu có chịu chết. Trong khi ngồi hì hục viết sách tự tăng bóc, bác đã mưu toan muốn sống vinh quang đời đời. Và tinh thần bác còn đang sống hùng sông mạnh nơi đám thừa kế để tiếp tục dẫn dắt quê hương đất nước xuống vực thẳm.

Chuyện tự tăng bóc của bác chỉ là một trò lơ lửng vô hại chẳng ?

Trò ấy quả có vẻ vô hại, nhưng con người ở vị thế lãnh đạo mà tự say mê đến thế thì cực kỳ nguy hiểm cho dân tộc. Kẻ tự kính phục thường ít khi thấy mình không sáng suốt và chẳng bao giờ chịu là mình cũng có thể sai lầm. Bác Hồ đủ tài để lôi cuốn xô đẩy một nửa dân Việt vào con đường chém giết nửa kia, nhưng bác lại không đủ khôn ngoan để tìm ra một con đường đúng. Nước Nga sau hơn nửa thế kỷ cách mạng vẫn chưa dám để người dân sống cho ra con người, bác Hồ cứ khẳng khái chọn nó làm mẫu mực. Con đường đầm máu dẫn tới bờ

vực, bác Hồ cứ phăng phăng dẫn các cháu đi. Có người nhấn mạnh đến những thành tích của Hồ để làm lễ tôn bác làm vĩ nhân: Nào là bác có ý chí thống nhất đất nước, bác vận dụng được sức mạnh của hàng triệu người, bác được nhiều kẻ theo, tôn sùng như thần thánh, bác có tài lãnh đạo v.v...

Ồi chào! Mí mắt nhân loại cũng nặng lắm, nhiều khi phải tốn hàng triệu mạng người mới hé mở được những đôi mắt đang nhắm nghiền. Bác Hồ được nhiều người theo ư? Quí Sa Tăng cũng có đủ tin đồ để tạo thành sức mạnh gây khốn đốn cho các vị thánh. Bác lôi cuốn ư? Sự lôi cuốn của bác đâu qua mặt nổi Hitler, con người vận dụng được toàn thể sức mạnh dân Đức để làm điên đảo thế giới. Cứ gọi những kẻ ấy là các nhà lãnh đạo có tài, không sao, nhưng cái chỗ mà họ dẫn con người tới làm cho họ giống những tên điên, không đáng tí gì đến tước hiệu vĩ nhân cả. Bác có ý chí thống nhất đất nước ư? Quí Sa Tăng cũng rất quyết tâm thống nhất toàn thể thế giới trong lò lửa địa ngục vậy.

Bác Hồ yêu nhi đồng

Lời tự tâng bốc nghe rác tai nhất của bác là mấy câu khoe: Nhi đồng Việt Nam yêu bác Hồ mà bác Hồ cũng thương nhi đồng lắm lắm:

“Đối với nhi đồng tên bác Hồ là như một người mẹ hiền. Chỉ nhắc đến tên Bác là các em trở nên ngoan ngoãn”.

(Khoe như thế, bác tỏ ra chẳng hiểu mẹ gì về tâm lý nhi đồng, nhất là nhi đồng Việt Nam. Một ông nhóc đang giở chứng mà nghe nhắc tên mẹ hiền, tên bà nội, nó sẽ làm dữ hơn. Dọa trẻ, người ta nhắc tên “ông kẹ”, ông “ngáo ộp”. Nếu các bậc phụ huynh đã dùng tên bác thay thế cho những ông kẹ, ông ngáo ộp thì nhi đồng chỉ teo vì bác chứ yêu thương gì!) Trong câu khoe ngẩn ngui ấy, người đọc lại bắt gặp thói huênh hoang, lòng tham vô độ của bác: Đã đòi làm “cha già dân tộc” bây giờ bác lại muốn là “bà mẹ hiền của nhi đồng” rồi kiêm luôn vai trò nhà giáo dục siêu đẳng, chỉ xòe cái tên ra là trẻ hóa ngoan!

Thôi thì cũng không nên chơi khó bác quá, cứ giả vờ công nhận rằng nhi đồng yêu bác thật, nhưng còn phần bác đối với nhi đồng thì sao? Hãy bỏ qua những em bé bị hỏa tiễn của bác giết trong sân trường Cai Lậy...ta chỉ nói về thân phận những em bé được bác âu yếm xoa đầu, được bác cẩn thận định trước cho một tương lai, được bác sẵn có kỹ lưỡng bằng cả một kế hoạch qui mô.

Hãy nhớ lại câu chuyện hơn 20 năm trước. Năm Mậu Thân, Hồ mở cuộc tổng tấn công miền Nam. Dĩ nhiên miền Nam bị tàn phá, thiệt hại nhiều nhưng đoàn quân năm vùng của bác cũng bị tiêu diệt gần hết. Không thắng nổi sau cuộc “xả lảng” bác bắt đầu chịu nói chuyện hòa bình, hội nghị. Nghe tin miền Bắc bỗng dung “yêu hòa bình” không riêng gì người Việt, cả thế giới tự do đều mừng hóm. Làm sao không vui cho được khi cuộc chiến đẫm máu ở Việt Nam có hy vọng sẽ chấm dứt.

Hồ Chí Minh yêu hòa bình thật chẳng? Cảnh người Việt chém giết người Việt dai dẳng suốt mấy thập niên đã làm bác mềm lòng, thương sót rồi chẳng? Không có đâu! Trong Bắc Bộ Phủ, cái đầu óc “khôn ngoan, thiên tài” ấy lại sáng tạo ra một kế hoạch tài tình để sẵn sàng cho một cuộc chém giết mới, trong tương lai, khi tấn tuồng yêu hòa bình bác thủ diễn đã ru được thế giới ngủ ngon lành, bác Hồ lại ra tay.

Kế hoạch khôn ngoan của bác, kỳ này, nhằm khai thác tận tình sức lực và tính mạng của hàng trăm ngàn đứa trẻ con. Bác cho cán bộ bắt cóc trẻ em ở miền Nam, đưa ra Bắc huấn luyện, dạy dỗ, biến chúng thành những người lính cộng sản. Khi học tập xong, tốt nghiệp, các cháu chắc chắn sẽ được gửi trở lại miền Nam để bắn giết, trong khi đó, trước mắt thế giới, bác vẫn là người đang nỗ lực, tha thiết tìm hòa bình cho Việt Nam. Bài “**Bắt Trẻ Đồng Xanh**” của nhà văn **Võ Phiến** mô tả rất rõ về kế hoạch này:

“Trong những ngày gần đây ai nấy chỉ những xôn xao về chuyện ngưng chiến: Bao lâu nữa nhỉ? Làm gì bây giờ? Trong lúc ấy nhóm lãnh đạo ở Hà Nội lặng lẽ lo công việc mai sau: Tức một cuộc chiến tranh khác. Một cuộc chiến tranh quân sự hẳn hoi. Và họ tiến

hành thực hiện chuẩn bị, ngoài sự chú ý của dư luận: Các bình luận gia có tiếng, khét hay không khét, gần như không mấy may quan tâm đến chuyện ấy.

Cuộc bắn giết sắp tới giữa miền Nam và miền Bắc đã được cộng sản xếp đặt từ lúc này, cũng như cuộc bắn giết thê thảm mười năm qua được họ xếp đặt từ trước tháng 7.1954, trước ngày đình chiến theo hiệp định Genève.

Thượng tuần tháng 7.68 một nhóm luật gia họp ở Grenoble buộc Hoa Kỳ vào tội gây chiến tại Việt Nam. Sau đó, nhóm luật gia tranh đấu chính trị Việt Nam họp tại Sài Gòn cãi lại: Mặt Trận Giải phóng Miền Nam đã thành lập từ năm 1958 và ra mắt ngày 20.12.1960, còn người lính Mỹ đầu tiên chỉ mới tử trận trên lãnh thổ miền Nam ngày 22.12.61.

Người của luật pháp, họ cãi lý với nhau, họ bắt bẻ nhau như thế. Không hiểu sao họ chỉ nói tới Mặt Trận Giải phóng Miền Nam. Trước họ, nhiều người đã đi ngược lên tới Mặt Trận Tổ quốc, và xa hơn Mặt Trận Tổ Quốc: Tới cái nghị quyết của đảng lao động đã đề ra Mặt trận này.

Mặt trận này, mặt trận nọ..., đó là những bằng chứng đã có tên gọi. Chờ cho cộng sản đặt tên rõ ràng các hoạt động của họ mới chịu cho rằng họ hoạt động tức là nghĩ tặc cho họ nhiều quá. Họ đâu có chậm chạp như vậy? Trước những hoạt động có tên gọi đã từng xảy ra nhiều hoạt động không tên gọi, và trước cả các hoạt động không tên là những toan tính xếp đặt kỹ càng. Khi họ nhận thấy không thể thanh toán cả nước Việt Nam một lần, mà phải chấp nhận điều đình với Pháp để giữ lấy nửa nước, thì họ đã đặt ra ngay vấn đề: Còn lại nửa nước kia, phải giải quyết ra sao? Và họ đặt kế hoạch "giải quyết" cùng lúc với kế hoạch điều đình. Nghĩa là vào năm 1954, chứ không phải năm 1958.

Thật vậy, hiệp định đình chiến vừa ký kết, thì những điều khoản ngưng cuộc chiến tranh bấy giờ được họ thi hành đồng thời với những điều chuẩn bị cuộc chiến tranh sau. Đồng thời, không muộn hơn một ngày nào. Lúc ấy, chính quyền quốc gia lo đùm tùm kéo nhau vào Nam, và tổ chức cuộc di cư cho đồng bào miền Bắc. Di cư là đi cả nam lẫn nữ, cả già lẫn trẻ: Công chức già thì vào theo nhà nước để lãnh lương hưu, các cụ cố thì theo con cháu vào để được nuôi nấng và chết giữa đám con cháu v.v...

Cùng lúc ấy, cộng sản lo liệu công việc của họ có ló lạng:

- Vũ khí, họ chôn giấu lại một số ở miền Nam.

- Cán bộ và binh sĩ, họ chọn lựa một số cho ở lại: Có hạng được bố trí để len lỏi vào các cơ quan quốc gia, có hạng trở về cuộc sống thường dân chờ thời cơ, có hạng đối vùng để hoạt động, có hạng vừa lẩn trốn vừa bám lấy địa phương để hoạt động v.v...

Địa chủ phú nông, trót bị ngược đãi tù tội, đều được tha thứ, giải thích, dỗ dành để xóa bỏ hận thù. Những thành phần không dỗ dành được thì họ thủ tiêu, vì xét nguy hiểm đối với tính mạng những cán bộ nằm vùng của họ.

- Tập kết theo nguyên tắc: Đưa ra Bắc hạng trai trẻ có thể làm việc đắc lực và sản xuất giỏi cùng hạng có uy tín có khả năng, bỏ lại trong Nam hạng lão nhược có thể làm một gánh nặng cho quốc gia. Có ý gây phân ly chia cách, làm thế nào để mọi gia đình đều có kẻ đi người ở.

- Gấp rút tạo thêm nhiều liên hệ giữa thành phần tập kết ra Bắc và dân chúng miền Nam: Đặc biệt là tổ chức những đám cưới cấp tốc khiến cho hàng chục vạn binh sĩ và cán bộ việt cộng ra đi bỏ lại trong Nam bấy nhiêu cô vợ trẻ, có những cô chỉ ăn ở với chồng được đôi ba hôm.

Bấy nhiêu cô vợ trẻ và gấp đôi gấp ba chùng ấy cha mẹ già cùng cô cậu chú bác v.v... là một lực lượng đáng kể. Bằng chính sách tập kết và gây liên hệ này, cộng sản cưỡng bức một số người về sau phải làm nội tuyến cho chúng.

Ngay từ đầu, tình cảm của những người này đã hướng về Bắc, theo bóng kẻ thân yêu. Thái độ và hoàn cảnh éo le của họ khiến nhà chức trách địa phương lo ngại, đề phòng. Do đó, họ thành một khối người dằn dặt sống cách biệt, nếu không là đối lập với chính quyền miền Nam. Một vài trường hợp đối xử vụng về bị khai thác, một vài sự hiểu lầm bị xuyên tạc:

Thế là mâu thuẫn giữa hai bên trở thành trầm trọng. Rồi một ngày kia, chuyện được tính trước sẽ xảy ra. Xin thử tưởng tượng: Gia đình có đứa con hay người chồng ra Bắc năm 1954, hai năm sau, một đêm nào đó, có kẻ lạ mặt lén vào nhà, lén lút trao cho xem một lá thư và một tấm hình mới nhất của con hay của chồng từ Bắc mang vào, gia đình nọ làm sao nở tỏ giác kẻ lạ mặt, dù biết họ đang gây loạn. Đã không tỏ giác được, tất cả phải che giấu, nuôi dưỡng mối liên lạc. Từ việc này đến việc khác, gia đình nọ dần dần đi sâu vào sự cộng tác với tổ chức bí mật của đối phương, chịu mệnh lệnh của họ, rút cuộc gia nhập hẳn vào hàng ngũ của họ.

Chính vì như thế mà thư từ hình bóng của cán binh tập kết có giá trị đặc biệt quan trọng: Những năm 1956, 57, 58, cán bộ từ ngoài Bắc xâm nhập vào hoạt động, trong người họ bao giờ cũng mang theo một số thư từ, hình bóng của cán binh tập kết. Đó là lợi khí hết sức đắc dụng giúp họ đặt các cơ sở quần chúng đầu tiên. Gây được cơ sở quần chúng, vận động được sự đóng góp số lương thực tiền bạc cần thiết để nuôi quân rồi, bấy giờ các lực lượng vũ trang tại chỗ bắt đầu được thành lập, các lực lượng vũ trang ngoài Bắc kéo vào. Sau đó mới có cái Mặt trận giải phóng ra đời.

Như vậy, cuộc chiến hiện nay không hề khởi đầu từ những bất mãn chống một chế độ độc tài gia đình trị, không hề khởi đầu từ sau việc chính quyền Sài Gòn từ chối cuộc tổng tuyển cử 1956, không hề khởi đầu từ ngày khai sinh mặt trận nọ mặt trận kia. Cuộc chiến này xuất hiện ngay từ những cuộc liên hoan chia tay giữa kẻ ở người đi trong thời hạn 300 ngày tập kết, những cuộc liên hoan có hát có múa, có bánh trái tiệc tùng. Nó xuất hiện ngay từ những đám cưới vội vã sau ngày đình chiến, những đám cưới lăm khi tổ chức tập thể, do trường cơ quan trường đơn vị chủ tọa. Nạn nhân đầu tiên của cuộc chiến này không phải là những kẻ ngã gục vào 1958, 1959, mà là những cô gái tức khắc biến thành góa bụa từ 1954.

Dân chúng miền Nam ai nấy đều biết những bận rộn tới tấp, những công việc bẻ bộn ngổn ngang mà nhà cầm quyền cộng sản hồi ấy phải làm cho kịp trước khi rút ra Bắc. Trong hoàn cảnh rộn ràng bấy giờ, nếu không vì lý do quan trọng, chắc chắn đảng và nhà nước cộng sản hồi ấy không đến nỗi quá sốt sắng lo cưới vợ cho cán binh như thế. Chắc chắn dù tìm trong bất cứ thời kỳ lịch sử nào của bất cứ dân tộc nào, cũng hiếm thấy một trường hợp chính phủ lo vợ túi bụi đến chừng ấy.

Cũng như hiện nay, trong giai đoạn ác liệt sau cùng của chiến cuộc tại miền Nam này, nếu không vì lý do quan trọng, đảng và nhà nước cộng sản nhất định không bao giờ khổ công gom góp thiếu nhi ở đây đưa ra Bắc, trải qua bao nhiêu gian nan khó nhọc, trong những điều kiện di chuyển nguy hiểm đến nỗi cả các binh sĩ khỏe mạnh của họ cũng phải hao mòn suy kiệt dọc đường.

Đưa thiếu nhi miền Nam ra Bắc, không phải cộng sản nhằm làm nhẹ gánh nặng nuôi dưỡng, giúp các ông tổng trưởng kinh tế hoặc xã hội của chúng ta. Mọi người đều rõ, tại Bắc Việt và Trung Cộng, người ta tiết giảm sinh sản rất gắt gao: Họ hạn chế hôn nhân, hạn chế luyến ái. Đưa thiếu nhi miền Nam ra Bắc, cũng không phải cộng sản nhằm giúp tổng trưởng giáo dục của chúng ta một tay để giải quyết nạn thiếu trường ở trong này.

Trong giới quan sát nhiều kẻ bảo rằng Bắc Việt kiệt quệ rồi, không đủ sức kéo dài chiến tranh nữa, họ bối rối lắm, luống cuống lắm. Dù không tin vào nhận định ấy, ít ra cũng phải chịu rằng lúc này họ bận trăm công ngàn việc, nếu chuyện bắt trẻ miền Nam không có một tầm quan trọng đặc biệt thì họ không hơi đâu nghĩ đến. Đảng này họ đang ra sức thực hiện một kế hoạch bắt trẻ qui mô trên một phạm vi hết sức rộng lớn: Đồng loạt, người ta phát giác ra trẻ em bị bắt ở khắp nơi trên toàn quốc Việt Nam Cộng Hòa, từ Quảng Trị, Thừa Thiên, Pleiku, Kontum, đến Mỹ Tho, Cà Mau, người ta gắp những toán trẻ em chuyển ra Bắc Việt bằng phi cơ từ Cam Bốt, hoặc bị dẫn đi lủ lượt trên đường mòn Hồ chí Minh, nghĩa là bằng mọi phương tiện, một cách gấp gáp.

Họ bổ xung quân số đó chẳng ? Không đâu. Trẻ bị bắt có hạng mới tám chín tuổi. Trong những trường hợp khẩn cấp, họ có thể tạm sử dụng một số trẻ con bắt được ngay tại

địa phương, chứ thành lập những đơn vị con nít như thế để dùng ngay vào chiến cuộc này là chuyện điên rồ. Không phải bổ xung quân số đưa vào chiến cuộc đang kết thúc đâu, mà là họ đang tổ chức chiến cuộc mai sau đây.

Dem chút ít kinh nghiệm về lần trước để suy nghiệm về lần này, chúng ta thấy trước dăm ba điều họ sẽ làm sau khi thỏa ước ngưng chiến được ký kết:

- Họ sẽ bỏ lại miền Nam tất cả những thương phế binh, những cán bộ lâm nạn, tàn tật, v.v... Mang mỗi phân tử vô dụng như thế về Bắc chỉ gây thêm xúc động tâm lý trong quân chúng ngoài ấy, để hạng ấy ở lại, họ tạo thêm gánh nặng cho kinh tế miền Nam.

- Lúc cuộc "chiến tranh chính trị" mà các nhà lãnh đạo miền Nam vẫn nói được bắt đầu, thì bao nhiêu ức vạn gia đình có con cháu ra Bắc (và những cô gái có chồng lính cưới vội cưới vàng trước khi về Bắc nữa) hóa ra những thành phần mà chánh quyền không sao lôi kéo tranh thủ nổi. Lòng họ hướng về những con tin ở ngoài Bắc, phân nửa sinh mạng họ do nhà đương cuộc miền Bắc định đoạt. Thái độ của họ khiến nhà chức trách địa phương có thể phạm vào vài biện pháp kỳ thị vùng về: Thế là phát sinh mâu thuẫn, bất mãn, chống đối, v.v...

Một ngày nào đó, những cán bộ từ Bắc lại lén lút xâm nhập, mang theo thư từ của con, của chồng họ: Họ mừng như mở cờ trong bụng. Họ bắt tay cộng tác với những cán bộ nọ, cùng nhau hoạt động để tạo điều kiện cho chồng con sớm trở về ở ạt theo những đơn vị Nam xâm v.v... Cán binh gốc người miền Nam đưa ra Bắc, rồi lại phải trở vào có nhiều cái lợi: Khi được lệnh vào Nam hoạt động, họ mừng rỡ vì có cơ hội về quê, họ ra đi lạng lẽ, không có bà con thân thuộc ở Bắc nên không gây xao xuyến gì trong dân chúng, vừa giữ được yếu tố bí mật vừa tránh được tác động tâm lý bất lợi: Họ lại được mong chờ đón đợi ở miền Nam và họ thông thạo am hiểu về dân tình cùng địa thế miền Nam.

Như thế, chủ trương bắt đấm trẻ em ở miền đồng bằng Nam Việt bất ngát, phi nhiêu đem ra xứ Bắc đông người đất hẹp, nhà cầm quyền Hà Nội chính đang bắt đầu chiến cuộc mai sau ngay từ lúc này, lúc mà chúng ta còn đang xôn xao mong ước ngưng chỉ chiến cuộc hiện tại. Nói họ bắt đầu lúc này cũng chưa đúng: Thực ra các tài liệu về "vấn đề gửi các cháu ra miền Bắc" đã được phổ biến trong hàng ngũ cộng sản từ tháng 4.68, và thúc giục thực hiện trước mùa mưa năm nay. Tháng 4.68, tức là liền ngay sau khi Tổng Thống Mỹ mở miệng thốt ra vài dấu hiệu tỏ ý xuống thang chiến tranh để đi tới điều đình.

Điều đình để nghỉ ngơi, đối với Mỹ và chúng ta là thở ra một hơi dài nhẹ nhõm. Điều đình đối với cộng sản là bỏ cuộc nửa chừng, là đành không ăn được keo này. Thua keo này họ bày liền keo khác ngay, vì ngưng chiến thế này, theo họ, là một sự dở dang, là chưa hoàn tất công việc. "Thế này rồi thôi luôn hả? Nói thế mà nghe được! Sao có thể quan niệm một cách giải quyết giản đơn, vô duyên đến thế?"

Ý tưởng về ngưng chiến của chúng ta dính liền với một mơ ước xây dựng: Bao nhiêu tỷ bạc cho miền Nam, bao nhiêu tỷ bạc cho miền Bắc, trao đổi kinh tế ra sao, trao đổi văn hóa thế nào v.v... Ý tưởng về ngưng chiến của cộng sản dính liền với một kế hoạch tấn công quân sự... Và những nạn nhân đầu tiên của trận chiến tương lai là những đứa bé con và bố mẹ chúng đã chịu đau thương từ sáu tháng qua rồi. Trận chiến tranh tương lai đã chọn nạn nhân của nó trong đám trẻ thơ, đàn bà miền Nam, để biến họ thành con cô vợ góa. Xong rồi. Việc đã bắt đầu từ nửa năm nay rồi.

Trước một đối thủ như thế, thái độ của những chính khách Việt-Mỹ hàng ngày đấm ngực đồm độp, bần khoăn, tự trách mình cái lỗi không kết thúc được chiến cuộc, thái độ ấy ngây ngô đã đành. Thái độ của những người hớn hờ với một kế hoạch kinh tế hậu chiến nào đó, nghĩ cho cùng cũng mĩa mai tội nghiệp: Liệu rồi hưởng được mấy năm hòa bình trước mắt mà hí hửng tính chuyện xây dựng, mà mơ ước cảnh thịnh vượng? Rồi đến thái độ của những kẻ nhìn xa để báo động về một cuộc chiến tranh chính trị: Bảo rằng đối phương rồi đây chỉ có hoạt động chính trị, như vậy không khác gì chỉ vào con cọp mà gọi là con chó. Gân như tự lừa mình, như giúp địch nguy trang.

Dù cho chỉ có chiến tranh chính trị với nhau, đó ai, đó đảng phái nào, liên minh nào, phong trào nào của chúng ta mà thuyết phục được mấy vạn ông bà cha mẹ có con cháu ở Bắc, mấy vạn góa phụ có chồng ở Bắc, thuyết phục được họ thành thực theo ta ? Chỉ nắm lấy chừng ấy vạn người, cộng sản Bắc Việt đã có trong tay một lực lượng to lớn hơn mọi đoàn thể chính trị của chúng ta. Lực lượng nằm ngay trong lòng quần chúng ta, hàng ngũ ta mà hoạt động. Ấy là chỉ so sánh về lượng. Mặt khác, trong số các đoàn viên phong trào quốc gia, đảng viên quốc gia, v.v...hạng thực sự nhiệt thành vì lý tưởng được bao nhiêu ? Và riêng trong hạng nhiệt thành có được bao nhiêu kẻ mà lòng thiết tha đối với lý tưởng có thể mạnh hơn lòng thiết tha đối với chồng con của những phần tử bị cộng sản lợi dụng kia ?

Dù chỉ có đấu tranh chính trị với nhau thôi, chúng ta đã bất lợi như thế. Huống chi đó chỉ là hành vi tốt lành lương thiện mà ta gán cho đối phương. Còn họ, nếu vạn nhất trong thời gian năm bảy năm sắp tới mà đất nước này thoát khỏi một trận chiến tranh nữa, thì đó là ý trời, không phải là ý của họ đâu. Ý của họ, nó tàn nhẫn đến nỗi chúng ta không dự liệu tới, không tưởng tượng được. Đó là chỗ nhược của ta.

Năm 1954, sau chín năm ê chề mòn mỏi vì chiến tranh, thấy hòa bình ai nấy nhẹ nhõm, nếu có kẻ nào lúc đó mà xếp đặt một cuộc tàn sát nữa, kẻ ấy tất gan đồng dạ sắt. Thì Hồ chí Minh đã xếp đặt cuộc tàn sát ngay vào thời kỳ ấy.

Năm 1968, sau hăm ba năm chiến tranh thảm khốc, nghe nói hòa bình mọi người mừng rơn. Nghĩ tới hàng triệu người đã bỏ thân trong thời gian qua, ai cũng tưởng làm người Việt Nam mà có kẻ dám đề ý nghĩ mon men đến chiến tranh nữa, kẻ ấy thật mặt dày mày dạn, tán tận lương tâm. Thì Hồ chí Minh đang xếp đặt thêm một cuộc chiến tranh.

Vậy mà ông ta vẫn an nhiên hưởng sự trọng vọng của bao nhiêu người, kể cả người Việt Nam! Cho hay cái sản phẩm quái dị của thế kỷ văn minh này là tuyên truyền chính trị, nó có một ma lực mê hoặc phi thường. Không phải thứ tuyên truyền yếu ớt vận dụng một cách khó khăn trong khung cảnh các nước tự do, mà là thứ tuyên truyền một chiều, qui mô, toàn diện, có thể sử dụng các quyền lợi kinh tế hỗ trợ cho nó như ở tại các quốc gia độc tài: Nga xô, Trung cộng, Bắc Việt, Đức quốc xã v.v...

Và Hồ chí Minh không phải chỉ được thứ tuyên truyền ấy xóa cho mình cái chân tướng hiếu sát phi nhân. Ông ta còn hóa thành thiên tài lỗi lạc dưới mắt nhiều người vì đã tổ chức giặc giã trong một phần tư thế kỷ để giành nửa nước, trong khi tại khắp các nước Á Phi, những lãnh tụ bất tài nhất cũng dần dần thu hồi được độc lập toàn vẹn cho quốc gia họ với những tổn thất nhẹ hơn nhiều. Ông ta còn hóa thành chính trị gia khôn ngoan, thành "cha già dân tộc" dưới mắt nhiều người, trong khi ở các xứ khác cũng lâm vào tình trạng lưỡng phân không có chính quyền nào nữ giải quyết tình trạng một cách vô hiệu mà bất nhân đến thế, trải bao nhiêu năm cứ nhất mực khẳng khẳng chủ trương hết cuộc tàn sát này đến tàn sát nọ, không một mảy may sồn lòng xúc cảm trước cảnh chết chóc thê thảm làm cho cả nhân loại đều ái ngại.

Người như thế, không biết lòng dạ ra sao, tim óc ra sao. Bảo rằng cùng trong một người, vừa chứa đầy những kế hoạch xua ngay đồng bào mình vào chiến tranh liên tiếp vừa có chỗ cho tình yêu thương đồng bào, thật không thể hiểu thấu.

Những lời trên đây không được nhả nhận. Quả thật không nhả nhận. Và kẻ viết ra phải lấy làm ngượng về lời lẽ mình. Nhưng khi mình là dân một nước đã trải qua bao nhiêu năm khói lửa, rồi lại trông thấy trước mắt một viễn tượng đầy máu me, khi ấy nói về kẻ gây thảm họa thật khó giữ lòng bình thản để nói lời tao nhã. Có thể nào không giận ? Ông ta bảo phải đeo đuổi cuộc tàn sát nọ là vì nguyện vọng dân tộc ?

Trời, dân tộc này ai cũng xưng biết rõ vanh vách nguyện vọng, ai cũng đòi hành động nhân danh nguyện vọng dân, có điều mỗi người nêu lên một nguyện vọng khác nhau, hoàn toàn khác nhau, lắm khi mâu thuẫn nhau. Đâu là nguyện vọng đích thực, để hỏi sau phân giải. Cái chắc chắn là dân tộc này không hề nặng nề thiết tha với cộng sản đến nỗi chịu chết năm ba thế hệ liên tiếp để rước kỳ được chế độ ấy về. Và ông ta chừng ấy tuổi tác rồi, tại

nghe mắt thấy đã nhiều, từng trải việc đời đã nhiều, ông ta đâu còn ngây thơ mà quáng mắt vì những danh từ khoác lác, những hứa hẹn hảo huyền xa xôi của một chủ thuyết. Ông ta hẳn thừa rõ những gì dễ tiện xấu xa xảy ra phía sau các khẩu hiệu tuyên truyền, thừa rõ con đường từ Hung-gia-lợi, Lô-ma-ni tiến đến dân chủ và hạnh phúc, phải xa hơn con đường từ Thụy Sĩ, Phần Lan.

Mà dù cho ông ta có không nghĩ như thế, cho rằng Tiệp Khắc sung sướng và tự do hơn Thụy Điển đi chăng nữa, thì sự hơn thua chút ít cũng không đến nỗi bắt phải đôi lầy bằng ba bốn cuộc chiến tranh trong đôi ba mươi năm liền. Đáng lẽ ông ta để cho dân tộc nhỏ bé đã chịu quá nhiều đọa đầy vì ngoại thuộc này được yên thân để làm ăn, để sống cho ra sống trong ít lâu.

Đã không vì nguyện vọng, quyền lợi dân tộc, ông ta hành động vì lẽ đảng ông ta nhất định phải thắng các đảng khác, vì lẽ người như ông ta không chịu thất bại nửa đường? Chừng ấy tuổi tác rồi, lẽ nào vì tranh thua, mà ông mạnh tay sát hại đồng bào không xót thương đến thế? Người ta có thể vì tức khí, nóng giận mà tàn nhẫn, vung tay quá đũa. Đó là chuyện nhất thời. Còn ông, hăm ba năm rồi, ông dai dẳng quá. Vì cuồng tín chăng? Vì tự ái chăng? Vì cái gì ông ta cũng đáng trách đáng giận quá.

Nhưng trong vấn đề này, trách móc với giận hờn đâu có ăn thua gì. Một biểu thị tình cảm thật vu vơ, vô hiệu. Ăn thua chỉ có chiến lược thâm hiểm, hành động thích hợp. Lời nói dù nhã hay bất nhã rồi sẽ bay đi theo mây gió. Chỉ có hành động mới sửa đổi được tình thế. Mà hành động thì rồi chắc chắn ở phía bên này thoát tiên ai nấy sẽ nhảy lên mừng hòa bình, rồi tiếp đó sẽ bắt đồng cài cọ nhau ôm tòi về chuyện xây dựng, sẽ tranh nhau làm ăn tới tấp. Cùng lắm, lâu lâu sẽ có người sáng suốt nhắc khẽ đến chiến tranh chính trị. Thế thôi.

Trong lúc ấy Bắc Việt lặng lẽ điều khiển cán bộ của họ ở trong này âm thầm nhen nhóm cơ sở. Rồi đôi ba năm sau, một ngày nào đó xét thấy thuận tiện, họ cho lệnh bùng nổ. Thế là chiến tranh tái diễn.

Chiến tranh tái diễn: Mọi người trên thế giới đang sống an lành bỗng bị quấy rầy, bị ảnh hưởng, có một số bị lôi cuốn vào cuộc chiến, lầy lầm lo ngại, bức mình, quay đầu về cái xứ lăm chuyện này nhìn bằng cái nhìn soi mói, nghiêm khắc, trách vấn: "Rầy rà thật! Ra cái xứ ấy tệ thật, tự xử không nên thân. Loạn lạc này đích thị do độc tài, tham nhũng, bất công, kỳ thị tôn giáo v.v...khiến dân chúng nổi lên chống chế độ. Dung dưỡng những chính quyền, những chế độ như thế chỉ tổ tai hại v.v..."

Chiến tranh ác liệt thêm: Lương tâm nhân loại bị xúc phạm, các nhà triết học gọi nhau họp ở Thụy Điển, các luật gia rù nhau họp ở Grenoble, v.v...trình trọng suy tư, trình trọng bàn cãi, rồi lên án, kết tội, v.v...Trong khi ấy các lãnh tụ Hà Nội họ chỉ cần khéo che miệng nín cười. Đó là điều quan trọng: Họ không được phép cười. Họ không được phép chế giễu lương tâm và trí thông minh của loài người. Họ không được vô lễ, họ chỉ được tiếp tục đánh thật mạnh.

Cứ thế cho đến khi hoặc chúng ta chịu không nổi những đòn đánh từ bên ngoài và những đòn xóc từ bên trong, chúng ta bỏ cuộc và cộng sản tiến đến Cà Mau, hoặc bên phía chúng ta cùng đồng minh có những kẻ thật chí, cộng sản liệu ăn không nổi, thế là lại điều đình và lại xếp đặt một kế hoạch khác. Như vậy không biết đến bao giờ.

Còn ba mươi năm nữa, chúng ta bước sang thế kỷ XXI. Nhiều người xem như bước sang một kỷ nguyên mới, một nền văn minh mới: Con người sẽ không chỉ biết có quả đất, nhiều quốc gia sẽ tiến đến nền kinh tế kỹ nghệ hậu. Đó chưa hẳn là cực lạc. Nhưng cũng là cái gì vượt xa tình trạng hiện tại. Thiên hạ nô nức đua nhau tiến đến mặt trăng, đến kinh tế kỹ nghệ, đâu như thế cá vượt Vũ môn.

Riêng dân tộc chúng ta, ba mươi năm nữa e vẫn còn đánh nhau, nửa nước tím lầy nửa nước đình nhau trong bể máu. Các dân tộc, bất cứ da đen hay da đỏ, đều có thể nô nức, hy vọng ở thế kỷ XXI. Riêng chúng ta, chúng ta chỉ còn có mỗi một điều để đón đợi: Là hết chiến

cuộc này đến chiến cuộc khác, nếu Hà Nội không từ bỏ quyết tâm của họ. Và cho đến bây giờ, họ chưa có dấu hiệu từ bỏ.

Hỡi các em bé của đồng bằng Nam Việt xanh ngát bị bắt đưa đi, từng hàng từng lớp nói nhau dìu nhau ra núi rừng Việt Bắc! Riêng về phần mình, các em đã chịu côi cút ngay từ lúc này, còn đất nước thì sẽ vì những chuyến ra đi của các em mà lâm vào cảnh đau thương bất tận. Tai họa hiện xảy đến cho các em cũng là tai họa về sau cho xứ sở. Đã sáu tháng qua rồi. Dù người ta có thôi dài cổ ngóng về Ba-lê, đề nghị cách cứu em, thì cũng đã muộn. Nhưng đâu có ai chịu thôi ngóng chờ ? Và trong không khí thấp thỏm chờ đợi hòa bình, ngay ngày báo chí chỉ những rập rình từng thoáng tin ngung oanh tạc, tôi hướng về các em những ý nghĩ vô cùng buồn thảm, đen tối” (Võ Phiến 10.1968)

Đó là số phận những em bé được cái đầu óc lăm muru nhiều kẻ của bác cháu cô, được bàn tay đầm máu của bác vuốt tóc, xoa đầu. Muốn biết nỗi đau đớn của những người bị mất con, muốn đo lường mức tàn nhẫn độc ác của bác, hãy đi hỏi những bậc cha mẹ có con bị bắt cóc hay mất tích.

Tội nghiệp những em bé chín mười tuổi ở miền Nam, những bóng dáng xinh đẹp Thượng Đế sinh ra để tung tăng trên những cánh đồng xanh thom ngát và an bình. Bé gái đang chiều chiều phụ mẹ nấu bếp, chăn đàn gà, nuôi con heo. Bé trai đang vác cần câu, xách giỏ hờn hờ theo cha vào sông lạch tìm con tôm, con cá. Đột nhiên chúng biến mất. Vào lúc cha mẹ chúng nhếch nhác khóc lóc chạy khắp làng trên, xóm dưới tìm con thì chúng bước thấp bước cao chập chờn trong rừng sâu, trên đường ra Bắc. Rồi chúng biến thành công cụ gây chiến của bác.

Ít năm sau, bác trả về cho những ông cha bà mẹ khốn khổ ấy một thanh, thiếu niên bị quỷ ám, trong cái linh hồn vô tội lúc bị bắt cóc giờ chỉ đầy ắp những căm thù, những khao khát muốn chém, muốn giết. Cha mẹ nào nỡ tố cáo con dù biết trong cái xác do mình đẻ ra kia đã chứa một linh hồn quý. Và những đứa trẻ ấy, theo đúng lời bác dạy, cứ nỗ lực phá cho tan nát vùng đất tự do cuối cùng của cha mẹ ông bà, xóm giềng.

Lũ trẻ đồng xanh miền Bắc đâu có may mắn gì hơn. Không cần một kế hoạch qui mô, qui quái, từ Bắc Bộ Phủ, bác chỉ quơ nhẹ tay là tóm cổ được hết. Chỉ khác, khi đi ngược chiều với lũ trẻ miền Nam trên đường mòn cũng mang tên bác, trẻ đồng xanh miền Bắc nay đã cứng cáp, vững vàng, đã biết bắn giết chẳng ghê tay.

Trên cỏ đám trẻ đồng xanh của cả hai miền, bác đóng cho những cái gông giống hệt nhau. Gông nào gông nấy to tổ chẳng, nặng chình chịch, nhưng lại có những tên hoa lá cành: Giải phóng đất nước, chống Mỹ diệt Ngụy, trường kỳ kháng chiến cứu nước v.v...Và dù đi xuôi hay đi ngược, phần lớn các em cùng gặp gỡ ở một tương lai: Phơi thầy chiến địa để lót đường cho một anh già độc ác, mù quáng, tự ái lắm cảm ở Bắc Bộ Phủ có thể đặt bàn thờ Lênin trên khắp 2 miền đất nước.

“Tương lai trẻ em”, “Tương lai dân tộc” thường là những món hay được các nhà cách mạng nhân danh để nêu cao chính nghĩa. Người ta chịu gian khổ, chiến đấu, hy sinh chỉ vì muốn các thế hệ sau khá hơn, xã hội tương lai sáng sủa hơn. Nhưng bác Hồ càng chiến đấu hung hãn càng đưa đất nước vào con đường mạt rệp. Những em bé chết trong sân trường Cai Lậy trước 75 đã muôn phần hạnh phúc hơn những đứa bé tắt thở trên vỉa hè Sài Gòn, dưới mái lều vùng kinh tế mới hiện giờ...Bởi vì khi nhắm mắt lia đời, chúng không bị bỏ đói.

Hàng vạn đồng bào Việt Nam bị phá sản hoặc bị Thực dân tàn sát (trong khi bác ngồi khoái tỉ trên tàu chiến Tây, hay đê mê nghe thụt hai mươi một phát đại bác ở vịnh Hạ Long) sẵn sàng tha thứ cho bác, hàng trăm ngàn người chết thảm trong kỳ Cải Cách Ruộng Đất sẵn sàng tha thứ cho bác, những trẻ đồng xanh của hai miền Việt Nam sẵn sàng hy sinh cho bác, cả quê hương Việt Nam sẵn sàng chịu tàn phá điêu linh vài thập niên v.v...nếu cái chỗ bác muốn đưa đất nước đến là một chỗ khâm khá, nếu bác tạo cho trẻ thơ Việt Nam một cuộc đời no đủ, tiến bộ và hạnh phúc hơn.

Nhưng quê hương đất nước, trẻ em Việt Nam giờ này ra sao thì cả thế giới biết rồi. Chế độ cộng sản, cái chế độ mà bác đã trả giá bằng núi xương sông máu để rước về cho dân tộc hay ho cỡ nào thì cả thế giới cũng biết rồi. Nhân dân ngày đêm cầu nguyện, mơ ước được sống trong cái thế giới mà bác đã bắt họ cảm thù, xua họ đi đập phá trước đây. Trong những dinh thự dành cho giai cấp vua quan mới chỉ thấy những khuôn mặt già nua, mù quáng, cuồng tín, bắt tài trong việc mưu cầu phúc lợi, nhưng nham hiểm, độc ác trong việc cùm đầu, xiết cổ nhân dân. Hết thập niên này qua thập niên khác, các đảng cộng sản chúa, cộng sản theo đuôi đua nhau ba hoa, khoác lác đủ điều...cuối cùng tất cả chỉ nói được một câu thực có ý nghĩa, thực đúng là: ‘‘Chúng tớ đã sai lầm!’’

Sai lầm rồi sao ? Lầm đến độ tiêu tủng hàng triệu mạng, tan nát cả quê hương, kẻ làm lẫn có liêm sỉ chắc phải tự treo cổ, hèn nhất thì cũng rời khỏi vai trò lãnh đạo. Nhưng chế độ cộng sản, những anh tự xưng là ‘‘cha già dân tộc’’ cứ tha hồ lầm, tha hồ sai trật...và rồi bình thân tiếp tục ngồi trên đầu trên cổ dân tộc, tiếp tục lãnh đạo. Mảnh giang sơn gấm vóc tiền nhân để lại, cuộc đời của hàng triệu con người rút cục giống như những con chuột, con ếch trong phòng thí nghiệm, bị dùng để thử thuốc cai trị mới của bác, của đảng.

Những em bé đói cơm, thiếu sữa ngồi khóc sùi trong những gia đình tóc tang, chia lìa trên một quê hương nghèo đói, điều tàn là tác phẩm của bác, là sự nghiệp của bác. Sự nghiệp ấy được hoàn thành nhờ sinh mạng của hàng triệu người, nhờ biết bao trẻ đồng xanh chết bụi, chết bờ. Muốn biết bác đã làm hại quê hương, dân tộc đến cỡ nào hãy so sánh những đứa trẻ ở miền tự do với những đứa trẻ đang nằm trong vòng tay nuôi dưỡng của vị ‘‘cha già dân tộc’’ và bè lũ.

Dưới chế độ ù lì, thiếu sinh khí hơn cả cái xác ướp của bác, những trẻ em Việt Nam vốn tốt tươi, sáng láng đang bị bỏ đói, từ thân xác đến trí tuệ đều èo uột, thiếu dinh dưỡng. Có những em bé vốn dĩ thông minh, chỉ vì ăn không đủ no mặc không đủ ấm, phải tự phát triển khả năng xảo quyệt, gian trá để sống còn và trở thành những đứa bé tục tằn, độc ác. Trong khi đó, những em bé thoát được đến vùng đất tự do bên ngoài quê hương đang đứng ngang hàng cùng trẻ em khắp thế giới. Các em khỏe mạnh, đẹp đẽ và thông minh, hiên ngang đóng góp cho sự tiến bộ, sự phồn thịnh, và cho hạnh phúc của loài người. Cỏ cây không mọc được trên vùng đất gốc nguồn. Mầm xanh của dân tộc chỉ mạnh mẽ, tốt tươi, vươn mình lớn dậy ở những nơi...bên ngoài quê hương!

Thành tích của bác Hồ đâu phải chỉ là một triệu mạng người trong quá khứ. Bàn tay tàn sát của bác thật sự đã vươn tới những thế hệ mai sau, gây thương tổn cho dân tộc không biết tới bao giờ! Mai đây, có thể lũ hậu duệ của bác sẽ noi gương quan thầy, sẽ vẽ lại chân dung thực của bác với đầy đủ sừng, mỏ nanh vuốt. Như Stalin rút từ ngôi vị cha già dân tộc xuống vị trí một tên cuồng sát. Như Mao Trạch Đông hết là ông thánh toàn hảo mà đã hiện nguyên hình là một lãnh tụ đầy lỗi lầm. Những mặt nạ thánh thiện lần lượt được lột khỏi mặt mấy xác chết của những đại đồng chí khát máu, độc tài. Có thể Hà Nội sẽ cất bác đi cho đỡ xấu hổ.

Trong trường hợp ấy, cuốn sách tự nâng bi với mặt nạ Trần dân Tiên cần được lưu trữ song song với cuốn sách này. Sách bác Hồ và sách Kiều Phong phải đi đủ cặp, phải trường tồn như nhau. Thứ nhất là để mua vui và cho bác tí công lao. Sau hơn một phần tư thế kỷ gieo rắc tiếng khóc than trên khắp đất nước, ít nhất cũng có lúc bác làm được một cử chỉ đẹp: Viết sách tặng cho chúng ta một trận cười. Thứ nhì là để gửi lại cho những thế hệ sau một vài kinh nghiệm: Trong hàng ngũ quý xanh, quý đỏ vây quanh loài người, nguy hiểm độc hại nhất vẫn là những con quỷ tưởng mình đang làm công việc của Thiên Thần.

Bác cũng có công

Từ đầu tới cuối sách chỉ toàn vạch ra những chỗ nhỏ nhẽo lỗ bịch của bác, thế nào Kiều Phong cũng bị bọn văn nô nhâu nhâu chê là thiếu vô tư, công bằng. Để tỏ rõ phong thái đường hoàng, đại lượng của một người Quốc Gia chân chính, Kiều Phong công khai đồng đạc xác nhận rằng bác Hồ có tới hai công trình, sự nghiệp rất ích lợi và xây dựng. Vâng, xét lại

toàn bộ sự nghiệp bác, Kiều Phong hoan hỉ thấy rằng có tới hai lần bác đã làm được những việc thực sự có ích cho đời:

Vụ thứ nhất là vào một ngày mưa gió bão bùng, sợ chủ đói, bác kéo lê những rổ rau trên sàn tàu, tự du mình vào cái thế suýt bị sóng cuốn chết mất xác. Dù rằng vì vận nước Việt không khá, bác sống sót. Nhưng cái công bác xem trừ khử được một tên quốc tặc, cũng đáng được ghi nhận.

Vụ thứ hai là bác ngồi hì hục viết cuốn hồi ký tự nâng bi này, trình làng một bản tự khai, tự thú đầu đủ chi tiết để Kiều Phong có dịp lập bản án, thẳng cánh tông giam kẻ hại nước, tàn dân vào vĩnh cửu.

San Diego, Hoa Kỳ, 2.1989
Kiều Phong